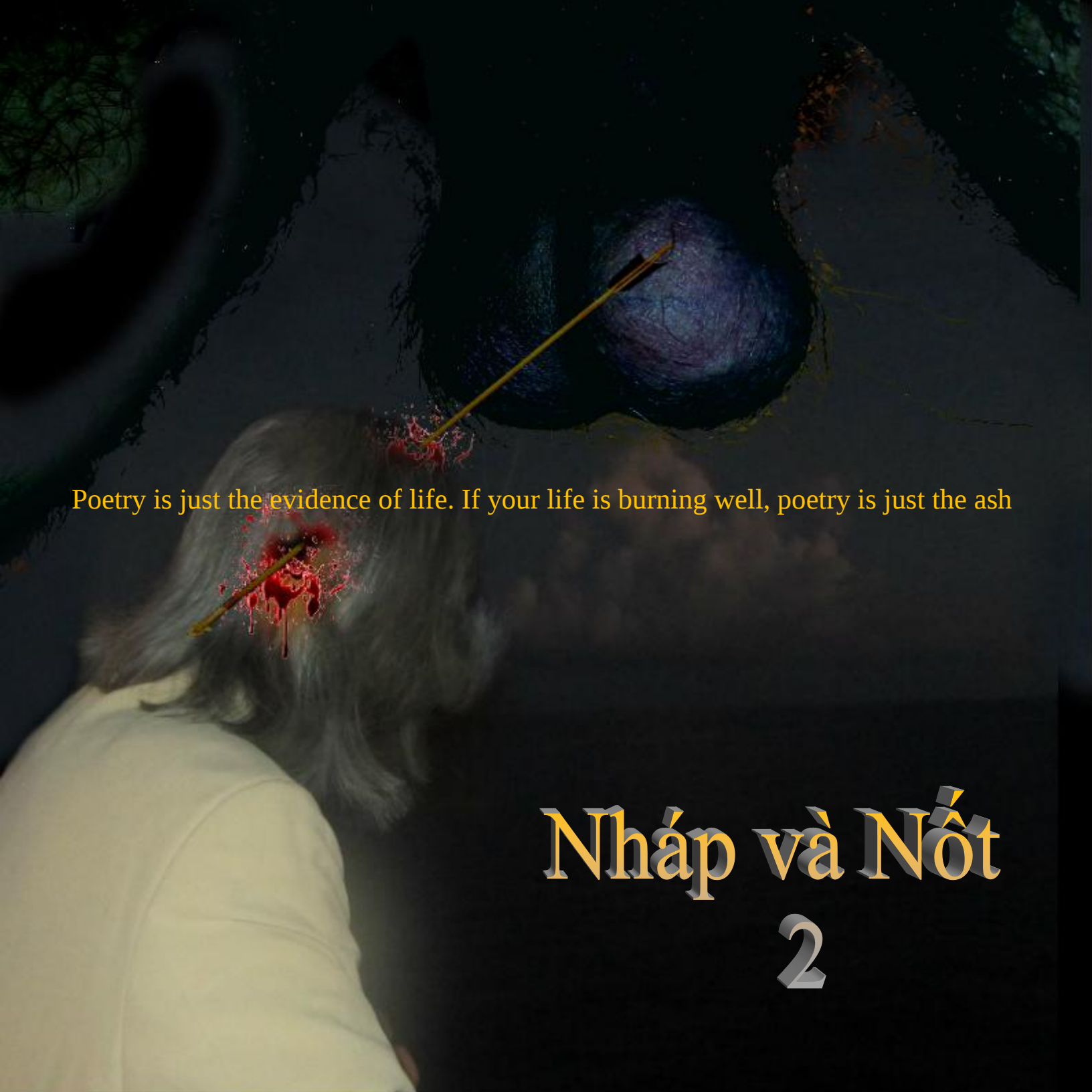




Poetry is just the evidence of life. If your life is burning well, poetry is just the ash

Nháp và Nốt

2

9810

Ấn bản và phát hành

Nháp Và Nốt. Phần 2

Ngày..

Không bán

Không giữ bản quyền

e9810@yahoo.com

Poetry is just the evidence of life. If your life is burning well, poetry is just the ash.

Leonard Cohen.

Tác phẩm đã phát hành, In và sách điện tử:

1- Hoá Ra Nét Chữ Lên Đàng Quấn Quanh. Thơ. 1986.

2- Tựa Đề Ở Bên Trong. Thơ. 1987.

3- Hỡi Oi. Thơ. 1991.

4- Hãy Cho Ta Sống Giùm Đời Nhau

(5) và Tình. Thơ đôi. 1993.

6- Thi Sĩ và Tôi. Thơ và tùy luận. 2002.

7- Thơ Tóc Bạc. Thơ và tùy luận. 2009.

9- Nháp và Nốt. Phần 1. Tùy Luận. 2012.

10- Chấm Hết. Thơ. 2012.

11- Hay Đẹp Tình Cờ 1, 2, 3. Ghi. 2012.

12- Cuối Cùng Là Thơ. Thơ. 2013.

13- Nháp và Nốt. Phần 2. Tùy Luận. 2013

14- Thơ Federico Garcia Lorca. Chuyển thơ. 2013.

Bóng Nắng Khuya. Nhạc. CD 2001.

Hát Không Dám Buồn. Nhạc. CD 2003.

Đợi Chờ Không Biết Đợi Chờ Ai. Nhạc. CD 2004.

Nháp Với Nốt. Phần 2. Tùy Luận Với Thơ . Tập 13.



Hoài Nghi và Thám Hiếu² Nghệ Thuật

Hoài nghi là một khả năng sinh tồn. Đánh thức lòng say mê một chiều. Phản bác lại lý luận của tri thức. Bắt đầu cho một hành trình nhìn lại và tìm kiếm một phương hướng khác để đi.

Hoài nghi là bắt đầu định giá trở lại những gì đã được định giá. Định giá lại giá trị trong quá khứ và giá trị hiện tại của đối tượng bên ngoài. Hoài nghi còn quan trọng hơn khi tái định giá lại giá trị của chính mình.

Một nghệ sĩ khi đã hoài nghi về giá trị của nghệ thuật đang được tôn thờ thì không cách nào hơn là hủy bỏ những phức tạp của nghệ thuật đó, nắm lấy tính và chất tinh ròng và đơn thuần để trồng vào giá trị sáng tạo riêng trong lòng, tư hóa và đặc thù, để nảy sinh một giá trị khác của nghệ thuật.

Cuộc tranh luận độc thoại này càng hung hãn, càng gay gắt, càng hơn thua chùng nào thì càng có kết quả hữu ích chùng đó. Trớ trêu là kết quả này lại dẫn đến những tranh luận khác và cứ như vậy cho đến khi người đó bỏ cuộc hoặc chết đi. Vì hoài nghi là yếu tính của nghệ thuật. Còn mục diện sau cùng của nghệ thuật là thẩm mỹ tuyệt đối thì chưa hề trông thấy.

Quá trình này có thể ví như tự nhảy vào vực sâu. Vực sâu đây chính là cõi nghệ thuật mà chưa ai biết rõ. Có thể là cái đẹp sau cùng, có thể là bí ẩn đời sống, có thể là Sẽ Không Bao Giờ Biết nhưng với bản tính thám hiểm, với trực giác sáng tạo, với một lòng can đảm xem thường thất bại, người nghệ sĩ này sẽ cảm và thức được, đáy vực sâu là nơi anh ta muốn tới.

Một tôn giáo nhân thì tìm kiếm bí mật của đời sau. Một triết gia thì tìm kiếm bí mật của cội nguồn và bến đỗ. Một nghệ sĩ thì tìm kiếm bí mật của hay đẹp trong tâm hồn. Bất cứ là tìm cái gì, cứ tìm kiếm là có hoài nghi. Hoài nghi càng lớn thì tìm kiếm càng triệt để.

Nghệ thuật thì không cần đúng sai, không cần thiện ác, chỉ cần nổi sung sướng trong tim. Nhưng khi hoài nghi về con đường dẫn đến sự sung sướng, khi hoài nghi chính bản chất của sự sung sướng, thì nghệ thuật phải chăng là nỗi khổ đau?

Năm xưa khi Trương Chi say đắm My Nương, chắc chắn anh ta sung sướng vô cùng. Tin tưởng vào tiếng sáo sẽ dẫn đưa đến tình yêu. Nghệ sĩ nào cũng có những giây phút ngây thơ và những niềm tin cực đoan trong vài giai đoạn hoặc cả đời người. Chắc bạn cũng cảm được anh Trương Chi đã mê mang biết bao là mộng mị. Rồi một hôm, thất vọng. Thương ngoạn từ chối anh. Buồn bã, khổ đau, nghi ngờ cây sáo "thần kỳ" kia. Nghi ngờ tiếng sáo mê hồn kia đã một thời cho anh được tình yêu của người đọc. Bẻ gãy cây sáo, rơi vào vực sâu để tìm đâu một tiếng sáo một con đò đưa anh về dung nhan kiều diễm. Anh Trương Chi khổ đau vì không được yêu là dĩ nhiên nhưng anh càng đau khổ hơn vì biết được chính dung nhan xấu xí của mình. Có thể thất vọng hơn nữa khi biết mình không có tài năng trở thành khanh tướng để sánh đôi với My Nương. Câu chuyện Trương Chi kết thúc bằng trái tim ngọc, mài thành ly ngọc để giọt nước mắt ngậm ngùi thương tiếc làm tan vỡ khối u tình của kẻ tình u. Anh Van Gogh cũng thảm thương bỏ đời để lại những bức tranh, đương thời không ai coi trọng. Vậy mà một hôm Sunflowers, hoa Mặt Trời thành ngọc. Giá bán bạc triệu. Ngàn ngàn giọt nước mắt ngậm ngùi. Giá như không nghi ngờ nghệ thuật hội họa thời đó, chắc gì anh Van Gogh đã chọn con đường vẽ khác để đi vào lịch sử. Nghệ thuật Trương Chi và nghệ thuật Van Gogh khác nhau chỗ nào vậy?

Hai ông triết gia hạng nặng khác ý nhau. Ông Immanuel Kant cho rằng, trước khi tiến hành một công việc cần phải có một nhận thức đối với các công cụ, phương pháp để thực hiện công việc. Nếu chẳng đường công cụ và phương pháp không hoàn chỉnh thì kết quả công việc không thể tốt đẹp.

Ông Friedrich Hegel phản bác rằng, khi một người khảo sát nhận thức về công cụ hay phương pháp, tức là đang nhận thức về nhận thức, để tìm sự hoàn hảo thì giống như người trước khi học được cách bơi thì đừng xuống nước vì dẫn đo nguy hiểm.

Cả hai đều đúng. Ráp vào việc làm nghệ thuật, bạn có thể thấy ngay, lời ông Kant ứng dụng cho một nghệ sĩ hoài nghi về tiến trình sáng tác. Chú trọng đến thành quả của tác phẩm. Trong khi lời của ông Hegel là hoài nghi về tính sáng tạo. Không thể nào đạt được nghệ thuật nếu không xông phá vào nghệ thuật. Dĩ nhiên, đây chỉ là một chi tiết nhỏ trong bức tranh suy tư to lớn của hai vị triết gia thế kỷ 18, 19.

Mượn cách lập luận này để dẫn chứng yếu tính hoài nghi quan trọng như thế nào trong nghệ thuật. Một nghệ sĩ không bao giờ hoài nghi về khả năng tri thức, tài năng áp dụng vào tác phẩm hoặc nghi ngờ chính giá trị của tác phẩm của mình, người nghệ sĩ này chưa trưởng thành trong nghệ thuật. Một nghệ sĩ chưa bao giờ nghi ngờ về tài hoa của mình trong sáng tạo nghệ thuật thì chưa thể là nghệ sĩ có bản lĩnh để tác tạo những tác phẩm có giá trị cao.

Cái tạo ra giá trị nghệ thuật của mỗi nghệ sĩ và mỗi tác giả là mức độ của bản chất nghệ thuật và thực niệm về quang tính nghệ thuật. Muốn được giới tiêu thụ hâm mộ, một chiếc xe hơi thể thao (sport) phải đẹp từ hình dạng đến màu sắc. Phải hội đủ mức độ xe thể thao: tốc độ nhanh và trang bị công nghệ, kỹ thuật phải cao độ và yếu tính của xe thể thao phải an toàn vì không có người giàu nào muốn chết sớm. Còn một chiếc xe đồ chơi khách thì từ tứ, ý, bản chất sẽ khác với xe thể thao. Nhưng phải có cùng yếu tính là an toàn vì người thường, người nghèo, cũng không ai muốn chết. Vì vậy, bản chất nghệ thuật và quang tính nghệ thuật là xương sống để xây dựng một cơ thể tác phẩm. Cơ thể này hình dạng ra sao, mặc áo quần gì, thuộc về tứ.

Một tác phẩm được thưởng ngoạn từ hình dạng, tức là tứ. Cùng với tứ, thưởng ngoạn sẽ đạt được ý. Sau đó, thưởng ngoạn có trình độ sẽ thẩm thấu mức độ bản chất nghệ thuật và yếu tính nghệ thuật của tác phẩm qua phương pháp sáng tác. Toàn bộ trình bày được khả năng và giá trị sáng tạo của tác phẩm và ghi nhận tiến trình sáng tác của tác giả.

Rồi một hôm nào, người nghệ sĩ, như một thức giấc, cảm thấy những tác phẩm, những giá trị nghệ thuật đều rơi vào nghi hoặc. Ngay ở ngã ba dừng chân này, người nghệ sĩ có thể rẽ vào ngã đường an toàn. Lãng quên những hoài nghi. Nắm giữ những gì đã tạo nên trong quá khứ. Giữ lấy gia tài nghệ thuật đã hiểu, đã nghiệm, đã có. Giữ lấy tên tuổi và sự hài lòng. Hoặc rẽ vào con

đường chán nản, bỏ cuộc chơi. Hoặc rẽ qua con đường Thám hiểu. Con đường của trưởng thành nghệ thuật. Con đường tự tiệm hành một bản lĩnh

Thám Hiểu. Có công án Thiền kể rằng, một người té xuống triền núi sâu. Anh ta quơ quào rồi nắm được một rễ cây. Đeo lơ lưng, chưa có cách gì để leo lên. Đang loay hoay, anh ta nhìn thấy hai con chuột, một trắng một đen, đang gặm cái rễ cây ở đầu trên. Thế là xong. Chẳng bao lâu rễ cây sẽ đứt. Chợt anh nhìn sang một bên, thấy một bông hoa đang nở trên sườn đá. Hoa đẹp, hương thơm và anh tận hưởng....Câu chuyện chấm dứt ở đây. Để lại nhiều tranh cãi.

Trong lãnh vực nghệ thuật, có thể nói, anh này là người nghệ sĩ, vô ý rơi xuống vực sâu. Bám lấy một giá trị nghệ thuật nào đó để lửng lơ. Rồi cái giá trị tạm này cũng không thể là cứu cánh. Đành ngẩng nhìn ngang dọc, tìm thấy một "đóa hoa". Đẹp thơm mà không nắm được, không cứu được, chỉ bày tỏ sự thánh thoát, thoải mái, đắc đạo trước phút lâm chung. Hậu nghiệm không ai biết.

Hình ảnh người nghệ sĩ đang đưa này có thể nhìn thấy khắp nơi. Thật ra, đã chắc gì có đóa hoa đang nở. Hoặc vì tự tôn hoặc vì hoang tưởng mà đóa hoa đã mọc ra. Câu hỏi còn lại là khi nào anh này sẽ rớt? Số phận sẽ ra sao? Sống hay chết? Hoặc bị thương? tật nguyên suốt kiếp?.... Mỗi người nghệ sĩ sẽ ra sao khi cứ mãi đang đưa chờ đợi? Hầu như mỗi người nghệ sĩ đang đưa đều có ý nghĩ giống nhau, tin tưởng giống nhau, nói giống nhau: Vui thôi. Rồi đời sẽ chóng qua.

Đóa hoa này nở ra đúng lúc, rất đẹp và héo dần trong quan tài đầy nắp. Ý nghĩa và cảm giác, cũng như "lòng" tri thiên mạng đều đúng. Không có nghệ thuật sau cái chết. Nghệ thuật chỉ hiện hữu trong cõi sống. Nhưng có điều gì đó không mãn nguyện cho người không phải vô ý rớt xuống vực sâu mà cố tình "thám hiểu" tụt xuống triền dốc núi.

Nếu trời đất đứng sang một bên, thì không có Tiên thiên nghiệm và Hậu thiên nghiệm. Chỉ có Tiên nghiệm và Hậu nghiệm. Phần tiên nghiệm đã có cho đến lúc "đắc phước" đóa hoa. Còn phần hậu nghiệm ra sao?

Những nghệ sĩ thuộc thành phần thám hiểu sẽ dần thân vào những nơi không được chấp nhận. Những giá trị nghệ thuật được công nhận, được ủng hộ, được ngợi ca, sẽ không thấy ở những nơi này.

Họ bắt đầu bằng những cơn say mê khi "tuổi nghệ thuật" còn vị thành niên. Thời điểm này, nghệ sĩ hít thở dưới bóng những thần tượng. Sản phẩm nghệ thuật của họ là những "chép lại" với những giá trị đẹp hay của mỗi cá tính. Và họ thường cho rằng họ đã có một vị trí riêng, một nghệ thuật riêng nhưng thật ra: Đẹp và Hay của mỗi cá tính chỉ mới là bản chất của nghệ thuật. Họ có thể ngưng lại ở đây. Đa số ngưng lại ở đây, thoải mái với nghệ thuật qua ngày....

Nếu chỉ cần có đẹp và hay là hội đủ điều kiện cho một tác phẩm giá trị, thì đòi hỏi này đúng nhưng thiếu. Với kỹ thuật tiến bộ nhanh chóng, với những trường dạy nghệ thuật khắp nơi, với cái đẹp điều hay được phát tán toàn cầu, thì cái đẹp đồng dạng và cái hay sáng chế cũng dễ sáng tác thôi. Khó mà phân biệt cái đẹp cái hay biến báo đồng dạng hoặc dị dạng với cái đẹp cái hay nào nguyên gốc (original). Nhất là khả năng bắt chước và chép lại ngày nay rất tinh vi và được đám đông công nhận. Vì vậy cho dù đạt được bản chất đẹp và hay của nghệ thuật, vẫn cần phải đạt được một yếu tố khác, đó là sáng tạo. Sáng tạo của tứ. Sáng tạo của thủ công, kỹ thuật. Sáng tạo không phải chỉ là phương pháp mà là "kết quả" hữu hình hoặc vô hình sẽ được nhận ra trên tác phẩm.

Nếu tiếp tục hành trình tri thức và cảm nghiệm, "tuổi nghệ thuật" sẽ trưởng thành. Họ chuyên chú về cá tính và phương pháp sáng tạo. Giá trị Đẹp và Hay chuyển hướng. Khác như thế nào là tùy vào năng lượng và sức cá biệt của cá tính. Lòng kiêu hãnh cá nhân dần dần nhỏ xuống và lòng kiêu hãnh nghệ thuật dần dần gia tăng. Phải có lòng kiêu hãnh nghệ thuật thì nghệ sĩ mới đứng vững giữa cơn ba đào của chính trị, kinh tế, xã hội, công danh và kẻ cả tình yêu, một trong nguồn cơn lớn nhất của nghệ thuật. Lòng kiêu hãnh cá nhân thường làm cho nghệ sĩ lố bịch, ngụy biện không cần thiết và đi xa dần nghệ thuật.

Sự trưởng thành nghệ thuật làm cho nghệ sĩ càng ngày càng cá tính hơn, càng sâu sắc hơn, càng thâm trầm hơn. Càng biết rõ, nghệ thuật không phải là lối thoát của đạo mà là một cách sống. Quan trọng nhất là những bước tiến dần sâu vào quang tính của nghệ thuật.

Cái gì là quang tính? Quang là sáng sủa. Tính là đặc trưng của.... Tính là do thói quen của tình trải dài và va chạm với sự tương quan chung quanh mà có. Tính khởi đầu là do di truyền nhưng biến chuyển theo thời thế. Tính nghệ thuật cũng vậy. Quang tính của nghệ thuật là một sự mâu thuẫn tự nội. Sự sáng và tối, sự dễ hiểu và khó hiểu, sự dễ thông đạt và sự bế tắc của cảm nhận....tương tranh không phe nào nắm được chủ quyền toàn thể và lâu dài. Vì sự bất định, yếu tính của nghệ thuật là hoài nghi.

Người nghệ sĩ trưởng thành luôn luôn hoài nghi về tác phẩm của mình, hoài nghi về trình độ tri thức của mình, hoài nghi về cảm nghiệm của mình, hoài nghi về giá trị nghệ thuật đương đại, hoài nghi về lý thuyết, thực nghiệm của nghệ thuật đang phát triển, dĩ nhiên là đã cúi chào rồi từ giả những trường phái, phong trào, nghệ thuật hôm qua.

Hoài nghi trở thành một thứ thước đo để họ định giá nghệ thuật. Càng già dặn trong nghệ thuật, hoài nghi càng đào sâu, càng thường xuyên đánh thức những say mê của lòng nhạy cảm. Vào trạng dung này, nghệ sĩ đã là người của nghệ thuật. Chỗ đứng của họ đã có, không phải do thưởng ngoạn hay phê bình công nhận mà do chính sự thật thà bên trong của tự ngã. Sự công nhận của bên ngoài là về "ắt có" nhưng cần phải có về "và đủ" mới hoàn tất. Cái Và Đủ này hay bị mờ mịt hoặc bị cất dấu vì nhu cầu "danh vọng". Hoặc vì nghệ sĩ không "chín" khả năng thành thật. Hoặc vì có tri thức mà thiếu cảm thức.

Chính sức liên tục hoài nghi này là động cơ tìm tòi giá trị và những giá trị tìm thấy này tạo ra những tác phẩm giá trị của nghệ sĩ. Đó là vì sao tiến trình nghệ thuật của nghệ sĩ trưởng thành luôn luôn thay đổi. Họ tiếp tục đưa ra những tác phẩm khác giá trị với những tác phẩm của chính họ đã được công nhận.

Nhưng sự hoài nghi này càng ngày càng gặm nhấm trong cảm thức và liên miên trăn trở trong tâm hồn dồn ép nghệ sĩ phải tác động như những câu trả lời. Cố gắng trả lời những câu hỏi của hoài nghi chính là sáng tạo. Người nghệ sĩ bị ép buộc bởi chính họ để sáng tác vì nhu cầu đam mê giải đáp sự hoài nghi. Người nghệ sĩ đã thật sự là nghệ sĩ. Kẻ đã nắm được rễ cây. Đong đưa, xem thường thành bại, sống chết. Chỉ tiếp tục dâng đời những đóa hoa dù biết hoa sẽ héo tàn. Chẳng có hoa nào bất tử. Chẳng có tác phẩm nào bất tử. Khi đa số con người chưa vượt qua được tác phẩm, tác phẩm đó bất tử. Đã có nhiều tác phẩm được công nhận là bất tử nhưng về sau, cảm thức nhân loại đã chôn vùi.

Điều lớn lao của công án Thiền kể trên, thỏa đáng được nhiều khía cạnh của đời người. Đánh thức lòng sân si của đại đa số. Đã là người, là té xuống vực sâu. Sống là đeo lưng lẳng bởi cái rễ. Cái rễ duy nhất để bám víu lại bị cái "nhị nguyên", hai con chuột, đưa dần vào cõi chết. Sao không chịu ung dung, tự tại, đắc phước bởi những cái đẹp chung quanh?

Điều lớn lao của công án này lại đưa đến những câu hỏi khiến cho nghệ sĩ tư duy vào nghệ thuật một cách quyết liệt hơn:

1. Trước sau gì cũng rớt, sao không thả tay?

Đa số nghệ sĩ trưởng thành và thành danh sẽ không muốn trả lời câu hỏi này. Thả tay rớt xuống vì lòng "hiếu kỳ" muốn biết phần hậu nghiệm là một hành động điên cuồng. Sẽ mất hết những gì đang có và nếu hậu nghiệm không có gì, thì sao đây? Rớt xuống tan xương trong khi có thể sống đong đưa là một hành vi khó thuyết phục.

Đối với những nghệ sĩ thám hiểm thì hành vi này là một sáng tạo. Sáng tạo một tác phẩm không phải lúc nào cũng thành công, thành công với chính mình và thành công với thưởng ngoạn. Điều lằng lằng của sáng tác và thưởng ngoạn là lòng mong muốn và tin tưởng sự thành công liên tục của tác phẩm. Nếu có thể thành công một số tác phẩm trong một chuỗi tác phẩm, người này đã là đại gia trong nghệ thuật.

Đừng làm tưởng sáng tạo là luôn luôn làm ra cái mới. Nếu làm ra D, trước đó phải có C. Trước C là B. Trước B là A. Rốt ráo, bắt đầu là cái gì không ai thật sự biết. Hãy để chuyện đó cho giáo sĩ và triết gia. Nói lại chuyện hôm nay, đang có N, tức là đã phải có M, L.....vô số phía trước. Tiến trình sáng tác không thể vượt qua bản lý tiên nghiệm hậu nghiệm, thuộc về nhị nguyên. Nếu cho rằng cái của người khác đã dùng thì ta không dùng lại, là một ý nghĩ từ người chưa bản lãnh. Tất cả mọi thứ, mọi cái, đều có thể dùng, chỉ là dùng khác đi. Giá trị của nghệ sĩ không nằm ở chỗ đồ dùng mà là cách dùng. Đó cũng là lý do tại sao cùng son phấn mà có người đẹp hơn, hấp dẫn hơn, còn có người lại tệ hơn.

Trở lại chuyện thả tay, khi đã rớt xuống sẽ mở ra nhiều ẩn số của hậu nghiệm.

* Tệ nhất: Rớt xuống tận đáy. Không có gì. Mất hết. Chỉ còn lại những gì đã có. Đa số những cái đã có không được chính nghệ sĩ hài lòng dù được thưởng ngoạn yêu mến.

* Rơi xuống và nắm lấy một vật khác, lại treo lủng lọng. Lại phải tiếp tục hành vi sáng tạo. Thám hiểm một điều gì không rõ. Lao mình theo hành trình vô định với sự hoài nghi về hành động của chính mình.

* Rơi xuống một nơi, sống sót và tìm thấy sự thỏa mãn cho nghệ thuật riêng tư. Thỏa mãn này có thể cao cùng nhưng không chắc miên viễn. Vì không có ai cùng nhảy xuống vực, vì không có ai cùng thả tay, cho nên nơi mà người nghệ sĩ thoát hiểm tìm đến, sẽ là nơi cô đơn, khó hiểu và chắc chắn là khó tin.

2. Câu hỏi thứ hai là tâm tình nào đã khiến cho nghệ sĩ do dự hoặc không dám thả tay? Chỉ chờ cho "nhị nguyên" cắn đứt rễ cây là rơi theo số mệnh, cho dù số mệnh này không chắc do ai khác tạo ra. Chẳng phải hoài nghi số mệnh là đụng đầu triết lý. Hoài nghi triết lý là đụng đầu nghệ thuật. Không hoài nghi nghệ thuật đến tận cùng thì không dám thả tay.

Ai cũng có thể suy lý một cách bình tĩnh, đã là người thì nhất định sẽ bị mất mát. Cái có trước sau gì cũng là không. Cái mất lớn nhất bắt đầu bằng cái chết. Dù có an ủi nhau bằng đời sau, bằng đầu thai, bằng hứa hẹn, người ta vẫn sợ chết. Đa số vẫn thích ở lại. Cho dù là bể khổ, miễn biết bơi là sẽ bơi. Tìm được chỗ cạn, sẽ đứng. Có mấy ai thích chết? Cùng phương trình suy lý này, tại sao phải thả tay? Có ít còn hơn không? Huống chi nghệ thuật không phải là bể khổ. Chỉ là hồ bơi. Không thích bơi thì leo lên. Cảm thấy lạnh thì đi về. Đám đông ăn hiếp, kỳ thị, phê phán, chê bai thì *ta đại ta tìm nơi vắng vẻ*. Vì vậy, nghệ sĩ cần lòng kiêu hãnh nghệ thuật, vì nghệ thuật mà bơi cho đến cùng dù bị ngăn cản, bị khinh chê hoặc bị xua đuổi.

Trong phương trình trên, chủ yếu là nỗi sợ. Sợ là bản tính của người. Bắt đầu từ đời thủy tổ, khi họ phải chiến đấu với rắn độc và thú dữ, bản năng sinh tồn tạo ra tình sợ. Hết chiến đấu với thú, lại chiến đấu với người. Qua chiến tranh, lừa lọc, gian kế, phản trắc.....Sợ thành yếu tính lớn nhất trong tâm lý con người. cảm nghiệm được sự mất mát trong đời sống và của cái chết khiến cho người càng nhập tâm nỗi sợ, sợ tự nhiên, sợ tự động, sợ âm thầm, sợ ra mặt, sợ luôn cả cái sợ.

Con người biết được nỗi sợ là then chốt ngăn cản con người mau trở thành người nên gọi sợ là hèn. Đốt ngắn giai đoạn, không muốn bị hèn, người ta che dấu nỗi sợ và đắp lên nó nhiều ý tưởng, hành vi, thói quen, tục lệ, lễ nghĩa, giáo dục.....Những thứ này đôi lúc còn kinh hoàng hơn là nỗi sợ. Không có sự thật nào mà không có sợ hãi đi kèm một bên. Một trong những lý do mà sự thật bị che mờ, che đậy là vì sợ.

Với nỗi sợ nan y này khiến cho phần lớn các nghệ sĩ trưởng thành đeo đuổi sự an toàn sáng tác, bảo vệ nghệ thuật hiện hành và nghệ thuật quá khứ, từ chối những thứ nghệ thuật không được bảo hiểm bởi phê bình và thưởng ngoạn. Những nghệ sĩ quá sợ thường đặc trưng bằng bảo thủ, lẫn lộn giữa đạo đức và nghệ thuật. Tự mình tuân theo những gò bó do mình đặt ra, nhất là, muốn bắt nghệ sĩ khác phải theo mình.

Một người bạn nghệ sĩ đã nói chắc như thế này, đã được nổi tiếng thì nên chọn những điều làm cho nổi tiếng hơn còn những điều làm cho chìm tiếng thì chắc chắn anh sẽ không làm.

Điều này lại đưa đến một tư duy khác, đó là Chìm Tiếng. Chữ Nổi và chữ Chìm là hai chữ xác định vị trí giá trị của chữ Tiếng. Nổi là tốt, Chìm là không tốt. Nổi là hay là đạt ước muốn. Chìm là thất bại là mất giá trị. Có thật như vậy không?

Ông Thích Ca là hoàng tử. Ông giàu sang, sung sướng, nổi tiếng. Tự mình bỏ hết. Chìm tiếng. Hậu nghiệm là nổi tiếng nhất nhì trong vạn đại nhân gian. Ông Giê Su nổi tiếng từ lúc trẻ. Môn đệ theo người. Đám đông theo nghe giảng dạy lên đến ngàn ngàn. Ông từ bỏ. Chịu chết trên thánh giá một cách nhục hình. Hậu nghiệm, nổi tiếng từ đất lên đến trời. Còn hàng vạn ông bà khác chịu chìm và về sau nổi tận mây xanh. Vậy thì phải xem xét việc chìm. Chìm luôn hay lặn xuống rồi nổi lên. Con rồng trước khi bay phải uốn khúc. Con cọp trước khi nhảy cao phải đập đuôi. Con rắn trước khi phóng tới phải co thân lại.

Đối với một số nghệ sĩ, sự việc chìm này chính là sự thám hiểu. Thám hiểu trong ý nghĩa bình thường là dò xét để tăng hiểu biết. Thám hiểm để giải tỏa hoài nghi, thỏa mãn những thao thức. Nghệ thuật vốn dĩ không có biên giới, biến hóa theo tâm tình, trí tuệ, văn minh, phát minh, kỹ thuật của mỗi thế hệ con người. Nếu không có thám hiểu thì làm sao nghệ sĩ có thể theo kịp sự biến hóa của nghệ thuật?

Thật ra, đa số đều có thể đồng ý về quan niệm nghệ sĩ tiền phong nhưng không mấy ai muốn thả tay. Hơn nữa, việc thám hiểu không thuộc về tiền phong mà thuộc về tính nghệ thuật. Nghệ thuật hôm nay phát triển từ nghệ thuật hôm qua là tiến trình xây dựng nghệ thuật. Nghệ thuật hôm nay khác biệt hoặc đối kháng với nghệ thuật hôm qua là bản năng sinh tồn của nghệ thuật.

Thám hiểu trong một cách nhìn thấu triệt khác là chống đối lại nỗi sợ kinh niên. Cõi nghệ thuật thì bao la và không rõ chiều dài của thời gian. Nghệ thuật của mỗi nghệ sĩ thì có giới hạn của thời gian, không gian, xã hội, đời sống, người quen, người lạ, tâm lý của cá nhân và..... Những giới hạn này chính là những báo động làm cho sợ hãi gia tăng sức quản lý những suy tư và hành động của nghệ sĩ. Có thể nói như thế này, đã là người tất nhiên sẽ bị áp lực của nỗi sợ. Sợ càng ít thì nghệ thuật riêng tư càng có cơ hội phát triển. Những nghệ sĩ lớn là những người vượt qua những nỗi sợ hãi có khả năng vây hãm nghệ thuật cá nhân. Lợi hại nhất của thám hiểu là biết dùng năng lực của sợ hãi mà sáng tác. Một ví dụ nhỏ như thơ Hồ Xuân Hương. Vì sợ người đương thời, xã hội bầm văm phụ nữ, nên thơ hành lạc của bà mới thành việc đánh đu, đánh cờ tướng...Chuyên sang cái quạ, cái giêng...để gì ngày nay mấy ai hơn.

Một nghệ sĩ thật là một người luôn luôn phải đối phó với sự lo ngại, lòng sợ sệt đối với chung quanh và đối với bản ngã. Ưu điểm của nỗi sợ là cái thẳng để kiểm tra sáng tác và tác phẩm nhưng khuyết điểm của sợ thì quá lớn. Sức tàn hại của sợ sẽ làm thui chột khả năng sáng tạo và làm sáng tác giả hình. Tệ hại nhất là giam cầm chung thân hoặc giết chết tâm niệm nghệ thuật của tác giả.

3. Câu hỏi sau cùng của nghệ sĩ đối với công án Thiền rơi xuống vực sâu là ý tứ của đóa hoa. Hoa là ẩn dụ cho cứu cánh của người sắp rơi? Hay hoa là ẩn dụ của phương tiện như con đò đưa người qua bờ bên? Hay hoa chính là mục phiêu của sự sống? Tất cả những thao thức trên đều liên hệ trực tiếp đến nghệ thuật. Đây cũng là lý do tại sao nghệ thuật sẽ mãi mãi sinh tồn với con người. Sống là một tiến trình nghệ thuật cần thiết. Nghệ thuật là một cách sống đẹp.

Công án thiền này ra đời để đánh thức con người đang sống trong một bi kịch. Dù biết hay không biết, họ đã bị rơi xuống vực sâu, vực khổ nạn. Họ bám lấy chút rế sống mong manh. Mỗi ngày, thiện ác, đúng sai, phúc họa, trắng đen, ông bà, già trẻ,.....triệu triệu mâu thuẫn nhị nguyên găm nhám chút rế đó và sớm hay muộn gì, rế sẽ đứt. Không biết lúc nào sẽ đứt. Con người kinh hoàng với cái rế sẽ đứt. Con người kêu gào, vùng vẫy để thoát thân ra khỏi hiểm họa trùng trùng. Có thể làm được gì?

Thay vì kinh hoàng vùng vẫy, thiền án dẫn ngộ về ung dung, tự tại mỗi bây giờ, thường nhập cái đẹp quanh đời sống.

Cùng một hoàn cảnh, người nghệ sĩ cũng tự hỏi như vậy. Câu trả lời ghi lại trong tác phẩm. Mỗi tác phẩm là một phần của câu trả lời. Câu trả lời này không có phần cuối cùng chỉ có kết luận bằng cái chết của nghệ sĩ. Câu trả lời này không hẳn có nội dung như thiền án. Mỗi nghệ sĩ thật có một cách, một nghĩa trả lời khác nhau. Giá trị nghệ thuật của mỗi nghệ sĩ là ở đây.

Và đóa hoa kia chính là nghệ thuật sống. Giữa khoái lạc của mẹ cha và cái chết của mỗi người là khúc sống trong bi kịch thiền án. Thường thức đóa hoa nghệ thuật kia là một cách sống, một cách giải quyết của sinh mệnh lừng lơ. Nó là cứu cánh của kinh hoàng, sợ hãi. Là phương tiện qua khúc phù du. Là mục phiêu của hòa đàm số mệnh.

Trong khung phận của những câu trả lời này, thám hiểu là hành vi của những người tìm hương những đóa hoa khác nhau trên triền dốc vực sâu. Thả tay, rơi xuống, nắm bắt, thường hoa, kể lại là số mệnh, là điều ao ước của người nghệ sĩ thám hiểu.

If you cannot be a poet, be the poem.

David Carradine

Nếu không thể trở thành thi sĩ, hãy là bài thơ. Câu nói của David Carradine đã mở ra một chân trời rộng cho người thưởng ngoạn và đời sống như thơ. Chính bản thân của thi sĩ cũng là người thưởng ngoạn. Đối với thi sĩ, câu nói của Carradine có thể hiểu rằng, những lúc không làm thơ, hãy là bài thơ.

Nói một cách khác, thưởng ngoạn thơ là một cách sống yêu chuộng cái đẹp đa dạng đang hiện diện trên mặt cũng như ẩn dưới lòng sâu của cuộc đời. Làm thơ là một cách sống với cái đẹp đa dạng nhưng đam mê đi tìm cái đẹp duy nhất và tinh ròng dù chưa hề thấy nhưng biết nó hiện hữu và không bao giờ đến được nơi đó.

Nếu bản chất hoặc số mệnh của một người là thi sĩ thì sức hút của thơ cũng giống như hấp lực của tình yêu sẽ lôi cuốn con người đang lớn lên này, dang tay ôm lấy tình nhân cho dù nhân quả ra sao. Rồi điều khó hiểu nhất là tình nhân lại không phải là tình yêu.

Bất cứ một người nào đều có thể là người thưởng ngoạn thơ và đem cái đẹp, cái thơ (không phải là thi ca) vào đời sống hàng ngày. Ít đẹp nhiều đẹp, thơ cao thơ thấp, là tùy vào duyên sống và trình độ thu thập.

Lúc còn học lớp nhì, lớp nhất trường tiểu học Giu Se ở Xóm Mới Nha Trang, tôi thường lang thang những ngày cuối tuần, đi sâu vào sau lưng nhà thờ Qui Hải. Lúc bây giờ, nhà thờ này là điểm cuối của đường cái Nguyễn Hoàng. Tiếp theo là vài đường con, chạy xa lắt về những chốn thôn quê. Dọc con đường đất có nhiều hoa cỏ dại, hoa Trang, hoa Mồng Gà, hoa Vạn Thọ, hoa Lài, hoa Lý..... và trên hàng rào có đủ hoa Kèn, hoa Bông Giấy, hoa Sứ, hoa Dâm Bụt, hoa Bìm, hoa Bầu, hoa Bí, hoa Tì Gôn, hoa Tường Vi..... Tôi thường dừng chân trước nhiều loại hoa để ngắm nghía cách tạo dựng của thiên nhiên và màu sắc buồn vui của hoa. Cảm giác lạ lùng, tò mò, thán phục về hoa mãi mãi là cảm nghiệm về tài năng sáng tạo của thiên liêng. Dấu ấn mạnh nhất trong tôi là hoa Cút Chó. Không biết có phải là hoa Cút Lợn không? Tôi không rõ. Nghe người xóm gọi tên Cút Chó, tôi rất hiếu kỳ để ngắm nghía. Gọi là cút nhưng không có mùi. Bụi hoa dại thấp. Cao nhất là đến vai cậu bé. Hoa màu xanh dương lợt có xen lẫn màu trắng, mọc chùm. Bẻ chày nhiều mũ trắng đục. Lạ lùng nhất là trong nhụy hoa. Năm con chó ngồi vòng tròn, chụm mặt vào nhau, xoay lưng ra ngoài. Nhìn thấy mỗi con có hai tai, cái lưng và cái đuôi cong lên của con chó lông xù. Sao không gọi là hoa Ngũ Cầu, hoa Năm Chó mà gọi là Cút Chó?.

Những thao thức vụn vặt của thời niên thiếu đã có một hôm đưa trung niên trở về. Đường Nguyễn Hoàng thay tên, kéo dài mút chỉ, đi bộ không hết. Những con đường nhỏ biến dạng, mập mập, phấn son. Không còn biết đâu là Lài là Lý là Trang là Vạn Thọ là Sứ là Dâm Bụt... Hoa Cút Chó biến mất, cút chó thì nhiều.

Đứng giữa cảnh ngồn ngang xe cộ, còi kèn dọa nhau, người hò kẻ hét...tung bùng phố chợ, cái gọi là tang điền bể dâu nào có ăn thua gì. Cảm giác lạc lõng, một chút bỡ ngỡ, một chút bùi ngùi, một chút chấp nhận, một chút xâu xé, trung niên tận hưởng cơn mưa rào kéo qua. Nhanh mà đủ ướt nhẹp quần áo. Tôi chợt hiểu ra cái đẹp của sự đổi thay, cái hay của qui luật thiên nhiên. Cái đẹp xưa phải ra đi, không phải vì hết đẹp. Cái đẹp nay phải đến, không phải là không đẹp. Chẳng đẹp nào đẹp hơn đẹp nào. Cái **đẹp đã định** phải theo cái **đẹp đổi thay** để trở thành cái **đẹp xác định**. Đổi thay là thời gian. Đẹp xưa của người này là đẹp mới của người kia hoặc ngược lại. Tùy vào vị trí của người đó trong thời gian. Còn không gian thì sao? Hoa Cút Chó không tìm thấy ở vùng nhiệt đới Costa Rica mà chỉ thấy hoa Cút Chuột, một chùm tím tím, đen đen. Đẹp ở nơi

này, đẹp ở nơi kia, chưa thấy, làm sao biết. Đố các nhà trồng hoa chuyên nghiệp ở Hoa Kỳ biết được hoa Cút Chó?

Thơ đã dẫn tôi vào thú vị với cuộc đời. Gặp cái đẹp đa dạng của đời thì thơ không còn nữa. Như một người bạn thiếu thời đã dẫn tôi đến gặp em trên Đà Lạt năm Đệ Tứ. Sau đó, bạn tôi đi đâu? về đâu? Thỉnh thoảng gặp nhau, đôi khi nghe tin nhau. Nhưng em đã là vợ của tôi 37 năm rồi. Thường ngoạn thơ là để thơ giới thiệu, dẫn đưa hồn người đến cái đẹp, cái hay. Khác với mỹ nhân, gặp cái đẹp từ thơ, thích cái nào thì cặp cái đó. Yên quá thì cưới bao nhiêu cũng được. Không có giới hạn. Không bị ghen tuông. Không bị nguyên rủa. Đặc biệt là li dị lúc nào cũng không bị oán hận, không bị chê bai.

- Đó là vì sao **“hãy là bài thơ”**.
- Thừa, chưa được rõ lắm. Cách trình bày của nghệ thuật tuy hay mà mơ màng. Thiếu căn bản xác thực của khoa lý luận.

Thôi thì bắt đầu bằng luận lý toán triết học, phương pháp lý luận của các triết gia và các nhà toán học. Nếu đã là A thì không thể là B, không là C, không là D.....Nếu đã là nghệ thuật thì không thể là khoa học, không là việc làm, không là giao tế, không làE, không là F....Nhưng nếu $A = X+Y+Z$ còn $B = X$ thì $A = B+Y+Z$. Nếu $C = Y$ thì $A = B+C+Z$Nếu A là nghệ thuật, thì rõ ràng con người đã có: Nghệ thuật khoa học, nghệ thuật giao tế, nghệ thuật làm việc, nghệ thuật Kama Sutra, nghệ thuật giải phẫu, nghệ thuật.....cuối cùng là nghệ thuật sống đẹp. Chẳng phải nhà văn Trung quốc Lâm Ngữ Đường đã ca tụng đẹp là một cách sống?

Bản thân của thơ cuu mang nhiều cấp bậc và trình độ nghệ thuật và tri thức khác nhau. Từ trình độ bình dân lên đến trình độ bác học. Bất cứ ở cấp bậc văn hóa, văn chương nào, cũng có thơ tương ứng. Nói một cách khác, thơ có khả năng rộng lớn chia sẻ với người đọc đủ hạng đủ loại đủ tầng lớp.

Như bữa cơm, có người ăn cơm với canh rau đã thấy ngon. Có người ăn cơm với sơn hào hải vị mới thấy ngon. Ăn món ăn rẻ tiền cũng ngon. Ăn món đắt tiền cũng ngon. Tự trung là cơm cộng với...?... Còn khẩu vị thì tùy mỗi người. Thơ mang cơm tới còn những món đẹp khác sẽ được cộng hưởng để đời sống là những bài thơ hoặc là một trường ca thú vị.

Thường ngoạn thơ là dễ nhất vì thơ ở đâu cũng có. Trong báo chí, sách vở, trên internet, gần kề và thuận tiện. Không phải đi bảo tàng viện, phòng trưng bày. Không phải mua vé tốn tiền. Không cần phải sắp đặt trước nhiều thời giờ..... Và người thường ngoạn thơ thông thái là người biết quên thơ, chỉ giữ cái đẹp, cái hay để mang vào đời sống hàng ngày. Nói chung, nếu có thể dùng nghệ thuật như một phương tiện thu hút Đẹp và Hay để sử dụng trong thực tế là một cách sống đẹp. Đó cũng là một lý do mà chúng ta thấy được sự khác biệt của người sống chung quanh. Cùng một ngôi nhà, người chủ ở trước trông rất đẹp, mỹ nghệ cao. Trong khi người mua lại, dọn vào trang trí quê mùa và bừa bãi. Cùng là người đẹp, sao có người hợp thời trang, có người càng làm đẹp trông càng sến. Trình độ thẩm mỹ do đâu mà có?

Có thể nói rằng cái Đẹp và cái Hay trong lòng của mỗi người sẽ hiện ra trong quan niệm, tiêu chuẩn và khả năng làm đẹp làm hay trong hành vi hoặc công việc hàng ngày của họ. Nếu là người nghệ sĩ, có thể nhìn vào những đẹp những hay trong đời sống của họ như nhìn một "nghệ bản", thì có thể biết được trình độ và bản lĩnh nghệ thuật của họ ở mức độ nào.

Nhưng nếu đã **làm được thi sĩ** thì có cần là **bài thơ** không?

Câu trả lời này thuộc về về trước, tức là "If you cannot be a poet."

Cách sống đẹp hay là phần thưởng cho người nghệ sĩ. Cho dù có sáng tác hay không thì cuộc sống thú vị như một bài thơ hay là điều mong ước. Vì mỗi nghệ sĩ đều là người thường ngoạn, e rằng còn bị đòi hỏi cao cấp hơn, kỹ lưỡng hơn, thâm thúy hơn, thường xuyên hơn là người không nghệ sĩ.

Người nghệ sĩ tiếp xúc, cận kề, thao thức, yêu mến nghệ thuật do đó họ thể hiện cái đẹp cái hay vào đời sống như một bài thơ khác hơn người thường ngoạn bình thường. Đời sống như thơ của họ cần phải nhìn từ một góc độ "khác thường" hơn. Thơ chỉ là một trong nhiều con đường sáng tác dẫn đưa nghệ sĩ đến giá trị của hành trạng sống. Đời sống như tranh họa đẹp cho họa sĩ. Đời sống như bức tượng đẹp cho nghệ sĩ tạo hình. Đẹp như tấm ảnh chụp cho nhiếp ảnh gia. Đẹp như ...tác phẩm của người sáng tạo. Những đời sống này chỉ đúng cho những nghệ sĩ thật.

Nhận định này đưa ra một câu hỏi liên hệ:

- Có nghệ sĩ giả sao?

- Dù biết hay không biết; dù tự biết hay cảm nhận mơ hồ, có những người nghệ sĩ không thật.
- Không thật ở đây có nghĩa nào? Hoặc là tác phẩm không thật? hoặc là tâm sự và ý thức của tác giả không thật khi sáng tác tác phẩm?

Hai phần nêu trên đều thứ yếu. Thật hay không thật ở đây, chủ yếu là phần tâm lý. Có thể gọi là tâm lý sáng tác. Qua mấu chốt này, phân tích và phê bình có thể nhìn thấy rõ hơn những tác phẩm, những chi tiết trong tác phẩm; những bài thơ, những câu thơ trống rỗng và kêu to, phát ngôn cho những giá trị khác không phải là nghệ thuật.

Khi một người vợ nghi ngờ lòng chung thủy của chồng, hỏi rằng: *Anh có phản bội em không?* Hoặc, *anh có yêu ai khác không?*.....Một trăm người chồng, sẽ có 99 câu trả lời rằng: KHÔNG. Câu trả lời này không mấy liên quan đến lòng chung thủy mà tương quan mật hệ với sự lợi hại sau khi trả lời.

Về một người nhận CÓ, hoặc anh ta thuộc về nhóm người hiếm hoi bảo vệ sự thật hoặc anh ta đang muốn xác nhận con đường để cao bay xa chạy về một chân trời mới. 99 người KHÔNG, có lẽ theo chủ thuyết tâm lý phụ nữ: Nếu nói CÓ, có thể được tha thứ (forgive) nhưng án tội này sẽ không bao giờ được xóa bỏ (forget). Khi trời trở, khi giông bão, bản án này sẽ được tái xử và người chồng thất thế này mãi mãi mang tội treo, không phải là tội đồ thiên cổ mà là tội nhân tình sự. Nếu nói rằng KHÔNG, sẽ bị nghi ngờ. Khi bị nghi ngờ, quyền lợi dành cho người bị tình nghi (benefit of doubt). Câu chuyện tiếp theo không quan trọng cho nội dung bài viết. Câu hỏi cần thiết là chuyện này liên quan gì đến thơ, nói riêng và nghệ thuật, nói chung?

Như một người yêu vợ, yêu chồng, người làm thơ vì yêu thơ nhưng thường "không thật" với thơ. Rất nhiều bài thơ ra đời không vì giá trị nghệ thuật hoặc giá trị nhân sinh mà vì những lợi ích khác. Một trong những lợi ích có hấp lực mạnh chính là danh tiếng.

Trước khi bước lên con đường say mê một người khác, ít ai cho rằng mình không chung thủy. Đặt câu hỏi lúc này sẽ có nhiều câu trả lời biện bác cho lợi ích của tình ái bên lề. Hãy đợi sau khi có chiến lợi phẩm, có bằng cứ rồi hãy hỏi. Miễn là chiến lợi phẩm đừng quá lớn. Hãy đợi sau khi làm xong bài thơ. Từ chứng cứ này, hãy tự hỏi mình, có nhu cầu để viết bài này không? Có đạt đủ mức độ nghệ thuật diễn đạt không? Nhu cầu ở đây không phải là điều gì hệ trọng, lớn lao, có khi chỉ là một nỗi buồn lan man. Nếu không hội đủ hai đòi hỏi này, hãy tự hủy bỏ bài thơ. Nếu

không thật sự có nhu cầu yêu và sống với người tình khác, nếu không có đủ điều kiện "nghệ thuật, kỹ thuật" với người mới để làm đẹp cuộc đời thì hãy nhanh chóng hủy bỏ và quay về. Ta về ta tắm ao ta, nhờ em lượng thứ, ao nhà dễ bơi.

Cho dù đã có nhiều lần tôi tự trả lời nhưng hình như chưa thỏa mãn. Vì đâu thiên nhiên lại tạo ra năm con chó ngồi quanh bàn tròn trong một nhụy hoa? Ngẫu nhiên chăng? Hoặc sắp xếp một thông điệp gì? Bao nhiêu năm tôi vẫn không quên năm con chó ngồi chầu mặt vào nhau, xoay lưng ra ngoài, đuôi cong lên, năm cái đầu đội một chiếc mâm năm cạnh. Trên mặt mâm, năm chấm đen rải ra năm góc. Tôi tạm cho là năm cái ly. Đều đặn và như tượng có công phu điêu khắc. Có người cho rằng thiên nhiên là một nghệ sĩ tài ba, quả không sai.

Nhưng năm con chó bị nhốt vào nhụy hoa và năm con chó chạy nhảy, tung tăng, sủa lớn, cảnh ngộ nào hay hơn? Phải chăng đây là một câu hỏi của sáng tác?

Nghệ thuật khởi thủy phát xuất từ thiên nhiên. Bước đầu tiên là bắt chước thiên nhiên. Bước thứ hai là phối hợp thiên nhiên. Bước thứ ba, áp dụng những qui tắc đã khám phá từ thiên nhiên. Bước tiếp theo chưa phải là bước cuối là sử dụng tùy nghi những gì đã thu thập từ cái đẹp của thiên nhiên để biến thành cái đẹp của cá tính.

Nghệ sĩ giả chỉ biết chép lại sẽ khó mà nghĩ ra phương pháp nhốt năm con chó vào nhụy hoa. Nghệ sĩ bảo thủ sẽ cho năm con chó ngồi đội mâm một cách hoàn hảo theo qui tắc học hỏi từ thiên nhiên. Nghệ sĩ đương đại sẽ cho năm con chó chạy nhảy tùy nghi trong nhụy hoa.

Nếu không quan tâm đến người không phải là nghệ sĩ, để xác định là nhân vật thật hay nhân vật giả, thì đa số người làm nghệ thuật, dọc đường sáng tác có lúc là nghệ sĩ thật, có lúc là nghệ sĩ không thật, có lúc là nghệ sĩ giả. Vì vậy, những lúc không là thi sĩ thật, hãy **là** bài thơ hay, đời sẽ thú vị hơn. If you cannot be a real poet, be the good poem.

=====

Houston, ngày 4 tháng 9 năm 2012

Tìm Điểm Hay và Giá Trị của Bài Thơ



Tại sao nghệ thuật khó hiểu?

Vì không thể thấy được cái thật của nghệ thuật. Nói một cách khác, không thể thấy chân lý của cái gì làm nên thẩm mỹ.

Một người đang diễn thuyết giữa đám đông, nơi công cộng. Anh ta nói về sự thật. Nhìn thấy một con ngỗng đang ngủ, đứng một chân, dưới tàn cây. Anh chỉ nó và nói: - *Sự thật như con ngỗng đang đứng kia*. Một nhóm người quay sang nhìn con ngỗng rồi vỗ tay. Con ngỗng giật mình thức dậy, bỏ chân xuống. Bấy giờ nhóm người còn lại mới quay nhìn. Anh lập lại: - *Sự thật như con ngỗng đang đứng kia*. Đám người còn lại cũng vỗ tay.

Một sự thật là con ngỗng đứng một chân. Còn sự thật kia là con ngỗng đứng hai chân. Anh ta nói sai sao? - Thừa không, anh ta nói đúng. Cả hai đều đúng. Sự thật ở nơi con ngỗng đứng. Nhìn thấy sự thật là do con người.

Nếu lấy Nghệ Thuật thay cho con ngỗng, sự thật ở nơi nghệ thuật. Nhìn thấy sự thật của nghệ thuật là do con người. Như vậy, sự thật của nghệ thuật có thể nhìn thấy có một chân, hai chân,

trăm chân, ngàn chân.... Đã không thể giống nhau thì làm sao gọi là sự thật. Mà sự thật qua con người thì không giống nhau. Vì vậy nghệ thuật khó mà hiểu cho rõ.

Nhìn ở góc cạnh khác, con ngỗng là sản phẩm của tạo hóa, của tiến hóa... Còn nghệ thuật là sản phẩm của con người. Nếu sự thật ở nơi nghệ thuật mà nghệ thuật ở trong con người, thì con người nhìn thấy sự thật của nghệ thuật là nhìn thấy sự thật của chính mình. Con người cũng khó hiểu được mình vì sự thật đó có quá nhiều chân khác nhau.

Nếu đã kết luận, nghệ thuật khó hiểu, thì có cần phải tìm hiểu không? Có nơi nào hoặc ai đó để tìm câu trả lời.

Hoàng đế Goyozei học đạo Thiền với sư ông Gudo. Hoàng đế là người thâm cứu, có kiến thức sâu rộng về Thiền. Khi gặp sư Gudo, Hoàng đế hỏi rằng:

- Theo Thiền, tâm là Phật phải không?

Sư Gudo trả lời:

- Nếu bần tăng nói là đúng thì bệ hạ sẽ cho rằng mình đã hiểu nhưng thật ra bệ hạ không hiểu. Nếu bần tăng nói sai, thì bần tăng đang nói ngược lại điều mà nhiều người khác đã hiểu tường tận.

Hoàng đế lại hỏi:

- Người chết đi về đâu?

- Bần tăng không biết.

- Tại sao thiền sư lại không biết?

- Bần tăng chưa chết.

Rất ráo, chân lý của nghệ thuật có nhưng không xác định được trong ý nghĩa chung, quan niệm chung mà chỉ được "nhìn thấy" một cách riêng tư theo mỗi người, mỗi thời. Không ai có thể trả lời cho bạn câu hỏi này một cách chính xác. Nếu chưa chết thì làm sao biết được về sự chết? Sự thật trong lòng của một người và sự thật chung, có khác nhau chăng? - Khác. Có giống nhau chăng? - Giống. Như Tâm với Phật vậy.

Nếu không có một sự thật chung về nghệ thuật thì mỗi nghệ sĩ sẽ phải hiểu nghệ thuật ra sao? Hiểu theo trường học? Hiểu theo sách vở? Hiểu theo nghiên cứu? Hiểu theo tự phát tự diễn? Chưa có người nghệ sĩ thành danh nào mà không có một quan niệm nghệ thuật thâm sâu, độc đáo và riêng tư.

Dĩ nhiên đã chọn con đường nghệ thuật thì phải tìm biết nghệ thuật. Trăng trên trời là thật. Trăng in trong nước là ảo. Nhưng nếu đứng vào góc độ của ảo thì trăng ở trong nước là thật. Ví nghệ thuật thật là mặt trăng. Nghệ sĩ nào cũng nhìn thấy nhưng không ai bắt xuống được. Nhưng nghệ thuật in xuống trong lòng của nghệ sĩ. Nghệ thuật này như là bóng trăng và bóng trăng là nghệ thuật thật trong lòng. Chuyện còn lại là mỗi người hứng bóng trăng như thế nào? Bằng thau, bằng giếng, bằng hồ, bằng sông hay bằng biển?

Có một sư cô gánh nước đêm trăng. Sư nghĩ đến câu chuyện ngón tay chỉ mặt trăng của Phật dạy mà nghiền ngẫm. Nhìn lên, trăng ở quá cao. Nhìn xuống, thấy trăng trong thùng nước đang gánh. Ngón tay chỉ phải chẳng là thùng nước đựng mặt trăng? Sư miên man tìm hiểu. Vẫn chưa nghĩ ra, sư tiếp tục gánh hết gánh nước này đến gánh nước khác. Mang trăng từ sông về đổ ở chùa. Đến gần sáng, vẫn chưa tìm thấy chân lý của trăng trong thùng và trăng đầu ngón tay. Quá kiệt sức, sư cô vấp ngã. Nước đổ ra đất. Gánh gãy. Thùng bể. Nằm sát đất sư cô phát ngộ tính. Viết rằng:

Chẳng còn nước trong thùng

Chẳng còn trăng trong nước.

Nghệ thuật có thể nằm ở mặt trăng nhưng **làm nghệ thuật** là gánh nước. Gánh nước thì không cần phải có trăng chỉ cần ánh trăng sáng để soi đường đi và ánh sáng đẹp để tận hưởng trong lúc đang gánh nặng.

Quan điểm này có lẽ không còn thỏa đáng cho tâm sự con người trong thời hiện đại. Con người hôm nay, dần thân hơn, chi tiết hơn, thực tế hơn và có nhiều phương tiện hơn. Vì sao phải dùng tay để chỉ mặt trăng? Phải chăng vì con người muốn xác định một phương hướng. Nhìn về phía mặt trăng là một cái thấy không chăm chú và là cái thấy của riêng mình. Lẫy tay chỉ, là hội tụ cái thấy và hướng dẫn những người khác nhìn theo. Mặt trăng đã có từ lâu. Người thường, ngắm trăng lơ là. Nhà khoa học thì muốn lên tận mặt trăng và họ đã đến trong thế kỷ 20. Vì vậy ánh trăng đẹp có thể thỏa mãn cho người thường nhưng không thỏa mãn cho người nghệ sĩ.

Đây cũng là một trong những lý do mà **người nghệ sĩ luôn luôn cảm thấy cô đơn** cho dù anh có thể có hết mọi thứ trên cõi đời này. Làm nghệ thuật là con đường đi tìm lại chính mình.

Một nhà tu đi tìm bản ngã, có lẽ sẽ dễ dàng hơn vì ông có được sức "cố vấn" của tôn giáo. Một nghệ sĩ đi tìm bản ngã, có lẽ bi kịch hơn vì ông biết được nghệ thuật không có phép lạ. Cái bản ngã trong tôn giáo là cái bản ngã có sắc hình của Thượng Đế hoặc của hư không. Còn cái bản ngã tìm thấy qua nghệ thuật là một bản ngã đã có sẵn. Như một kẻ đi tìm một tấm gương để soi lại một nhân vật giống y như mình mà mình chưa từng thấy trước đây.

Tấm gương này không phải dễ tìm thấy. Cuộc hành trình này đầy bóng tối. Tìm ra tấm gương cũng không có đủ ánh sáng để soi gương cho thấy rõ. Bi kịch của nghệ sĩ nằm trong màn kết thúc này. Trong khi màn cuối của các bậc chân tu là màn kịch có hậu.

Một nghệ sĩ không tìm thấy hình dạng của mình thì không thể có tác phẩm của mình mà chỉ có tác phẩm của người khác. Cũng gần giống như nếu một người không thật sự tìm thấy vợ của mình thì người đàn bà sống cạnh bên là vợ của người khác cho dù cô ta không ngoại tình. Rất nhiều người tưởng mình có vợ. Rất nhiều người tưởng mình có chồng. Rất nhiều nghệ sĩ tưởng mình có tác phẩm.

Sự tìm không rõ bản ngã là một dẫn vật từ vô thức đến tri thức. Dù biết hay không, cái cảm giác không ai hiểu, không ai giúp, không ai chia sẻ, mãi mãi đeo đuổi người nghệ sĩ. Nỗi cô đơn này không có lối thoát. Làm nghệ thuật là tìm cách thoát ra. Càng vùng vẫy, càng đối phó với nỗi cô đơn để tìm thấy mình chừng nào thì tác phẩm càng có giá trị chừng đó. Khổ đau chỉ làm cho tác phẩm có giá trị tình cảm. Chính cái dẫn vật của cô đơn mới làm tác phẩm có chiều sâu. Cái dẫn vật cô đơn của nghệ sĩ cũng chính là cái khổ công đi tìm bản ngã qua con đường thẩm mỹ.

Zenkai là một võ sĩ đạo, du hành đến Edo và được nhận làm hầu cận của một quan lớn. Anh ta tư tình với bà vợ quan và chuyện bị võ-lỡ. Vì tự vệ, anh ta hạ sát viên quan rồi tẩu thoát với nhân tình. Nhưng người đàn bà tham lam quá độ làm cho Zenkai ghê tởm. Cuối cùng, anh đành phải bỏ rơi bà ta và trôi nổi đến một tỉnh xa Buzen, trở nên một tên hành khất lang thang.

Để chuộc tội trong quá khứ, Zenkai nguyện làm vài điều thiện trong đời. Biết có một con đường đi qua vực núi rất nguy hiểm đã làm nhiều người chết và bị thương, anh quyết tâm đុះ một

đường hầm qua núi. Khất thực ban ngày. Zenkai đào hầm vào ban đêm. Sau ba mươi năm, đường hầm đã được đào khá dài.

Hai năm trước khi công việc hoàn tất, người con của viên quan bị giết, nay là tay kiếm cao thủ, tìm ra tông tích Zenkai và tìm đến để trả thù. - *Ta sẽ nộp mạng cho ngươi*, Zenkai bảo. *Hãy để ta hoàn thành công việc này. Đến ngày đó ngươi có thể giết ta.*

Người con chờ đợi ngày đó. Vài tháng trôi qua và Zenkai tiếp tục đào. Người con chán ngồi không và góp tay đào giúp. Sau hơn một năm giúp đào, người con thán phục tư cách và ý chí của Zenkai. Cuối cùng, đường hầm đào xong và mọi người qua lại an toàn.

- *Hãy lấy đầu ta, Việc đã hoàn tất.*

- *Sao ta lại có thể cắt đầu của thầy ta được?* . Người thanh niên hỏi mà nước mắt đầm đìa. (trích truyện Nhật bản).

Điều tốt đẹp của người nghệ sĩ là làm cho nghệ thuật đương đại được đẹp hơn. Nhưng điều này to lớn quá. Điều có thể của người nghệ sĩ là làm cho nghệ thuật trong bản ngã mỗi ngày mỗi đẹp hơn. Và cái đẹp này mang đến cho giới thưởng ngoạn. Có rất nhiều nghệ sĩ như Zenkai đã dùng hết một đời để đào những con đường hầm cho kẻ thưởng ngoạn đi qua, đi nhanh mà không bị lạc lối. Không phải là đường hầm dài hay ngắn, lớn hay nhỏ mà là hành động đào đường hầm đã thuyết phục chính anh và người xung quanh.

Tại sao nghệ thuật nói chung, thơ nói riêng, không cần hiểu chỉ cần cảm?

Rất nhiều nhà trí thức am tường về nghệ thuật thường dùng quan niệm trên để giải thích cho những người cố gắng tìm hiểu nghệ thuật hoặc đọc phải một bài thơ "khó" không hiểu nổi.

Quan niệm này có đúng không?

Tôi làm việc chung với nhiều người Ấn Độ. Họ là những nhà toán học rất giỏi và những kỹ sư viết phần mềm rất tài tình. Tôi có nhiệm vụ phân tích data của thị trường rồi chuyển sang họ để

thành hình những cấu trúc và hành xử của robot. Những robots tự động giao dịch tiền tệ quốc tế. Một trong những anh kỹ sư Ấn này là bạn khá thân với tôi. Chúng tôi có chung một sở thích là đọc thơ thể giới. Một hôm sau khi làm hết phần hành, chuyển sang anh. Trong khi anh đang cắm cùi đúc kết dữ liệu, tôi tò mò lấy cuốn thơ của thi sĩ Ấn lừng danh Sukanta Bhattacharya trên bàn của anh ra đọc. Bìa hình của Sukanta thật đẹp. Vài phút sau, tôi đành bỏ xuống vì không hiểu gì cả. Cũng không cảm được chút nào. Tôi không biết đọc tiếng Bengali (một loại ngôn ngữ Ấn).

Có thể xác định trên căn bản, nếu không hiểu thì không thể cảm. Như vậy lý luận này phải chuyển sang: Nếu hiểu đại khái nhưng với một sức nhạy cảm cao hoặc trực giác sắc bén thì có thể cảm được một bài thơ khó, một sản phẩm nghệ thuật cao kỳ. Bạn nghĩ sao?

Có một thời thịnh Thiền tại Nhật Bản, những sư đi tầm đạo thường tranh luận với nhau để quán giải hoặc mở ngộ tâm tánh. Một thiền sư danh tiếng có khả năng tranh cãi bằng cử chỉ không bằng lời nói và đã thuyết phục nhiều nhà hùng biện và giải đáp những thắc mắc của các thiền sư khác. Ông có một sư đệ, tính tình nóng nảy lại bị chột một mắt nên ít khi ra thiền viện.

Một hôm có vị cao tăng đến từ phương xa xin được tranh luận nhưng vị sư trụ trì đang mắc bệnh phong hàn không tiếp khách được. Ủy thác cho sư đệ ra tiếp kiến. Chỉ một khoảng ngắn ngủi, vị sư khách đã chạy tới khấu kiến sư trụ trì mà nói rằng:

- Sư đệ của ngài quả thật cao thâm. Đã giải ngộ cho bản tăng, Bản tăng xin cảm tạ.

- Hãy kể cho ta nghe.

- Thế này, trước hết bản tăng đưa lên một ngón tay ngụ ý nói Đức Phật là duy nhất để giải ngộ. Sư đệ đưa lên hai ngón tay ám lời là Đức Phật và giáo pháp của ngài đều là giải ngộ. Bản tăng đưa lên ba ngón tay tượng trưng cho Phật, Pháp và Tăng. Sư đệ liền đưa ra cú đấm. Ám chỉ cả ba đều khởi phát từ nhất thể. Bản tăng khâm phục. Nói xong vị cao tăng từ giã ra về.

Kế tiếp, vị sư đệ chạy vào phòng hỏi sư trụ trì:

- Lão sư già đó đi đâu rồi?

- Ông ta đã xuống núi. Đệ đã thắng cuộc tranh luận như thế nào, hãy kể cho ta nghe.

- *Thật là đáng chết. Mới ngồi xuống, lão ta đã đưa một ngón tay lên, ám chỉ đệ chỉ có một mắt. Đệ bực tức nhưng cố nường nhin đưa hai ngón tay, có ý chúc mừng lão còn hai mắt. Lão thật không biết điều, lại đưa ba ngón tay, ám chỉ cả hai người mà chỉ có ba con mắt. Đệ không nhin nổi, đành đưa ra củ đấm để cảnh cáo. Cũng may lão lãnh hội nên vội vã rút lui.*

Common sense is not so common, ông Voltaire đã nhận xét như vậy. Huống hồ chỉ là khả năng cảm thông trong nghệ thuật. Những tri thức thu thập do cảm thông từ một tác phẩm nghệ thuật của thường ngoạn không có gì bảo đảm là của tác giả. Trong đời sống hàng ngày, chúng ta đã gặp thiếu gì chuyện hiểu lầm, cảm trật. Cùng là một câu nói có người khen, kẻ chê. Cùng một câu chuyện, có người diễn thế này, người diễn thế khác. Vậy thì tại sao lại có thể đặt niềm tin nơi cái cảm vào một đối tượng như nghệ thuật, vốn dĩ rất mơ hồ.

Như vậy nếu hiểu biết sâu rộng về nghệ thuật thì khả năng cảm thông có phần chính xác hơn phải không?- Thưa chỉ đúng với các chuyên viên khảo giá tác phẩm và gần đúng với các nhà phê bình nghệ thuật chuyên nghiệp nhưng không giải đáp được cho người thưởng ngoạn bình thường. Lý do tại sao?

Có một người thầy bói nổi tiếng bói đúng. Ông có thể nói đúng gần một trăm phần trăm chuyện quá khứ của người đến xem bói. Từ đó ông biện giải những chuyện tương lai và người ta đồn rằng ông đúng là thánh sống.

Một thanh niên nghe tiếng nên lặn lội đường xa đến để xem bói. Đến phiên anh ta vào gặp ông thầy để xin một quẻ. Thầy nói:

- *Nào, anh muốn xem về gì? Tình duyên, gia đạo hay công danh?*

- *Thưa thầy, không.* Anh thanh niên thò tay vào túi quần, bốc ra một nắm. Anh mở ra cho thấy toàn là đậu đen. Xong, anh nắm tay lại và hỏi.

- *Xin thầy xem giùm trong tay con có bao nhiêu hạt đậu?*

Một bài thơ khó khi đến tay người đọc. Có những người đọc xong, hiểu một cách mơ hồ. Có những người đọc xong, hiểu theo ý riêng của họ. Dùng văn bản để tìm về ý tứ và tìm vào tình thần của tác phẩm không phải là chuyện có thể tin một trăm phần. Như một nhà khảo cổ, tìm thấy một mớ xương người xưa, có thể đối chiếu và suy diễn ra một tương thuyết về một nhóm cổ nhân, một thời đại xa xưa. Nhưng cũng chỉ là một cách bói.

Kết luận, một tác phẩm quá khó, quá mù mịt, không thể hiểu thì không thể cảm. Nếu một tác phẩm có thể hiểu được thì sự cảm thông sẽ giúp cho thưởng ngoạn dễ chia sẻ với tác giả. Một tác phẩm quá dễ hiểu, ruột để ngoài da, thì thông thường không được coi trọng. Như vậy giá trị của một tác phẩm nằm giữa một đầu là quá dễ hiểu và đầu kia là không hiểu gì cả. Vậy thì nằm ở khúc nào sẽ có giá trị cao?

Tính tình bảo thủ thì sẽ chọn trung dung. Trung dung trong nghệ thuật thường hợp với thương mại hơn là giá trị sáng tác. Nhìn lại những tác phẩm giá trị theo lối thống kê, có thể nói, tác phẩm giá trị nằm trong đoạn từ trung dung đến khó hiểu. Càng đến gần khó hiểu càng có giá trị.

Khó hiểu ở đây có nghĩa là có nhiều cách hiểu, nhiều tầng lớp để hiểu, có rộng có sâu để hiểu. Không có nghĩa là **làm khó khăn cái hiểu**. Nhiều cách hiểu như công án Thiền. Nhiều tầng lớp để hiểu như truyện Kim Dung. Bề rộng để hiểu như Chiến Tranh và Hòa Bình của Leon Tolstoy. Bề sâu để hiểu như Lá Cỏ của Walt Whitman....

Và dĩ nhiên như chuyện thường tình là những tác giả cho rằng sự khó hiểu cần thiết cho tác phẩm nhưng lại lầm lẫn sự khó hiểu theo lối sáng tác biểu diễn.

Người ta kể lại một câu chuyện xảy ra ở thành Athènes dưới thời đại văn minh của Hy Lạp. Có một lực sĩ từ thành Sparte tới Athènes và biểu diễn, có tài đứng trên một chân lâu hơn mọi người. Quả thật, anh ta đã bỏ nhiều thời giờ luyện tập. Tạo ra một sức khỏe tốt. Sức chịu đựng bền bỉ. Hơi thở điều hòa không mất thăng bằng. Anh có thể đứng trên một chân giờ này qua giờ kia mà vẫn đứng vững vàng. Người qua đường hết sức thán phục. Có người ca ngợi không tiếc lời. Một nhà hiền triết đi ngang qua thấy đám đông tụ tập, bèn ghé vào xem. Ông lớn tiếng nói rằng, thật uổng phí tài năng. Một con ngỗng không cần luyện tập vẫn đứng được trên một chân, còn giỏi hơn anh ta.

Nếu mục đích của thể dục thể thao không phải là biểu diễn thì làm nghệ thuật có cần phải biểu diễn không?

Biểu diễn? Biểu diễn như thế nào?

- Biểu diễn thật là trình diễn một điều gì phát xuất từ tài năng thật sự.
- Biểu diễn lờ là trình diễn một điều gì mà không có tài năng thật sự hoặc vì mục đích lợi ích khác.

- Biểu diễn cần phải đúng chỗ, đúng thời, đúng việc. Nghệ thuật không có chỗ cho biểu diễn lờ và biểu diễn thiếu khả năng.

- Biểu diễn cao độ, quá độ, cực đoan thường rơi vào cụm từ "lập dị". Lập dị chỉ cần thiết khi nó là con đường khai phá với tâm huyết, với tài năng, hoặc với một lý thuyết vững vàng. Lúc đó, lập dị không còn là lập dị mà là một con đường mới, một sáng tác mới, một học thuyết mới. Ví dụ như phái DaDa là lập dị mà phái Siêu Thực, từ DaDa, lại là học thuyết sáng tạo.

Lập dị để gây sự chú ý và không có tác phẩm giá trị để chứng thật thì lập dị này sẽ không có đời sống lâu dài. Tự trong thâm tâm của mỗi tác giả, sẽ biết mình có ý đồ gì nơi tác phẩm.

Sáng tạo và sáng tác lúc nào cũng có sai lầm, lúc nào cũng bị tương tranh với sản si nhưng nghệ thuật phát ra từ bản ngã của người nghệ sĩ chân chính sẽ loại trừ dần những sai lầm kia. *Creativity is allowing yourself to make mistakes. Art is knowing which ones to keep. (Scott Adams).*

Trước hết là tài năng và tài hoa có chỗ khác nhau. Có tài hoa mà thiếu tài năng thì nghệ thuật tuy bay bướm mà cạn sớm. Có tài năng mà thiếu tài hoa thì nghệ thuật chỉ có thể đạt đến mức cao mà không đạt được sự bay bổng. Tài năng không phải là kiến thức, cũng không phải là kinh nghiệm, mà là khả năng tiêu thụ, tái tạo kiến thức và kinh nghiệm. Nói một cách khác là khả năng học hỏi và khả năng sử dụng những học hỏi.

Nan-In, một thiền sư Nhật vào thời Minh - Trị (1868- 1912), tiếp một vị giáo sư đại học đến tham vấn về Thiền. Nan-In đãi trà. Ngài chế một cốc đầy và vẫn tiếp tục rót. Vị giáo sư nhìn cốc nước tràn cho đến khi không nhận được, bèn lên tiếng: - *Nó đã đầy tràn rồi, không thêm được nữa đâu!*

- *Thì cũng như chiếc cốc này.* Nan-In thông thả nói, *ông đã mang đầy tư kiến và thành kiến. Làm sao tôi có thể chỉ cho ông về Thiền nếu ông không cạn cốc của ông?*

Tài hoa thường cất cánh tài năng để trở thành kỳ tài. Nếu không, thì công phu là một cách cho tài năng đạt đến nghệ thuật có giá trị. Cả hai đều đòi hỏi sự trung thực và trực giác sáng tạo của và về thẩm mỹ

Nếu ai đến thăm thiền viện Obaku ở Kyoto đều nhìn thấy một bảng gỗ khắc chữ đại tự "Nhất Đế" trên cổng. Đối với người biết thưởng thức lối viết chân phương ai cũng đều tấm tắc khen ngợi là một tuyệt tác. Nó được viết bởi thiền sư Kosen hai trăm năm trước.

Thực ra ngài viết trên giấy, rồi nghệ nhân mới dựa theo khắc trên gỗ thật lớn. Khi Kosen viết thảo thì một thiền sinh đã đứng bên cạnh mài cả hàng mấy hủ mực lớn tướng, và cũng bạo dạn không ngừng phê bình lối viết của sư phụ.

- Chưa được, thiền sinh thưa với Kosen sau bản thứ nhất.

- Cái này thì thế nào?

- Còn kém, tệ hơn bản trước nữa, đệ tử phê.

Kosen kiên nhẫn viết bản này qua bản khác cho đến khi đếm được tám mươi tư bản với chữ "Nhất Đế" chồng chất mà đệ tử vẫn chê. Đến một lúc thiền sinh trẻ kia bước ra ngoài trong chốc lát, Kosen nghĩ: *"Bây giờ là lúc ta thoát ra khỏi cái dòm chùng của nó,"* và ngài phóng bút viết liền tay với tâm thơ thới chữ "Nhất Đế." Quay vào, người đệ tử reo lên: - *Tuyệt tác.*

Biểu diễn chữ nghĩa

Trong các loại sáng tác, nghệ thuật chữ nghĩa là nơi dễ bị sự biểu diễn xen vào, vô tình hay cố ý. hàng ngày, con người sử dụng chữ nghĩa để trao đổi ý tứ, chia sẻ tình cảm, tranh luận đề tài, thuyết phục người nghe.....Ngôn ngữ, lời lẽ không thể không có lúc phô trương, biểu diễn hay gian lận. Ngược lại, có ngôn ngữ bình thường, ngôn ngữ ẩn ý, ngôn ngữ bác học, ngôn ngữ thật thà.v...v... ngôn ngữ duyên dáng và ngôn ngữ đẹp.

Văn thơ, nhất là thơ, chuộng ngôn ngữ đẹp. Có lẽ vì người xưa xem việc văn chương thi phú là việc cao hơn những chuyện bình thường hàng ngày. Họ dùng nét đẹp, tinh thần đẹp đưa vào chữ nghĩa để phân biệt với chữ nghĩa bình dân. Truyền thống trau chuốt chữ và câu trong văn thơ vẫn mãi còn đến ngày nay.

Trong những năm đầu tiên khi làm thơ, tôi có nhận được đôi dòng viết tay của nhà văn Võ Phiến, vốn là bạn nhỏ tuổi hơn ba tôi. Vài dòng ngắn trong mảnh giấy ngắn, nhắc tôi nên quan tâm đến nét đẹp trong thơ. Tôi hiểu được ý của bác ngay vì tôi có chủ trương dùng ngôn ngữ rất thường, những tiếng địa phương và đôi khi là những chữ thô và góc cạnh. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn không thay đổi ý định ban đầu. Tôi cho rằng thơ cũng giống mọi sinh hoạt khác, sản phẩm khác, dùng để sống, không dùng để chiêm ngưỡng. Cứ theo tự nhiên và bản gốc của mình. Tôi không thấy thơ có nhiệm vụ gì cao cả. Tôi vốn dở thể thao. Những trò chơi đều về chót. Cờ bạc hay thua. Không thích làm việc. Chẳng coi trọng học hành. Thường hay suy tư và lãng mạn nên thích hợp làm thơ. Chỉ vậy.

Câu và chữ được trau chuốt đẹp và lãng mạn hoặc bóng bẩy chỉ có giá trị thật sự khi cư mang một ẩn tình, ẩn tứ, ẩn ý hoặc gợi lên một hình ảnh, sự tích, dụ ngôn nào đó. Hoặc bình thường là có ý nghĩa. Nếu không sẽ chỉ là những câu, những chữ mang tính làm duyên hay son phấn bên ngoài. Người ta thường biện luận rằng thơ không cần phải có ý nghĩa. Sao lại không cần? Có chữ là có ý. Có câu là có chuyện. Nếu một câu thơ không mang ý tứ gì hoặc ý tứ hời hợt thì chắc sẽ bị lãng quên rất nhanh. Cứ thử nghĩ có bao nhiêu câu thơ trong truyện Kiều của Nguyễn Du mà ta có thể nhớ và đó là những câu nào.

Thơ Việt hiện tại lại có nhiều từ ngữ biểu diễn những tứ thơ có tâm tình kích động quá độ mà tâm tình đó đọc lên không cảm thấy có thật. Những tứ thơ nổi loạn, gào thét, đập phá hoặc trình bày những hình ảnh, mẩu chuyện kỳ dị như một bộc lộ để thoát ra những qui chế hoặc dòng thơ đương thời nhưng đọc lên không nhìn thấy tác giả. Chỉ thấy lao động ý tứ.

Một trong những khía cạnh biểu diễn là sự cường điệu. La to mà trống. Chữ lớn mà rỗng. Lăn lộn mà không đau. Khóc lóc mà không khổ. Nói chung là không cảm được sự trung thực. Không nhận ra được nhu cầu nào đã thôi thúc cho bài thơ thành hình.

Làm thơ phải bắt đầu từ một nhu cầu nào đó để thúc đẩy lời lẽ xuất hiện. Thường là xuất hiện hàng loạt. Đôi khi xuất hiện một hai câu để bài thơ bắt đầu từ đó. Bài thơ không có sắp đặt trước nhưng khi chấm dứt, chỉ có tác giả mới biết được anh ta đã giải tỏa nhu cầu ban đầu hay chưa. Bài thơ không đến từ một nhu cầu muốn thoát ra hoặc cần phải trả ra bằng chữ nghĩa, thì bài thơ này không có căn bản của thơ. Thơ không thể phát xuất từ nhu cầu biểu diễn hoặc nhu cầu danh tiếng hoặc nhu cầu thương mại. Nhu cầu để diễn đạt nghệ thuật là nhu cầu giải thoát những nỗi niềm cô đơn, như đã nói trên và nhu cầu trả lời cho những thao thức đi tìm bản ngã qua thẩm mỹ. Đọc xong, có thể có cảm tưởng, người làm thơ phải chờ đợi một nhu cầu trầm trọng. Thừa

không, nhu cầu tình cảm và nhu cầu tri thức vốn đã sẵn có trong mỗi người. Có khi thôi thúc, có khi im lặng. Sự thôi thúc đến bất ngờ mặc dù có thể nó đã giăng co trong một chuỗi suy tư. Sự thôi thúc này, có khi rất nhỏ nhoi như cảm giác đói bụng, cần một miếng ăn. Hoặc khát nước mà muốn uống bia lạnh thay vì ly nước lã.

Để có thể chia sẻ nhiều hơn, hãy chọn nhu cầu tình yêu, vốn là động lực lớn nhất của thi ca và nghệ thuật. Nhu cầu cần có tình yêu là nhu cầu luôn luôn chiếm ngự trong tâm trí của mỗi người. Nhưng người không dùng nghệ thuật để diễn đạt nhu cầu này. Nhu cầu này sẽ bị thôi thúc bởi ông X, cô Y. Tạo ra một nhu cầu tình cảm đặc thù có nội dung và đối tượng là ông X hoặc cô Y. Những thôi thúc này là động cơ của sáng tác.

Một sáng tác nghệ thuật là một kết quả của một nhu cầu đặc thù bị thôi thúc. Sự thôi thúc mạnh hay yếu sẽ tạo ra sức sinh động của tác phẩm. Nhu cầu lớn hay nhỏ tạo ra tầm vóc của tác phẩm. Diễn đạt được nhu cầu này như thế nào là giá trị của nghệ thuật sáng tạo. Những yếu tính này kết hợp với nhau tạo ra giá trị cho một tác phẩm. Cho dù là một bài thơ chỉ có vài câu, cũng có yếu tính như vậy. Xét một tác phẩm nghệ thuật, xét một bài thơ cũng căn cứ vào nhu cầu, sức thôi thúc và cách diễn đạt.

Không nghe được người thường ngoạn, đừng tưởng họ câm. Không thấy được người thường ngoạn, đừng tưởng họ mù. Nhưng giữa trùng trùng bao la, họ đọc những lời thơ và nghe ra tâm địa của tác giả.

Sau khi sư ông Bankei qua đời. Không một ai trong các thiền sinh hiểu rõ sư phụ. Nhưng một người mù thường sống cạnh thiền viện kể với bạn rằng: - *Bởi tôi mù nên không thể nào nhìn thấy rõ mặt ai, vì thế tôi đoán được tâm tánh của mỗi người qua tiếng nói. Thông thường khi tôi nghe ai khen ngợi kẻ khác hạnh phúc hay thành công, tôi còn nghe được cái giọng thâm kín của ganh tị. Khi nghe lời chia buồn kẻ khác gặp điều bất hạnh, tôi nghe có giọng khoái trá thỏa mãn, rõ là kẻ nói lời chia buồn mà lòng thì sung sướng vì có những món kẻ kia bỏ lại để cho mình chiếm đoạt.*

- *Chỉ riêng giọng nói của Thiền sư Bankei là luôn luôn thành thực. Khi ngài nói lời vui vẻ, tôi chỉ nghe đọc có giọng vui vẻ. Khi ngài tỏ lòng buồn rầu, tôi chỉ nghe đọc một giọng buồn rầu.*

Nói về sáng tác, đã nắm rõ yếu tính và tinh thần thẩm mỹ thì những kết quả nghệ thuật hoặc thơ văn vì những lý do không thuộc về thẩm mỹ thì làm sao có được tính đẹp trong tác phẩm và đức đẹp trong bản ngã.

Thơ hay là thơ ra sao?

Tôi đã nhiều lần phân biệt thơ hay và thơ giá trị. Không cần phải lập lại. Thôi thì lấy chữ "hay" theo nghĩa chung. Và dĩ nhiên đây chỉ là quan niệm riêng.

Nếu bạn nặn chanh chua vào một ly trà, những giọt chanh mau chóng tan biến vào nước trà. Nhưng nếu bạn bỏ đường vào ly trà, bạn phải khuấy lên, đường mới tan ra. Cả hai hợp lại thành ly trà chanh. Thơ cũng vậy, có lời lẽ, câu cú chui vào lòng và tan theo rung cảm. Có lời lẽ, câu cú phải suy tư, nghiền ngẫm mới tan ra. Một bài thơ gồm có cả chanh lẫn đường thì ly trà thơ này dễ uống. Nhất là chanh phải chua, đường phải ngọt thì sẽ làm khẩu vị tuôn trào nước miếng.

Bản tính **Thấm và Thấu** của chữ và câu là căn bản của bài thơ hay.

Có những chữ và câu thuộc về **Thấm**. Trước hết những chữ và câu này phải được đọc cẩn trọng hoặc trang trọng ngay từ đầu. Kiến thức, kinh nghiệm và khả năng hấp thụ thơ của người đọc là điều kiện để đón nhận và thời gian, từ từ những ý tứ của chữ và câu xâm nhập vào tâm tư thường ngoạn.

Về diện sáng tác, những chữ và câu có bản chất và nội dung **Thấm** là những chữ và câu có nhiều lớp bề sâu. Càng nhiều lớp chồng lên nhau càng thấm xuống lâu hơn.

Có những chữ và câu thuộc về **Thấu**. Từ chữ nghĩa câu cú đi thẳng vào lòng người đọc. Thấu không cần phải là dễ hiểu nhưng là hiểu liền, cảm liền.

Về diện sáng tác, những chữ và câu có bản chất và nội dung **Thấu** là những chữ và câu thường đến bằng trực giác sáng tạo. Chúng lóe lên và mang theo một tình ý có khả năng tuôn qua những rào cản để đâm thẳng vào tim.

Có những chữ và câu thuộc về **Thường**. Dùng để kể, để đệm, để nối, để dẫn.....Bất cứ bài thơ hay nào cũng có những chữ và câu thuộc loại này. Và thơ không hay là thơ có quá nhiều hoặc

toàn là những chữ và câu thuộc loại thường. Nếu như cả bài thơ toàn là Thấm thì thuộc về bài thơ quá khó: Ví dụ,

Truyện bỏ câu

*Nước rửa lông mày
anh tưới tâm cây
Vùng lửa hạn
mắt lá ngày rằm mát
Mãng cầu
chim huyền thoại
truyện bỏ câu*

Hoặc

Vải Thanh Hà

*Tàu ú còi tu hú kêu vườn đỏ
Tuổi vào ga mùa ủ lửa má vừa*

(Thơ. Lê Đạt)

Một bài thơ hay có ít **Thường** và nhiều **Thấm** và **Thấu**. Thấu thì quan trọng hơn Thấm. Thấu là tinh hoa nội lực của mỗi thi sĩ. Nhưng phải có thấm thì thấu mới sung sức trở lại mỗi khi đọc lại bài thơ và thấu có khi sâu đậm hơn khi đã thấm qua nhiều lớp.

Đọc: Poet's epitaph của Octavio Paz.

*He tried to sing, singing
not to remember
his true life of lies
and to remember
his lying life of truths*

*Hắn đàn tâm hát, hát lên /
để không còn nhớ
nỗi niềm nhân sinh / sống đời thật để dối mình /
để rồi nhớ mãi
tâm tình bán khoán /đổi đầu sự thật dối gian /*

(Selected Poems. Trang 2. Octavio Paz. Edited by Eliot Weinberger. 1984. New Directions Publishing Corporation. 80 Eight Avenue, New York 10011)

He tried to sing, singing (Câu thường: khai)
 not to remember (Câu thường: dẫn)
 his true life of lies (Câu thắm)
 and to remember (Câu thường: nói)
 his lying life of truths (Câu thẩu)

Chữ viết của người Việt khởi nguyên từ tiếng Hán. Về sau chuyển sang Hán Việt và biến dạng tiếng Nôm. Sau cùng chuyển thành chữ quốc ngữ dạng chữ La Tinh. Cấu trúc và luận lý trong chữ Hán và chữ La Tinh rất khác nhau. Chữ Việt thừa hưởng cả hai.

Chữ Hán là chữ bắt đầu bằng tượng hình sau đó mới diễn nghĩa. Ví dụ chữ Nhân do chữ Nguyệt nằm trong chữ Môn. Nguyệt lai môn hạ nhân. Đa số những chữ Hán căn bản bắt đầu từ vẽ lại một hình, vật, thú trong đời sống rồi dần dà biến báo theo thẩm mỹ. Bản chất là tượng trưng rồi diễn ý.

Chữ Việt viết theo chữ La Tinh là ráp vần a, b, c....cấu trúc theo thứ tự và luận lý để tạo ra ý nghĩa ví dụ: tu (đi tu), thêm dấu huyền là tù (ở tù), thêm vần n và g là từng (cây từng).... Ý nghĩa của chữ thay đổi theo vần và dấu ráp thêm.

Ngôn ngữ Việt có thể diễn Hán, diễn Nôm, diễn La Tinh. Từ tinh thần cấu tạo và cách diễn, dễ nhận ra bản chất và ý tứ của chữ, trong cấu trúc lớn hơn là cụm từ rồi thành câu. Chữ và câu trong thơ Việt có thể hoặc tượng hình rồi diễn ý hoặc diễn ý diễn tình theo luận lý mở ra (unfold).

Ví dụ như dùng chữ Âm. " Chiều âm"

Hình tượng và ý nghĩa khi đọc chữ này là phân vân giữa Âm nghĩa trừ, Âm nghĩa tiếng, Âm nghĩa trái với dương. Âm là chữ tượng hình rồi mới diễn ý. Chiều âm là câu tượng hình.

Chữ Âm thêm dấu sẽ mang đến Chiều ảm.....Chiều ẳm....

Chữ âm thêm chữ sẽ Chiều âm thăm...Chiều âm vang.....Chiều âm i.....

vậy thì:

Chiều âm

Tiếng rơi

Em không tới

Khói nhang

cháy ngún lòng tôi

.....

Đoạn thơ này có những chữ và câu làm người đọc băn khoăn. Bên dưới những chữ và câu này là gì? Những hình tượng đọc thấy ban đầu như *Chiều âm...* mở dần ra với *Tiếng rơi....Em không tới.....*bỗng đổi màu, thay ý khi nối vào *Khói nhang cháy ngún lòng tôi...*

*Khói nhang cháy ngún lòng tôi.....*Câu Thấu.

*Chiều âm.....Tiếng rơi.....Em không tới.....*Câu Thăm. Âm nào? Tiếng gì rơi? Vì em không tới, phải chăng là chiều âm thầm, cô đơn hay chiều âm phủ? Phải chăng là tiếng lệ rơi hay tiếng lòng thầm thiết? Ý tứ gì đây? Em hẹn mà không đến hay em đã chết không thể trở về?

Đây chỉ là một ví dụ. Dĩ nhiên khi đọc, sẽ đọc một lượt nhưng cứ mỗi dòng thơ hoặc mỗi cụm từ tiếp theo sẽ mở dần những ngõ ngách, con đường đi vào cõi thơ. Bài thơ hay là bài thơ mở ra nhiều con đường khác nhau, kể cả đường hầm để người đọc tha hồ chọn lựa, đi lui đi tới, đi ngang đi dọc.....Mỗi đường, mỗi ngõ, mỗi thú vị, mỗi rung cảm tâm tư.

Bạn thử đọc bài thơ "**hết hạ lại thu**" của thi sĩ Quang Phạm. Bạn có cảm được nồng độ của nhu cầu sáng tác? mức độ trung thực? và bản ngã của thi sĩ?

nhà tôi trên đồi

chạy quanh con suối cạn mùa khô

hôm em ghé chơi thần thờ bên góc hạnh già

rồi bắt chợt cất giọng bi ca, thẳng thốt

tôi nghe như bắt đầu từ đó

nao nao, tiếng nước gieo chân đôi
 rồi nắng hạ thấp, gió mùa dâng cao
 từng cụm trắng đen mây rủ nhau tới
 đổ bóng thiên thu trên thềm cửa vắng này
 cây đàn bầu em bỏ đó hết hạ lại vào thu
 một hôm rầu rầu mây trời bay ngang khung cửa nhỏ
 khung cửa sổ như mắt, đăm đăm dõi nhìn
 cung thương cung vũ bỗng dựng mình ên giật
 chuyện như chẳng có gì
 tự nhiên muốn bật khóc lòng đau
 thoai thoai dốc đôi kia
 bên dòng buồn buồn chảy
 bóng hạnh là một vệt dài trên nền cỏ úa
 ô kìa em chỉ còn một chiếc lá đỏ thôi
 đáng, hình như tan vỡ đông đưa
 rơi vèo vào chiều thu tịch mịch nhức nhối
 chuyện tình buồn nhiều hơn vui
 chẳng nói làm gì
 chuyện như chẳng có gì
 nhưng mỗi khi nghĩ tới lệ lại ít nhiều rơi

Rồi bạn thử tìm xem, chỗ nào Thắm, chỗ nào Thấu, chỗ nào Thường và bạn cảm ra sao?

Rồi mời các bạn thử đọc bài "Phẩm Giá Thơ" của thi sĩ Đoàn Minh Đạo. Đọc bài thơ này sẽ cần nhiều thời giờ để tìm hiểu rồi thấm mới có thể cảm. Bài thơ này như một chứng minh: Thơ khó không vì khó hiểu hoặc cố tình tạo nên khó hiểu mà vì có nhiều lớp để thấm qua. Bài thơ này có rất nhiều chữ và nhiều câu và nhiều đoạn thuộc về thắm. Có vài câu thấu, đọc nghe rất mũi lòng. *Tiếng hát lương tri vượt ngục..... Nhà thơ người gieo hạt / Câu hỏi thơ đặt ngược với chúng ta.... Đất nước cần nhà thơ trong thời khốn khó.....*

PHẨM GIÁ THƠ

Ông đã ra đi mùa hoa tháng Năm
 Trời tháng Sáu tím sắc oải hương nở bên đồi
 Điều mọi người yêu nói về mùa hạ
 Nhưng thơ ông chỉ có
 Màu tím hoa găng
 Vầng trăng như mẹt kê vàng *
 Trong giấc mơ kẻ khó
 Những câu âm ma sát cùng sinh tử
 Chữ nghĩa đọa đày
 Đói nghèo lao ngục
 Canh cánh bên lòng
 Dong riềng khoai sắn
 Xác pháo tân hôn tàn vỏ khoai tím rịm
 Miếng ăn bạc trắng mồ hôi vắt tận trong xương
 Đường đời gieo neo
 Quì gối vin tay còn lênh đênh chao đảo
 Nẻo sương chiều khổ lụy
 Chút thơ mộng chất chiu
 Từng mụn trắng vá lụa áo tù
 Cuộc lữ qua đời mệt mỏi
 Khổ đau nuôi thành con chữ
 Bát nước vối chát lòng tự sự
 Con khát thơ dài yếm lụa còn vương
 Quai tay búa ngõ nảy tay thơ
 Nhớ thừa cân mười trang con ngựa phủ chúa
 Nhờ ơn cao rộng
 Đông mười hai năm sống sót trở về
 Bèo nhèo thân phận
 Bỏ gói gục đầu
 Lòng mãi giữ ngay thước thợ

Mở mắt xem đêm
 Tình quê vươn từ ngọn rau cái kiến
 Ánh nhìn tươi rói trẻ thơ
 Bầu trời sơ nguyên chung thủy.

Ông đã ra đi mùa hoa tháng Năm
 Trời nơi đây rung rung tử đinh hương
 Cũng tím hoa cà thủy chung thân phận
 Ôi miền đất ngục tù nhà thơ đục vào ký ức
 Bài thơ ngậm lời ứ tựa ca dao
 Khi giấy mực chỉ thét gào cùng quyền lực
 Cái ác hoành hành
 Người thơ thụ nạn khổ hình
 Chối từ thỏa hiệp
 Niu đau thương trọn kiếp làm người
 Chỉ ra kẻ đâm người dẫu mặt
 Vu cáo gây thù
 Khi bạo quyền đều muốn dẫn độ nhà thơ
 Thi nhân thu sẵn hành trang rõ nơi phải đến
 Chẳng hận thù
 Vẫn nhân ái với kẻ gây tội
 Cảm thông người thống hối lỡ lầm
 Ước gì ta đôi bước theo ông
 Trong dẫn lối lương tri
 Hummingbird say mật tường vi
 Cánh mong manh tinh âm thanh tân
 Lập lòe đom đóm khuya soi bóng lộc vùng
 Người ngưỡng mộ ông
 Mỗi hình ảnh là quê hương sự sống
 Mỗi ý nghĩ thiện tâm chất gạn trong lao nhọc
 Mỗi hành động nhân hậu vực trời dậy
 Trong hoang hoai của cảnh giác nghi ngờ
 Tàn khốc thời văn hóa hư vô

Đời trại giam không ngày tháng
 Thời nát bụi tro
 Những tiếng tung hô cài lên cửa miệng
 Thừa điện đài đã thành phế tích
 Gió gào sử lịch mù sương
 Con mưa cuồng đầy vực
 Tiếng hát lương tri vượt ngục
 Sóng biển xô nhịp đập hoá sinh.

Ông đã ra đi mùa hoa tháng Năm
 Hoang vu tràn lũng linh lan
 Bóng chuông nhỏ vang trời huyết lệ
 Từ vừng trán ráng chiều đôn hậu
 Cửa tử sinh nhân thế
 Nhẹ tựa mây
 Đất nước vương dây oan nghiệt
 Cái đời nghèo còn buộc chưa tha
 Nhà thơ người gieo hạt
 Câu hỏi thơ đặt ngược với chúng ta
 Đeo đuổi người tím ruột cơ hàn
 Đan kết hoang vu thương tích
 Ất Dậu tháng Ba tường đầu dịch xóa lâu rồi
 Cũng cái đập vào mặt phẩm giá con người
 Những em bé ơi thanh xuân đất nước
 Vươn rùng bạt ngàn sức sống hồi sinh
 Chúng ta chẳng cần sử thi thần thoại
 Khi măng xà đưa đẩy giọng cừ non
 Ta bắt đầu bài thơ nén vắn sâu lắng
 Cánh thiên nga trắng ngần
 Đùa gió hồ Xuân say cơn nắng Hạ
 Minh triết vút đỉnh xa ngưỡng vọng cõi bờ
 Đất nước cần nhà thơ trong thời khổn khổ
 Sự sống hiển linh len từng kẽ lúa

*Câu thơ lời lá cỏ ven rừng
 Đêm ca dao của vàng trắng muôn thủa
 Vỗ về hơi thở sơ sinh
 Nhà thơ bạc tóc rập đầu lay hạt gạo thiêng
 Lả nhánh hương tưởng niệm chiều tà
 Ôi mãi vắng thơ mùa hoa tháng Năm.*

** Chữ **thăng** vay trong thơ **Phùng Cung**.*

Trích: <http://www.gio-o.com>

Hai nhà thơ là hai phong cách sáng tác. Hai cá tính khác xa nhau.

Có thể đọc ra nhu cầu thôi thúc của bài "Hết Hạ Lại Thu" từ một vết thương của một chuyện tình đã qua. Vết thương không lành, không chảy máu xối xả mà âm ỉ khi kỷ niệm đeo đuổi rồi nhắc nhớ. Chữ nghĩa của nhà thơ Phạm Quang thì bình thường nhưng cấu kết vào câu lại không bình thường, khiến cho câu thơ đọc lên thấy trăn trở: *cây đàn bầu em bỏ đó hết hạ lại vào thu.....* Hoặc nhiều câu mở ra khiến cho ta cảm thấy sự xót đau trung thực của tác giả. *Chuyện như chẳng có gì / nhưng mỗi khi nghĩ tới lệ lại ít nhiều rơi....* Không có nhiều câu thắm. Nhưng chỉ câu này, cũng cho ta sự cảm khái: *bóng hạnh là một vệt dài trên nền cỏ úa*. Bóng hạnh, bóng của cây hạnh già hay là bóng hạnh phúc có lần đã "thần thờ" nơi đây nay đã ngã trên cỏ úa. Không có câu thâu của trí tuệ nhưng câu thâu của tâm sự làm bùi ngùi cho kẻ đồng cảm: *chuyện tình buồn nhiều hơn vui (dẫn) / chẳng nói làm gì (thâu)....* Nhà thơ Phạm Quang không chứng tỏ một phương pháp sáng tạo rõ ràng. Cách diễn đạt của ông bình dị như lời tâm sự thường thường mà gây cảm động. Không ào ạt suốt suốt mà nhẹ nhàng như chiếc lá đỏ rơi.

Bài "Phẩm Giá Thơ" thì khác hẳn. Nhu cầu thôi thúc để bài thơ này ra đời là sự dẫn vật của suy tư về giá trị của làm người. Nhân vật "ông" vừa là nhà thơ Phùng Cung, vừa là bất cứ một người nghệ sĩ nào còn sĩ khí sống trong một xã hội bị phủ quyết nhân quyền, vừa là tâm sự của tác giả. Xuyên qua cái biểu dụ Phùng Cung, "Ông đã ra đi.." và những gì ông để lại, chính là những điều ta nghiền ngẫm về sự bi thảm của hào khí. Nỗi bi thảm này không phải chỉ của Phùng Cung mà của bất cứ ai có tâm hồn hào sĩ. Thế thái nhân tình, thành bại nhân sinh cũng làm cho hào sĩ hôm nay ngán ngẫm. Ông đó, người đây có phẩm chất làm người. Nhưng liệu rằng nhân phẩm của

nhà thơ có làm nên phẩm chất thơ? Bài thơ tạo ra nghi vấn cho người đọc băn khoăn. Đó là đề tài thẩm.

Phương pháp sáng tác của ông trước hết là vay mượn ít lời của nhà thơ Phùng Cung, những lời thâm thúy và khéo léo ráp vào câu trở thành lời lẽ của tâm sự... *Miếng ăn bạc trắng mồ hôi vắt tặn trong xương.... Từng mụn trắng vá lụa áo tù..... Mở mắt xem đêm.... Chỉ ra kẻ đâm người dẫu mặt ... Nhà thơ bạc tóc rập đầu lay hạt gạo thiêng.....v.v....* Chữ nghĩa của ông dùng thận trọng và chải chuốt. Câu cú ông xử thuộc về "khó" vì ông tạo ra những khoảng trống không giữa các ý tưởng. Sự liên tục của câu và ý bị gián đoạn để người đọc sụp vào khoảng suy tư. Những câu chuyện đời thật và truyện viết bởi Phùng Cung *Nhớ thừa cân mười trang con ngựa phủ chúa ... được cài chung vào tâm cảnh và tâm ý của ông ... Quý gối vịn tay còn lênh đênh chao đảo.... Chút thơ mộng chất chiu.... Thi nhân thu sẵn hành trang rõ nơi phải đến..... Khổ đau nuôi thành con chữ.....v...v.....* Phương pháp sáng tác của ông có thể nhìn thấy đó là sự chọn lựa chữ và cụm chữ phức tạp. Câu cú chải chuốt cài nhiều ẩn ý. Ông phân biệt ranh giới giữa lời thơ và lời thường.

Một bài thơ dài là vị tự nó sinh trưởng hay vì tác giả cố nuôi cho nó lớn? Một bài thơ ngắn, chỉ có vài câu là vì tác giả hụt hơi hay vì tự bài thơ đã đủ? Không ai có thể thoát ra qui luật tự nhiên. Có nhu cầu lớn, có thôi thúc mạnh, sẽ có nhiều thơ. Có nhu cầu sâu sắc, có thôi thúc bất chợt, thường sinh thơ cô đọng. Căn bản của nghệ thuật làm thơ nằm trong bốn chữ: Tự nhiên và xuất thần.

Ở bất cứ thời đại nào, hoàn cảnh nào, chuyện làm người vẫn mãi mãi là chuyện âm ức cần bộc lộ từ những tâm hồn chống đối rồi bị bầm dập bởi số mạng. Và cũng từ đó...*Ta bắt đầu bài thơ nên vẫn sâu lắng.....*

=====

(Xin đọc tiếp bài lý thuyết: " Bài thơ Thường Bài Thơ Thấu Bài Thơ Thẩm")

Ngu Yên. Houston Ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Bài Thơ Thường, thấu, thấm

(Tiếp theo: Hiểu và Cảm Thấm và Thấu)

Cách đọc thơ phổ thông nhất là đọc xong hiểu sao cảm vậy. Nhưng nếu muốn tìm hiểu một bài thơ cho thỏa lòng tò mò, trí nghiên cứu thì phải có một cách thức đọc thơ khả thi. Khác với người đọc bình thường, người làm thơ càng cần một cách đọc thơ khả dụng.

Người sáng tác thường đọc rất nhiều. Đọc không phải vì cố thâm nhét kiến thức, mà vì bản chất của loại người yêu văn chương, văn học, văn hóa là thích đọc. Một người làm thơ mà không đọc thơ thì không thể nói là yêu thơ. Mà đã không yêu, không say, thì làm thơ sao cho thành thơ.

Đọc nhiều, nhất là đọc thơ, có người e rằng sẽ bị ảnh hưởng. Câu trả lời là, không đọc ai hết cũng bị ảnh hưởng. Đôi lúc ảnh hưởng kiểu này còn tệ hại hơn vì người bị ảnh hưởng không biết, cứ cho rằng từ mình nghĩ ra. Không có ai tự nhiên mà thành người làm thơ, người sáng tác. Bị ảnh hưởng bởi người khác, không có gì lạ. Càng đọc nhiều thì càng biết mình bị ảnh hưởng điều gì và bị ai ảnh hưởng. Thoát ra vòng ảnh hưởng chính là tài năng của sáng tác. Một người sáng tác có bản lĩnh sẽ đi từ chỗ bị ảnh hưởng đến một lúc sẽ gây ảnh hưởng cho người khác.

Đọc cũng như ăn. Có vô có ra, phần còn lại nuôi thơ mau trưởng thành.

Lúc còn học tiểu học. bên cạnh nhà tôi là một bác thợ nề nổi tiếng. Bác Thông rất có uy tín, ông xây tường, xây nhà, xây luôn cả chợ dù không có bằng cấp hoặc học chính thức qua trường ốc. Nhìn thợ xây gạch lên, ông có thể nói tường xây thẳng hay xéo có đủ 90 độ góc hay không. Nói như chơi mà đúng y chang. Ông đoán chiều cao, chiều dài, chiều rộng sém mép với thước đo. Những người thợ theo ông học nghề, anh thì dùng dây dọi, anh thì dùng thước bọt nước, đủ thứ đồ nghề để xây cất mà thỉnh thoảng vẫn cong cong. Ông giải thích với tôi rằng, một người làm việc xây cất lâu năm, chỉ cần tinh tế và quan sát cho kỹ, thấu thập dần dà sẽ có bản lãnh này.

Ở SanJose, California, tôi có một anh bạn, làm thơ hay. Lại có biệt tài: Anh nói với tôi, chỉ cần nhìn vào mắt một cô gái là anh có thể biết cô này thích anh hay không. Và anh đã chứng minh nhiều lần khi chúng tôi đi bù khú với nhau. Hay thật. Tôi không sao hiểu được bí quyết này.

Những người trời sinh có tuệ nhãn, đọc xong một bài thơ là thấu suốt tâm can của tác giả, rất hiếm hoi. Những người đọc thơ lâu ngày, tự có năng tính cảm hiểu bài thơ không cần phân tích, không cần phương pháp, cũng có nhưng đôi khi hỗn loạn, trước sau không giống nhau. Người bình thường muốn tìm hiểu một bài thơ nếu dùng dây dọi, thước cân bằng bọt nước...v..v...có lẽ dễ hiểu ý tứ trong cấu trúc của bài thơ và từ đó dễ cảm cái không khí và tinh thần thơ ẩn núp trong bức tường gạch đá. Một người bình thường không có trực giác ái tình mạnh nhạy chỉ nên bày tỏ tình yêu một cách bình thường. Đừng suy đoán lao lung kéo trở thành Mã Giám Sinh.

Nhận xét giá trị của bài thơ bằng trực giác hoặc bằng khả năng nhạy cảm không phải là sai lầm nhưng cần có một bàn đạp căn bản để bắt đầu. Nếu không, trực giác ví như pháo bông, lúc nổ lúc không, lúc tỏa hình ngôi sao lúc bắn tàng bươm bướm. Còn nhạy cảm ví như nước trong dòng sông, khúc nhanh khúc chậm, đoạn cạn đoạn sâu.

Thơ ở ngoài hay ở trong bài thơ?

Rất nhiều thi sĩ và nhà phê bình nghệ thuật trên thế giới cho rằng thơ ở ngoài bài thơ. Họ thường dẫn ví dụ, tìm thơ như lột một củ hành. Lột mãi, hết lớp này đến lớp kia, cuối cùng đến tận cái lõi, chẳng thấy gì. Ý tưởng này được thi sĩ Octavio Paz trình bày rất thú vị. Bạn làm thơ của tôi cũng nói như vậy. Về sau, hầu như ai cũng nghĩ như vậy.

Khi xưa tôi cũng nghĩ như vậy, cũng tin như vậy. Nhưng càng đi sâu vào thơ, càng vui chơi với thơ. Tôi dần dần sinh lòng nghi ngờ, thơ không ở ngoài thơ. Thơ ở trong bài thơ. Thơ đó gọi là phần thơ đặc thù của bài thơ.

Tôi biết nữ tài tử Marilyn Monroe rất đẹp dù chưa gặp mặt bao giờ. Thi sĩ Bùi Giáng mê gần chết. Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy vì mỹ nhân này mà sém một chút đã toi bởi danh vọng. Nhưng tôi có xem hình chụp của Marilyn. Khi nhìn, khi nói, khi cười. Khi đi, khi chạy, khi bơi, khi nằm...Kiểu nào trông cô cũng hấp dẫn. Hình nào cũng thấy cô cũng quyến rũ. Nhờ nhiều tấm hình khác nhau mà tôi biết đến Marilyn Monroe. Ví như Marilyn là thơ thì mỗi bài thơ là một tấm hình. Nếu nhìn vào hình, không thấy được mỹ nhân, thì làm sao biết đẹp đến mức nào? rạo rực ra sao? - Thưa rằng, mỹ nhân trong hình không thật. - Đúng ra, mỹ nhân trong hình là thật, chỉ không có thật cạnh bên mà thôi. Thơ và bài thơ cũng vậy. Kết luận, **thơ của thi ca thì ở ngoài thơ nhưng thơ của bài thơ thì ở trong bài thơ**. Và tìm hiểu một bài thơ là tìm cái thơ đặc thù của bài thơ, không phải tìm cái thơ của thi ca. Xem tấm hình cô Marilyn:



Xem chân xem áo xem người. Xem xì líp với nụ cười lâm ly.

Cô Marylin bên ngoài là chuyện khác. Còn cô trong hình này là chuyện chúng ta đang thú vị và tò mò thưởng thức.

Từ lúc nào, trí tưởng tượng sẽ phiêu lưu. Phiêu lưu càng xa, càng vào nơi bí hiểm, cảm giác càng thích thú....

Thơ quả thật đang ở đây, chứ ở đâu nữa.

Từ bắt đầu như vậy, tôi đi tìm cho mình một cách thưởng thức thơ, một cách đọc thơ. Tìm thơ ngay trong bài thơ. Dĩ nhiên, trong những bài thơ khó, thơ trốn núp sau chữ, ngoài tứ, sâu hơn ý nhưng cũng trong

phạm vi bài thơ mà thôi. Nếu có cách mời ra, bắt lấy thì sự thông cảm sẽ từ từ chia sẻ. Tôi làm việc này chỉ vì ham đọc thơ hay.

Dùng cách đọc thơ này lâu ngày tự dưng nó phản hồi thành ra cách làm thơ. Tôi cho rằng, thơ hay là thơ ít **thường** nhiều **thâm** và có **thấu** tự nhiên hoặc xuất thần.

Thực tế, **Thường Thâm Thấu** là những kinh nghiệm bình thường mà ai trong chúng ta cũng sống với. Mỗi ngày, chúng ta nói và nghe, nhiều câu nói thường dùng. Rồi có nhiều câu nói đầy ẩn ý và thỉnh thoảng, có những câu làm cho trí tuệ choáng váng hoặc tâm tình xây xẩm. Đọc sách cũng vậy. Ngoài những ý tưởng bình thường, có những tư tưởng làm cho ta bàng hoàng mở mang trí óc; có những câu truyện làm cho ta cảm động; rồi có những lời lẽ và lý luận làm ta cứ mãi băn khoăn, một thời gian sau, mới chợt hiểu ra. Bất cứ ngôn ngữ nào, dân tộc nào, cũng không ngoại lệ. Thơ cũng không ngoại lệ. Đọc thơ cũng hiểu và cảm từ ba yếu tố này.

Không phải chỉ chữ và câu mới mang giá trị Thường, Thâm và Thấu; Giá trị của mỗi bài thơ cũng nằm trong ba cơ sở này. Tuy chữ và câu cấu tạo ra bài thơ nhưng mỗi bài thơ sau khi tập hợp chữ và câu sẽ có một ý chính và một tứ chính, cho dù ý tứ này đôi khi ẩn dạng hay mờ nhạt.

Lý thuyết xây dựng trên Thường Thâm Thấu này chỉ có thể cảm ứng và cảm nghiệm bằng những bài thơ thành danh và những bài thơ giá trị, mới thuyết phục được sáng tác. Bất cứ một lý thuyết nào về sáng tác được đưa ra đều phải có tác phẩm cũ để chứng minh và tác phẩm mới để chứng thực. Những tác phẩm mới càng có nhiều số lượng có giá trị, càng có nhiều tác giả đóng góp, càng đứng vững theo thời gian, lý thuyết đó mới trở thành một trong những con đường sáng tạo khác nhau của nghệ thuật.

Thơ Tân Hình Thức, có một thời rầm rộ đưa ra những lý luận để tạo nên một lý thuyết. Nhưng thiếu phần chứng minh vì không có những sáng tác Tân Hình Thức trước đó. Trong phần chứng thực, cũng không có những bài thơ Tân Hình Thức thuyết phục giới thưởng ngoạn và giới phê bình. Đó cũng là nguyên nhân làm cho thơ Tân Hình Thức chìm dần vào quên lãng. Một số nhà thơ ủng hộ thơ Tân Hình Thức cũng không còn hùng hồn bằng tác phẩm như trước đây. Một vài điểm có thể bàn góp là tâm lý của người Việt hải ngoại. Thông thường đa số người Việt thuộc về

bảo thủ. E dè và dị ứng với những gì mới lạ. Nhất là những mới lạ không đến bằng khoa bảng, bằng cấp, xã vị đã được công nhận. Nói một cách khác, nếu ông tiến sĩ dẫn đầu điều mới thì dễ được lòng tin hơn. Tuy nhiên, đa số những điều mới lạ thường đến từ những người ngược lại. Thêm vào tâm lý của người xa quê hương trong thời điểm đó, thích giữ thơm quê mẹ, thì ca nổi dài từ năm 1975 được thưởng thức nhiệt liệt. Làm sao có thể có chỗ đứng cho thơ rẻ ngang như Tân Hình Thức?

Ngoài ra, đúng như cụm từ Tân Hình Thức, lý thuyết của loại thơ này thiếu một nội dung hỗ trợ cho những nguyên tắc căn bản, ví dụ như, tại sao nên nhảy hàng? cấu trúc của câu nhảy hàng lợi hại ra sao? du nhập những kỹ thuật "hình thức" của tây phương vào thơ Việt, ngôn ngữ Việt cần giữ, cần bỏ những gì? và tinh thần thơ Việt có thay đổi hay không?...v.v...

Phát động và chủ xướng thơ Tân Hình Thức ở hải ngoại là nhà thơ Khế Iêm. Anh là một nhà thơ ít nói, rất chịu khó làm nghệ thuật và là một trong vài nhà thơ mà tôi biết, rất yêu thơ. Anh không phải là lý thuyết gia nhưng là người yêu chuộng đường đi khó không vì ngăn sông cách núi. Một lý thuyết nghệ thuật muốn đứng vững, thường phải đứng trên hai chân: Một trên luận lý và một chân trên sáng tác. Nếu về sau, có những bài thơ tân Hình Thức xuất hiện và chứng thực được lý thuyết của Tân Hình Thức thì phong trào này không phải chỉ có hư danh. Vì vậy không nên có kết luận quá sớm.

Thường Thẩm Thấu không phải chỉ là giá trị của thơ Việt mà là giá trị chung của thi ca. Lắm khi, tìm thấy ở thơ thế giới những chứng minh còn hùng hồn hơn thơ Việt.

Từ Góc Đọc Thơ

Ví dụ dễ chấp nhận nhất cho bài thơ thấu là thơ Hải Cú của Nhật.

Farewell... (Câu khai)
I pass as all things do (Câu dẫn)
dew on the grass (Câu thấu)

Ông Banzan (1730) trước hơi thở cuối cùng đã viết bài thơ trên. *Vĩnh biệt.../ ta tan biến như vạt vật... giọt sương trên cỏ*. Những bài thơ cô đọng thường dễ mang tính chất của Thấu. Như vừa

nốc cạn một hơi ly cơ rượu Tequila, chất nồng băng qua cổ họng, xông lên đầu, tỏa ra ngực, xuống bao tử rồi dịu dần. Không phải bài thơ thiếu nào cũng có phản ứng như ly Tequila. Có những bài thơ thiếu triết vào trí tuệ và tâm tư một cách nhanh và nhẹ. Như bất chợt nhìn thấy một cảnh đẹp buổi hoàng hôn, tự dưng lòng tan ra thoải mái và đã đời.

Lại có những bài thơ, nhiều thăm, cảm hiểu mơ hồ, nhưng vừa đọc xong chợt thấm thấu tình ý của thơ. Ví dụ, bài thơ của Octavio Paz. (Bản tiếng Anh: Selected Poems. Octavio Paz. Edited by Eliot Weinberger. 1984. New Directions Publishing Corporation)

Transit

Lighter than air

than water

than lips

light light

Your body is the footprint of your body

Qua

Nhẹ hơn không khí

nhẹ hơn nước

nhẹ hơn môi

nhẹ ời là nhẹ

Thân em là dấu hình hài đi qua

Thơ Bùi Giáng có nhiều Thăm và Thấu. Chính những thơ thấu đã làm cho dòng thơ của ông trở nên độc đáo. Chữ nghĩa và câu cú trong thơ ông ít khi đơn giản, đa phần rất phức tạp và biến hóa khó ngờ. Nhưng chính những chữ thấu, những câu thấu, những bài thơ thấu đã làm cho người đọc thích thú và yêu mến thơ của ông.

Mây Chiều Nay

Chiều nay chẳng biết ai mời (Câu khai)

Ly đầy rượu đỏ yêu đời hơn đau (Câu dẫn với cụm chữ thấu: *yêu đời hơn đau*)

Điên chơi cho bớt điên đầu (Câu thấu)

Điên đầu cho bớt điên rầu rồi chơi (Câu thấu)

Yếu tính của Thấu, Thắm, Thường thể hiện từ đơn vị chữ, hoặc tín hiệu trong trường hợp Thơ Cụ Thể, qua đến câu, đoạn, toàn bài; từ nội dung đến hình thức; từ chủ đề đến mục đích. Sau cùng là ở đầu đề của bài thơ. Thông thường ba yếu tố này xuất hiện hỗn hợp hoặc hòa hợp.

Do đó có những bài thơ mang tựa đề thấu mà nội dung thắm và đề tài thắm, như

Like Onion

*Like onion skin
My skin
Layer upon layer
But thin
You can peel me
But ever so slowly
You will cry
I am sorry
But if it's any consolation
I am crying too
For you are finally seeing me
while I'm
undressing
you*

(Sonya Florentino)

Như củ hành tây

*Như vỏ củ hành
Da tôi
Lớp từng lớp
Mong manh
Em lột ra
Nhưng hãy chậm chậm
Nước mắt em sẽ rơi
Cho tôi xin lỗi
Chỉ cần một chút an ủi
Tôi sẽ khóc theo
Để sau cùng em thấy được tôi
Trong khi
tôi đang cởi áo
em*

Chữ dùng trong bài thơ rất thường. Câu rất đơn giản. Nhưng ta đọc ra được sự phức tạp của nó. Hoặc có bài thơ lời lẽ mang nhiều hình ảnh, ý tứ mở rộng. Tựa đề như một biểu dụ. Đọc rồi có thể cảm và hiểu khác nhau. Yếu tố thắm bàng bạc khắp cả bài. Đọc nhiều lần hoặc bất chợt giữa thời gian, cái thấu tự nhiên tới. Ví dụ một bài thơ nổi tiếng.

Hoàng Hạc Lâu. (Thôi Hiệu)

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
 Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
 Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
 Bạch vân thiên tải không du du
 Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
 Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
 Nhật mộ hương quan hà xứ thị
 Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Có thể nói bài thơ là những gì thi sĩ diễn ra rồi người đọc diễn lại. Tuồng dễ thì dễ diễn lại đúng hoặc gần đúng. Tuồng khó dễ diễn sai. Nếu tự diễn tự coi thì đúng hay sai không quan trọng bằng cách diễn. Diễn cho công chúng coi lại là một chuyện khác.

Làm sao để diễn lại tâm tình và ý tứ của thi sĩ qua văn bản, qua bài thơ trong tâm tưởng của người đọc là một nghệ thuật. Dĩ nhiên là có nhiều cách diễn. Còn tùy vào diễn viên cho dù cùng diễn một vở tuồng. Với tôi, trước hết là một số kỹ thuật dựa trên ba cơ sở Thường, Thấm và Thấu.

Lầu Hoàng Hạc. (Bản dịch của Tản Đà)

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?	(Câu thường: khai)
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ	(Câu kể)
Hạc vàng đi mất từ xưa	(Câu dẫn)
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay	(Câu thắm)
Hán Dương sông tạnh cây bầy	(Câu kể)
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non	(Câu kể)
Quê hương khuất bóng hoàng hôn	(Câu thắm)
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai	(Câu thấu)

Bởi mang chất **thấm** và **thấu** nên hai câu *Nhật mộ hương quan hà xứ thị / Yên ba giang thượng*

sử nhân sâu trở thành trọng lượng của bài thơ. Những câu đầu chỉ để dẫn đến hai câu cuối. Riêng câu *Bạch vân thiên tải không du du* đã gọi cho người đọc một cảm giác vô thường. Từ cảm nhận này bắt qua *hà xứ thị* và *sử nhân sâu* thật là mệnh mang buồn buồn chuyện thiên cổ.

Đôi khi rất khó phân biệt giữa câu thường và câu thăm hoặc câu thường và câu thấu. Trước hết là tùy trình độ của người đọc. Đối với người đọc bình thường thì không cần thiết để phân tích sát và sâu. Những chữ, những câu nào làm cho thường ngoạn bắn khẩn, suy tư, nghi vấn sẽ thuộc về thăm. Những chữ, những câu nào gây cho thường ngoạn bàng hoàng, thú vị, cảm thông ... thuộc về thấu. Đối với người đọc chuyên, yếu tố thăm đòi hỏi suy tư sâu và nghi vấn khó hơn. Yếu tố thấu đòi hỏi cảm khái hơn, ngộ tính hơn. Xin đọc "Lệ Đá Xanh" của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền.

*tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi*

câu khai
câu mở
câu thăm
câu thường
câu thăm dẫn
câu thấu

*đôi khi anh muốn tin
ngoài trời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối*

câu mở
câu thường dẫn
câu thường kể
câu thường kết đoạn
(đoạn câu dẫn đường cho đoạn sau)

*đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thom phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu*

câu mở lại, mở nhấn
câu thăm
câu thăm
câu thăm

*đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tình khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em*

câu nhấn
câu thường dẫn
câu thường kể

vòng ân ái

*đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tìm rũ rượi*

Đọc một bài thơ khác: Thơ mi-ni của thi sĩ Trần Dần.

*Tác phẩm là bản gốc ? đời là bản sao ?
Ồi Ồi, luôn tam sao thất bản*

*Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời*

*tôi khóc những chân trời – bụi đỏ
Ở đó: vắng người
không có người biết khóc – các chân mây
vô tư như thuở ngày xưa
Nhìn một vì sao
buồn bên ngưỡng cửa*

*Em hãy giữ gìn đôi mắt lệ.
Đừng đau mắt lệ hạ huyền
Nỗi buồn sáng thế còn nguyên.*

Đọc nhiều loại thơ.

- Những bài thơ thuộc loại phổ thông là những bài thơ quá nhiều hoặc hoàn toàn xây dựng bằng những câu thường. Nghĩ sao nói vậy. Kể lẻ tâm sự. Đọc xong hiểu liền. Loại thơ này thường thường không đạt tới giá trị thi ca. Xin khỏi ví dụ.

câu thường kết đoạn
(đoạn dẫn)

câu nhấn, câu ẩn
câu dẫn thăm
câu thâu (nhờ câu 5, thăm dẫn)
câu thâu kết

câu thăm: khai
câu thâu

câu thăm: cài
câu thăm

câu thăm
câu thâu
câu thăm
câu thăm
câu kể
câu thường: kết đoạn

câu dẫn
câu thăm
câu thăm: kết. mở rộng tư duy

- Lại có những bài thơ dâng hiến nụ cười. Nếu bài thơ có bản chất khôi hài nhưng trong dạng u mặc thì khác hẳn những bài thơ có tính cách "nói diều" mua vui, ngoài ra chẳng có gì. Lúc mới làm thơ, tôi rất thích làm thơ loại này. Về sau, cũng có một lúc phong trào này nở rộ ở hải ngoại. Loại thơ "diều" này hay bị lố hoặc vô thưởng vô phạt. Thôi thì cũng mua vui một vài trống canh. Ví dụ:

*Vài tháng tắm rửa một ngày
Soi gương sạch sẽ mặt mày đẹp trai
Nếu ngày nào cũng tắm hoài
Soi gương chỉ thấy hình hài nhàm quen
Để dơ cho xấu lem nhem
Thỉnh thoảng lau bóng ngấm xem khác thường
Thử nhìn ai đang soi gương
Tắm xong mặt mũi dễ thương quá chừng*

(Thú Ồ Dơ. "Hoá Ra Nét Chữ Lên Đường Quần Quanh" Ngu Yên)

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*

(Chân Quê. Thi sĩ Nguyễn Bính)

Về sau, tôi vẫn thích làm loại thơ này nhưng quan tâm nhiều hơn về chất thấm và thấu. Trong khi bài thơ của thi sĩ Nguyễn Đức Sơn nhìn con tập lật với một nụ cười nhưng khiến cho người đọc vừa bật cười đã phải hoang mang. *Tập cho quen mất thăng bằng từ đây* trở thành nụ cười u mặc. Bài thơ không phải chỉ hài kịch mà là bi hài kịch. Khác nhau giữa ba bài thơ là chiều sâu của tư nhân sinh mà Nguyễn Đức Sơn đã đưa vào trong hình ảnh đứa bé ngây thơ và cả một cuộc đời "đầy thất vọng" đang chờ đón nó.

<i>Nắm tay lật úp đi con</i>	(Câu kể: khai)
<i>Co thân tròn trịa như hòn đá lăn</i>	(Câu thán)
<i>Muốn cho đời sống không cần</i>	(Câu cại)
<i>Tập cho quen mất thăng bằng từ đây</i>	(Câu thán: kết)

(Nhìn Con Lật Tập. Nguyễn Đức Sơn)

Rồi đọc lại bài thơ Trừ Tuổi của Hà Thúc Sinh. *Lại giữa sân mưa được tắm truồng* chẳng phải là một câu đùa làm tê tái hay sao? Sinh và lão chẳng phải nỗi lo âu hay sao?

<i>Ông Toại khuyên tôi muốn trẻ trung</i>	(Câu kể: khai)
<i>Mỗi năm trừ một tuổi là xong</i>	(Câu kể: dẫn)
<i>Mình cười thắm nhủ không lâu lắm</i>	(Câu kể: cại)
<i>Lại giữa sân mưa được tắm truồng</i>	(Câu thán: kết)

(Trừ Tuổi. Hà Thúc Sinh)

- Để tránh bị tính phổ thông, nhiều người đã trau chuốt chữ nghĩa hoặc dùng những chữ, cụm chữ kiêu kỳ, kiêu hãnh. Hoặc phô diễn bằng cấu trúc của câu, nhảy múa, nhảy hàng mà không thực sự cư mang tâm tình hay ý tứ. Như một bình dân mặc áo lớn ra phố.

Bên cạnh thơ phổ thông là thơ Diễn Xuất. Một loại thơ khá thịnh hành hiện nay. Căn bản của loại thơ này là sử dụng từ ngữ mạnh bạo, đơn giản chữ trong câu cho trúc trắc, đưa ra những tứ thơ, hình ảnh khác thường. Càng lạ thường càng kiệt xuất. Không khí bài thơ mang tính bạo động không cần thiết. Bạo động ái tình, bạo động suy tư, bạo động sống. Chữ nghĩa gào rú không cần có nhu cầu. Ý tứ vất vã không cần có ý nghĩa hoặc không màng có tâm sự hay không..... *vỗ và nhai nát chú vịt xấu xí đang hãi sợ đến đáng thương..... Hiếp dâm mãi mặt trời và thế kỷ.... Móc mắt....* Thọc tay vào miệng xuống tận bao tử ...Mặt trăng gào lên tiếng chó.....và nhiều nhiều nữa...Thơ Diễn Xuất mới nhìn hao hao giống thơ Siêu Thực nhưng thiếu một nhu cầu thôi thúc và không cảm được lòng trung thực với nghệ thuật. Thơ này vốn không có thơ thật chỉ có ngôn ngữ, dị hình và quái ý.

- Rồi đến những bài thơ có nhiều câu thường nhưng được diễn đạt qua ngôn ngữ "sang trọng", chải chuốt tình cảm, có cá tính, bày tỏ được nét đẹp của thi ca, trở thành một bài thơ hay. Ví dụ như "Đôi Bờ" của thi sĩ Quang Dũng. Trích đoạn. Xin đọc toàn bài trên mạng.

*Thương nhớ ơ hờ, thương nhớ ai?
Sông xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh
Khi chớm thu về một sớm mai*

.....

*Xa quá rồi em người mỗi ngả
Đôi bờ đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buông hờn tủi
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào?*

- Những bài thơ có quá nhiều chữ và câu thường, nội dung kể lể, truyện cảm động, lâm ly cũng chỉ có thể có chỗ đứng cao hơn thơ phổ thông. Như những bài thơ của TTKH và **Hoa Trắng Thôi cài Lên Áo Tím**: Trích đoạn. Xin đọc nguyên bài trên mạng.

*Lâu quá không về thăm xóm đạo
 Từ ngày binh lửa cháy quê hương
 Khói bom che lấp chân trời cũ
 Che cả người thương nóc giáo đường*

*Mười năm trước em còn đi học
 Áo tím điểm tô đời nữ sinh
 Hoa trắng cài duyên trên áo tím
 Em còn nguyên vẹn tuổi băng trinh*

.....

*Từ lúc giặc ruồng vô xóm đạo
 Anh làm chiến sĩ giữ quê hương
 Giữ màu áo tím, cành hoa trắng
 Giữ cả trường xưa, nóc giáo đường*

*Giặc chiếm lầu chuông xây ổ súng
 Súng gầm rung đổ gạch nhà thờ
 Anh đem gạch nát, xây tường lủng
 Chiếm lại lầu chuông, giết kẻ thù*

.....

*Xe tang đã khuất nẻo đời
 Chuông nhà thờ khóc đưa người ngàn thu
 Từ đây tóc rũ khăn sô
 Em cài hoa trắng lên mộ người xưa.*

(Nhà thơ Kiên Giang)

Nếu đánh giá một chai rượu đỏ ngon, thì phải biết vì sao nó ngon. Có một số lý do căn bản dùng để định mức ngon của rượu chất. Những người không rành về rượu thường suông miệng khen chê "một cách lãng mạn". Đọc thơ cũng vậy. Nếu khen hoặc chê một bài thơ, thì phải dựa trên những mấu chốt nghệ thuật căn bản nào đó, không phải là những lãng mạn suông. Có khi nào lại chỉ một biệt thư mà khen là nhà lầu cao, cho dù biệt thự đó đồ sộ. Tại sao lại khen thơ hay vì chữ nghĩa phù thủy? Cho dù phù thủy cao cấp cách mấy cũng chỉ là khéo léo thủ công chữ. Thơ không chỉ ở trong chữ. Đa số thơ ở ngoài chữ. Có thể nào chỉ một nhà ảo thuật tài ba, cho dù là David Copperfield, mà cho rằng đó là thiên thần. Có thể nào công nhận một người thợ sắp chữ trong nhà in là tác giả của những cuốn sách.

Một người đọc thơ, cảm thấy bài thơ hay là đủ. - Thừa, đủ nhưng không đúng. Như một đàn ông gặp một phụ nữ, thấy đẹp, thấy ưng ý, cưới về làm vợ. Như vậy là đủ. Nhưng nếu ra ngoài công chúng mà khen vợ mình đẹp thì phải cẩn thận. Cái đẹp này có hội đủ tiêu chuẩn của thẩm mỹ không? Nhất là nếu ông ấy cố thuyết phục đám đông rằng vợ ông rất đẹp. Phải chăng là lộ bịch? Trong thực tế, chẳng mấy ai dám làm như vậy. Ngoài những trường hợp ngoại lệ. Ra công chúng, vào sách vở mà khen chê thơ theo tình cảm lãng mạn thì cũng tương tự ông khen vợ. .

Có người cho rằng rượu đỏ ngon vì chất. Thơ hay vì "chất". - Thừa, chất không phải là yếu tố để định giá trị rượu. Nếu không nắm được những yếu tố để định rượu thì tốt hơn, chỉ uống. Uống cho ngà ngà sẽ sướng khoái hơn. Thật ra, không phải chỉ có rượu đỏ ngon. Thiếu gì rượu không đỏ mà ngon.

Thường Thẩm Thấu

- Thường

Thơ sáng tác có yếu tố **thẩm** hoặc **thấu** hoặc cả hai thường là những bài thơ có giá trị, thông thường gọi là thơ hay. Dĩ nhiên một bài thơ hay còn có những chi tiết khác và kỹ thuật diễn đạt nhưng muốn đọc xuyên qua bài thơ để tìm thấy thơ, tôi thường áp dụng và phân tích bài thơ trên ba yếu tố **thường thẩm thấu**.

Về phần kỹ thuật, **chữ thường, câu thường, đoạn thường** có nhiệm vụ căn bản là **kể** và **dẫn**. Dẫn bao gồm luôn khai, kết, móc, nối, đưa, đón, lót.... Là thành phần thường vụ. Trong một bài thơ, đơn vị câu là quan trọng. Những câu thường là những câu dễ hiểu. Những ý tứ thường này, nếu nhiều sẽ bị thừa, làm bài thơ loãng; nếu quá nhiều sẽ thành bài thơ phổ thông; nếu ít quá, sẽ làm bài thơ khó hiểu. Chữ thường và cụm chữ thường cũng được phân giải như câu thường. Trong sáng tác, những chữ thường những câu thường là nơi sửa chữa, thêm bớt, nhất là bỏ. Những đoạn thường không cần thiết sẽ làm bài thơ lê thê và lang thang.

Có những tài năng vượt trội, biến những câu thường trong nhiệm vụ kể và dẫn thành những câu nghệ thuật (art sentence) hoặc những cụm từ nghệ thuật (art phrase) khiến cho bài thơ càng thơ thêm và càng nghệ thuật thêm.

*Hư ảo nào như hư ảo trắng
Trời đưa ta tới chỗ em nằm
Em như huyền hoặc, đời như mộng
Ta ngả lưng làm một giấc trắng.*

(Hư Ảo Trắng. Nguyễn Sa)

Nhưng những cụm chữ, những câu thơ loại này dễ bị trau chuốt rỗng dễ bị những lầm tưởng khoe khoang những ý tứ điểm trang trà trộn. "*Khoe khoang những ý tứ điểm trang trà trộn*" là một câu loại nghệ thuật điểm trang, chữ lớn hơn nghĩa, không cần thiết phải diễn đạt như vậy. Nếu chữ nghĩa, câu cú bóng bẩy được xem là nghệ thuật thì đó là nghệ thuật lắm.

Hoặc dùng những câu thường để kể một nội dung rất thâm để từ từ rồi thấu, như bài thơ Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu của thi sĩ Tô Thùy Yên:

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu,
Trên cánh đồng hoang dài đến đôi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau.
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.
Cỏ cây, cỏ cây lụi chóng mặt.*

Gò nóng cao rồi thung lũng sâu.
 Ngựa thở hào hển, thở hào hển.
 Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.
 Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.
 Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.
 Cánh đồng, a! cánh đồng sắp hết.
 Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.
 Ngựa ngã lăn mình murót như cỏ,
 Chấm giữa nền nhưng một vết nâu.

Yếu tố **thường**, ngoài trừ hai nhiệm vụ căn bản, còn một đặc nhiệm khác: **Cài**. Những câu **thường** dàn những ý tứ để dẫn đến câu **thấm** hay câu **thấu**, là những câu cài.

Ta thấy tên ta những bảng đường (Câu khai)
 Đòi ta, sử chép cả ngàn chương (Câu kể)
 Sao không, hạt cát sông Hằng ấy (Câu cài)
 Còn chứa trong lòng cả đại dương (Câu thấu)
 (Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền. Mai Thảo)

• Thấu

Bản chất của **Thấu** thường đến bằng kinh nghiệm sống, chắt lọc qua nhiều năm tháng. Viết ra một hơi, nhẹ nhàng trơn tuột. Thông thường là dễ hiểu nhưng mang sức nặng của ý và khả năng chinh phục của tình. Câu **thấu** thông thường đến bất ngờ hoặc đến trong lúc xuất thần. Đôi khi như một tiếng thở dài nào. Đôi khi như một ánh lóe lên. Không nên sửa đổi những câu thấu, những cụm chữ thấu.

Tôi tin núi tàn! (Câu cài)
 Tôi tin sông lấp! (Câu cài)
 Nhưng tôi không thể nào tin: (Câu cài)
 Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp (Câu thấu. Rất bình thường mà nặng ý, bắn khoắn tình)

(Vô Đề. Phùng Quán)

- **Thấm**

Thấm đến từ kinh nghiệm sáng tạo, kỹ thuật sáng tác; từ nhân sinh quan; từ tư duy và dĩ nhiên từ kinh nghiệm sống. Những câu thấm, những cụm từ thấm mang nhiều lớp ý nghĩa hoặc nhiều nồng độ khác nhau của tâm tình qua những lớp ẩn mình bên trong ý tứ và chữ nghĩa. **Thấm** là văn bản chứng tỏ khả năng sáng tạo và trình độ tri thức của tác giả. Trong khi **thấu** nói lên bản lãnh sống và khả năng nhạy cảm của thi sĩ.

.....

*The river that runs by
is always
running back.*

Will tomorrow be another day?

(Last Dawn. Octavio Paz. Selected Poems. Octavio Paz. Edited by Eliot Weinberger.1984.
New Directions Publishing Corporation).

*Dòng sông nào chảy qua đây /
sẽ luôn luôn
trở lại ngày mai sau /
Hỏi mai sau phải mai sau?*

*người tù thổ huyết chết tươi
tên y tá đến đứng cười nhe răng
một mình y nói rất hăng
mười lăm phút nữa có băng ca rồi*

(Lại Chuyện Thật. Nguyễn Đức Sơn)

Qua Góc Làm Thơ

Người làm thơ mà nói về thơ thì dễ bị hạ thủ bất lưu tình. Nhưng tôi lại thích đọc những bài viết về thơ của các thi sĩ thành danh hơn là những bài viết bởi các nhà phê bình văn học nổi tiếng trên thế giới. Không phải vì hay hơn hay kém hơn mà vì gần gũi và dễ cảm thông hơn.

Kể cả những thi sĩ Nobel và những thi sĩ đã được xem là thi sư cũng không ai có thể nói về thơ một cách chung cho toàn hảo. Mỗi người chỉ có thể bày tỏ một mảnh riêng tư của họ. Ngay từ đầu, họ viết về nghệ thuật không phải để thuyết phục mà để ghi lại những kinh nghiệm, thử

nghiệm, cảm nghiệm và suy tư. Được thể hiện như một phương pháp tự học và tự tìm hiểu bản ngã. Thuyết phục là công việc của phê bình. Tự ngộ là việc làm của thi sĩ.

Ngàn ngàn lần tôi đã tự hỏi mình, làm sao để có thể làm thơ hay? Góp nhặt từ người này người kia, tôi có cả trăm câu trả lời. Chưa bao giờ có được cảm giác cầm đúng chìa khóa để mở cửa vào một nơi mà mình mong muốn tới. Tôi có một xâu chìa khoá nhiều và nặng nhưng lần lựa đã thử hết rồi, không chìa nào mở được. Biết bao là hoài nghi. Biết bao là thất vọng. Nghi ngờ tài năng. Nghi ngờ số mạng. Nghi ngờ những người xung quanh là thủ phạm. Rồi một hôm...

Người thanh niên ấy đã già. Ông vẫn cầm cúi lặn tìm viên ngọc có thể nghe được tiếng nói của muôn loài. Viên ngọc trong truyện thần thoại Dã Tràng. Ông tin rằng viên ngọc đó có thật. Viên ngọc đó đã bị biển cả chôn vùi. Mỗi ngày ông tiếp tục ra khơi. Y như một con còng.

Rồi có lần, một cậu bé nghịch ngợm bắt được con còng. Nhốt vào một cái hộp gỗ. Cái hộp hình chữ nhật, vừa vặn kẻ đầu, tựa chân. Không có chỗ xê dịch. Nằm trong hộp gỗ, thốt nhiên con còng hiểu được. Không có chiếc chìa khoá nào để mở cửa. Chỉ có chìa khoá để suy gẫm về cách mở cửa. Con còng đã thoát thân. Ông già đã thoát nạn. Không còn muốn tìm viên ngọc nghe được tiếng nói của muôn loài. Ông Dã Tràng có hai viên ngọc. Một viên nghe được tiếng nói của thú vật là do con rắn cho. Một viên khác do con ngỗng cho, có quyền lực rẽ nước khi đi vào đại dương. Ông già đi tìm viên ngọc thứ hai.

- Cái yếu lòng của làm thơ là chú tâm và vọng tưởng, đôi lúc hoang tưởng về bài thơ. Luôn luôn mong muốn làm được bài thơ hay, bài thơ giá trị. Đúng ra, nên quan tâm đến trước khi làm thơ. Đối với thi sĩ, ngoài lúc làm thơ là lúc "chuẩn bị" để làm thơ. Thời giờ chuẩn bị này dài gấp trăm ngàn lần thời giờ làm thơ. Thời giờ chuẩn bị là thời giờ sống bình thường hàng ngày. Thu thập dữ liệu. Suy tư về những băn khoăn. Cảm nghiệm tâm tình và ý tứ. Kiến thức tuy cần thiết nhưng tiêu hóa kiến thức còn cần hơn. Tiêu hóa không chưa đủ, cần đưa vào thành máu. Sự chuẩn bị thường xuyên và sâu sắc sẽ sẵn sàng khi thơ đến. Thơ đến bất chợt như một người khách không mời mà xuất hiện. Nhưng đối với thi sĩ, đó là chuyện vui mừng. Bất cứ lúc nào, khách bước vào, ta đón tiếp.

Nói như vậy, e rằng có người sẽ tưởng làm thi sĩ rất bận rộn và căng thẳng. Lúc nào cũng lăm le thu thập dữ liệu, mặt mày u uất suy tư. Không phải như vậy, chẳng cần phải như vậy. "Chuẩn bị"

dùng ở đây có nghĩa là cảnh giác. Như một người đi du lịch trong đời sống. Ăn uống ngủ nghỉ bình thường. Khi thấy cảnh đẹp, dừng chân ngắm rồi chụp vài tấm hình. Khi thấy chuyện đời, thì dừng lại nghe ngóng, bàn thảo. Đêm mất ngủ thì suy tư. Ngày dậy sớm thì cà phê thuốc lá...Rồi có lúc nổi hứng, kể lại chuyện đã nghe, mảnh đời đã thấy theo cách riêng. Rồi có khi nhớ người, gửi một tấm hình đã chụp với vài câu tâm tình.....Thái độ đó là cách chuẩn bị khi thơ chưa tới.

- Cái yếu lòng thứ hai của làm thơ là thường lo lắng cho số phận của bài thơ làm xong. Gửi đăng ở đâu? báo nào? mạng nào? Ai khen. Ai chê. Đáng lẽ nên để giờ làm quyết định về sự sống còn của bài thơ. Khi một bài thơ hoàn tất, người làm thơ sẽ có ba lựa chọn: Bỏ, giữ hoặc sửa.

Trong lúc làm thơ vì say mê vì áp lực của chữ nghĩa nên khó thấy những lầm lỗi nhưng khi đã làm xong, vài ngày sau đọc lại, những thiếu sót sẽ hiện ra rõ hơn. Nếu bài thơ không đến vì nhu cầu nội tâm thôi thúc thì bài thơ nên bỏ. Nếu bài thơ không đủ mức độ kỹ thuật diễn đạt và phương pháp sáng tác của cá tính, thì nên bỏ. Nếu hội đủ các điều nêu trên, bài thơ có cơ hội sống sót. Hãy giữ lại và để thời gian kiểm chứng. Bất cứ lúc nào trong hành trình tuổi tác, khi đọc lại, biết rõ lý do làm hư bài thơ, bất cứ là bài nào, hãy bỏ đi. Nếu có lý do để sửa, chỉ nên sửa những câu thường và câu thừa. Đừng sửa câu thiếu. Cái lý do mà các thi sĩ thường in bộ toàn tập vào cuối đời là để xác nhận những bài thơ có đủ sức sống đến phút cuối hoặc đã được sửa chữa cho vừa ý tác giả hơn. Toàn tập và tuyển tập có mục đích khác nhau.

Từ khía cạnh sáng tác, bài thơ bắt đầu bằng sự thôi thúc của một nhu cầu nội tâm đặc thù và tạm chấm dứt sau khi đã chọn lựa sự sinh tồn của bài thơ. Đoạn ở giữa, thơ được ghi lại theo phương pháp sáng tác riêng tư của mỗi thi sĩ và xây dựng trên ba yếu tố Thường, Thấu và Thâm. **Ít Thường, nhiều Thâm, đúng Thấu.**

Tuy nhìn từ văn bản nhưng ba yếu tố thường thâm thấu thuộc về nội tạng của bài thơ. Như một thầy thuốc bắt mạch tay mà biết được thận vượng hay suy, gan tốt hay xấu, ruột có viêm hay không. Chữ, cụm chữ, câu và đoạn của bài thơ qua ba mạch thường thâm thấu sẽ cho người đọc tìm hiểu được giá trị của khả năng sáng tạo, phần thơ đặc thù của bài thơ, sức nhạy cảm và sức động của tâm tình. Thường thâm thấu không cho biết về kỹ thuật sáng tác, phương pháp sáng tạo và nghệ thuật diễn đạt bằng ý tứ. Nói cách khác, thường thâm thấu chuyên về nội không trị ngoại hình. (Xin đọc Phương Pháp Sáng Tạo trong Thơ và Tôi. "Nháp và Nốt" Phần 1. Có trên www.damau.org)

Thường Thẩm Thấu của mỗi người sáng tác sẽ khác nhau. Tùy vào kinh nghiệm sống, kiến thức sống, cá tính, phương pháp sáng tạo và không khí nghệ thuật của thời đại mà thường thẩm thấu trở thành đa dạng. Vì vậy, sẽ không có một bài thơ mẫu mực hoặc một thước đo nhất định nào cho bài thơ giá trị. Nhưng tôi nghĩ rằng, bất cứ bài thơ nào, Đông Tây Nam Bắc, đều có thể thẩm định phần **thơ trong bài thơ** qua ba yếu tố này.

Khi mới bắt đầu bước vào cõi thơ, người làm thơ thường có hảo vọng muốn nghe được tất cả tiếng thơ như cái gọi là cung đàn muôn điệu. Anh miệt mài tìm kiếm viên ngọc để ngậm vào tim. Để nghe tiếng thơ đến từ vạn vật. Và viên ngọc này đã có lần chìm xuống đại dương. Biển rộng biển sâu biết đâu mà tìm. Tôi, một hôm, chợt hiểu không có viên ngọc này.

Tôi cũng biết rõ, mỗi người làm thơ có mỗi thể giới riêng, mỗi cách làm thơ riêng, mỗi lòng tự phụ và luôn luôn thấy thơ mình hay, nếu không muốn nói là hay nhất. Chỉ vì anh ta hiểu rõ bài thơ của mình, thích thú với ý tứ của mình và diễn lại sự rung động chính xác mỗi khi đọc lại bài thơ của mình. Anh ta không thể làm như vậy khi đọc bài thơ người khác. Cho nên khi chọn viết những điều này, tôi không có ý thuyết phục. Chỉ có ý gợi ra chỗ khác biệt của nhau, những điều trái ý nhau, những gì cần hỏi nhau, những chỗ cần được bổ túc cho nhau. Tôi yêu thơ và cứ bị ám ảnh rằng những người yêu thơ cũng giống tôi, có tâm nguyện tìm cái hay của thơ. Cùng một lúc tôi biết rõ cái hay là ngàn trùng xa cách. Và cái hay này có khi làm cho người với người xa cách ngàn trùng.

Đã lỡ chừng này, lỡ thêm cũng không sao. Nhân chẳng còn biết làm gì khác hơn, thôi thì tiếp tục. Một đời người, dài quá để làm việc mình không thích, lại ngắn quá để làm việc mình thích.

Bạn thơ của tôi nói, làm nghi vấn tăng thêm:

- Cũng có thể vất đi “*thường, thẩm, thấu*”, vất đi phần lý trí cứng ngắt, biết đâu chừng, cái hay của thơ sẽ hiện lộ... (Thường Mộng)...

- Nếu ai cũng “*an tâm đi dưới tấm bảng chỉ đường*” thì vận sự nọ rõ là bi kịch cho một kẻ rắp tâm ưa sáng tác... (Hồ Đình Nghiêm)...

- Có lẽ, cái bi kịch của đời sống là khi con người cảm thấy bị ép buộc vào một nơi này với tâm trạng của chốn khác chẳng...(Black Raccoon) ...

- Bi kịch của con người là không có sự lựa chọn. Tôi thích đi nhà hàng ăn cơm tấm, nhưng bị bắt ra ngõ hẻm hoặc ngược lại.....Đi đường nào để đi tìm thì tùy mỗi nơi, mỗi lúc. Lạc đường, đứng đường? Khó nói. Tùy vào kinh nghiệm và công lực....(Nói chơi thôi)...

(Trích www.damau.org)

Xin các bạn tiếp tục làm thơ và mang bản khoản này ra biên. Có lẽ chúng ta cần viên ngọc thứ hai của Dã Tràng. Có viên ngọc rẽ nước này thì đại dương không cần được bước chân.

Nhưng chắc gì viên ngọc đã có thật?

=====

Ngu Yên. Houston, tháng 11 năm 2012.

Nốt: Blogs www.damau.org

Thường Mộng viết:

Với thi sĩ Ngu Yên,

“Những bài thơ thuộc loại phổ thông là những bài thơ quá nhiều hoặc hoàn toàn xây dựng bằng những câu thường. Nghĩ sao nói vậy. Kể lẽ tâm sự. Đọc xong hiểu liền. Loại thơ này thường không đạt tới giá trị thi ca. Xin khỏi ví dụ.”

Chúng ta thử đọc mấy câu này từ truyện Kiều:

*...phong trần mài một lưỡi gươm
những phùng giá áo túi cơm sá gì
nghênh ngang một cõi biên thù
thiếu gì cô quả thiếu gì bá vương*

Nháp Với Nốt. Phần 2. Tùy Luận Với Thơ . Tập 13.

*trước cớ ai dám tranh đương
năm năm hùng cứ một phương hải tần...*

Những câu trên đều ở dạng “thường” chẳng có gì thấm thấu, theo thi sĩ Ngu Yên-nó tồi ư?
Chúng ta cũng thử đọc lại mấy câu sau từ Chinh Phụ Ngâm khúc:

*... xin vì chàng xép bào cởi giáp
xin vì chàng rũ lớp phong sương
vì chàng tay chuốt chén vàng
vì chàng điểm phấn thoa hương nẻo nùng...*

Chắc với thi sĩ Ngu Yên những câu trên chẳng có gì thấm với thấu, cũng đều đáng vất đi?
Tôi tin rằng chúng ta vẫn có sự chọn lựa, chúng ta vẫn có thể hát ca bằng chính ngôn ngữ của mình, chúng ta cũng có thể tung bay bằng chính tâm thức của mình; chúng ta cũng có thể giống như Thánh Thán -chữ nghĩa không phải là của ta, sao không thể vì nhân sinh mà vận dụng-vất hay không vất, đập cùng chẳng đập -thơ tự nó vẫn là thơ...

Cảm ơn thi sĩ Ngu Yên, cảm ơn tạp chí Da Màu.

20.11.2012 vào lúc 7:27 pm

=====

Ngu Yên viết:

Chào anh Thường Mộng,

Cảm ơn anh đã cho ví dụ rất hay.

Theo như Ngu Yên thì:

“*Những phường giá áo túi cơm sá gì*” là câu thấu. Phải chăng những người va chạm có kinh nghiệm trong cõi nhân sinh mới biết ngán ngẫm phường giá áo túi cơm? “*Sá gì*” thật đúng chữ, đúng chỗ.

“*Nghênh ngang một cõi biên thù*” là câu cài để đưa câu “*Thiếu gì cô quả thiếu gì Bá Vương*”, có thấm và thấu. Nếu đã có bá vương tất sẽ sinh cô nhi quả phụ. Mộng bá vương phải chăng là khí thế của anh hùng, của tài năng nhưng lại là thảm trạng cho nhân sinh?

Bên dưới, “....*tay chuốt chén vàng*” Cụm từ thắm. Không phải ai cũng hiểu hoặc cảm chữ chén vàng và cụm từ “chuốt chén vàng” mới hay.

” *vì chàng điểm phấn thoa hương nãi nung*”. Không có mấy thi sĩ diễn được “điểm phấn thoa hương nãi nung”. Phấn son vốn để làm đẹp, mua vui mà ở đây lại để nãi nung, hay quá. câu này thắm thía. E rằng có nhiều ẩn ý có thể diễn ở đây.

Kiều và Chinh Phụ Ngâm có rất nhiều đoạn và câu thơ giá trị do đó hai tác phẩm này tồn tại. Những câu thường và đoạn thường dùng để dẫn, cài...v.v... sẽ cần thiết vì cả hai tác phẩm này “kể truyện”. Thiếu nhiều câu thường sẽ khó hiểu và câu truyện không mạch lạc.

Ngu Yên rất thích đoạn thơ này:

*Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
Khỏi Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu. (câu thắm)
Ngàn dâu xanh ngắt một màu, (câu cài)
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai (Câu thấu)*

Đoạn thơ này nhiều câu thường nhưng diễn tả sự “xa cách”, “nhớ mong”, “một chút hờn tủi khi hỏi: tình chàng ý thiếp ai sầu hơn”, quá là sâu. Kinh nghiệm về những cuộc tình chia xa hoặc chia tay trong đời của mình, phải chăng em hay tôi, ai buồn hơn.

Ở đoạn kết, anh viết rất đúng:

“Tôi tin rằng chúng ta vẫn có sự chọn lựa, chúng ta vẫn có thể hát ca bằng chính ngôn ngữ của mình, chúng ta cũng có thể tung bay bằng chính tâm thức của mình; chúng ta cũng có thể giống như Thánh Thán -chữ nghĩa không phải là của ta, sao không thể vì nhân sinh mà vận dụng-vất hay không vất, đập cùng chẳng đập -thơ tự nó vẫn là thơ...”..

Đọc thơ là tìm hiểu thơ người khác nên sợ làm lẫn, nhất là sợ không thưởng thức được món ngon. Còn làm thơ thì chỉ có thể làm theo ý mình. Tất cả những chuyện còn lại, không quan tâm lắm.

Cảm ơn anh Thường Mộng. Sự chia sẻ của anh làm cho thơ thêm hấp dẫn.

Ngu Yên.

- 21.11.2012 vào lúc 9:23 am

=====

Thường Mộng viết:

Với thi sĩ Ngu Yên,

““Nghênh ngang một cõi biên thù” là câu cài để đưa câu” Thiều gì cô quả thiều gì Bá Vương”, có thâm và thấu. Nếu đã có bá vương tất sẽ sinh cô nhi quả phụ. Mộng bá vương phải chăng là khí thế của anh hùng, của tài năng nhưng lại là thảm trạng cho nhân sinh?”

-làm gì có “cô nhi” cùng “quả phụ” ở trong câu trên- cô trong “cô gia”;quả trong “quả nhân”-tất cả đều là bá vương cả đây thi sĩ ạ.

Cảm ơn tạp chí Da Màu.

- 22.11.2012 vào lúc 6:50 am

=====

Ngu Yên viết:

Cảm ơn anh Thường Mộng.

vậy là toàn bá vương. Ngu Yên làm nha. Anh thấy không, đâu dễ hiểu hết cái thâm ý của thi sĩ. Cái thâm cần thời gian, cần tìm tòi, cần học hỏi. Anh có phần “chuyên” về những ý tứ xưa nên đọc ra dễ dàng. Không phải ai cũng có kiến thức đó. Cảm ơn anh nhiều. Xin tiếp tục chỉ giáo.

Nháp Với Nốt. Phần 2. Tùy Luận Với Thơ . Tập 13.

Ngu Yên

- 22.11.2012 vào lúc 2:40 pm

=====

duongadaloa viết:

hướng dẫn đọc thơ, như hướng dẫn đoàn người đi vào mê cung vô tận, rất nên thận trọng. Tôi bị thu hút bởi tiêu đề của loạt bài này, tuy nhiên khi đọc xong chỉ gặp những hương vị quá quen thuộc. Marilyn Monroe vẫn là thí dụ cho sự “đẹp”, Quang Dũng cho sự “hay”, rồi TTKH, Phùng Quán, Lê Đạt. Còn lại là những dòng dẫn dụ rất vòng vèo không quên nhắc nhở về công việc chính của người viết. Marilyn có thể vẫn đẹp, nét đẹp cận đại pha chút cổ điển, nhưng sao không phải là Jessica Alba, Megan Fox, hay là... thủ tướng Yingluck? Ở góc độ một người chọn lựa cái đẹp, tôi thấy những người này “hơn” Marilyn, và rất nhiều người ở quanh tôi cảm thấy như vậy. Có lẽ nên đến lúc ngừng thêm huyền thoại Marilyn, cũng như huyền thoại về thơ, lúc con người đã bớt tin vào huyền thoại. Một bài thơ hay, giống như tô phở, nhưng phở ăn nhiều sẽ chóng ngán. Khi đó lại chuyển qua ăn cơm, một bài thơ hay khác. Phở và cơm, tuy vậy, cái nào phán xét được cái nào? Và dựa trên một mẫu số, tiêu chuẩn, huyền thoại nào?

Vài dòng thân ái, cảm ơn tạp chí Da Màu và nhà thơ Ngu Yên.

22.11.2012 vào lúc 6:28 am

=====

Ngu Yên viết:

Chào anh duongadaloa,

Theo như văn phong của anh, Ngu Yên đoán là nam giới. Nếu không phải xin lượng thứ.

Xin đón nhận ý kiến của anh.

Như NY đã trình bày, một ý tưởng về suy nghĩ về thơ phải đứng trên hai chân: Một chân trên thơ

đã có đề chứng minh và một chân trên thơ sẽ có hoặc đang có đề chứng thực.

Ngư Yên đang ở trong phần chứng minh đi từ thơ xưa như Đường thi, hải Cú đến các nhà thơ nổi tiếng như Thanh Tâm Tuyền, Quang Dũng, Nguyên Sa.... Trong phần chứng thực sẽ có những nét đương thời. Nhờ sự nhắc nhở của anh, nhất định Ngư Yên sẽ tham khảo các nét đẹp như anh đã dẫn. Ngư Yên rất thích Jessica Alba.

Ngư Yên nghĩ rằng thơ hay ví như tô phở và ví như bữa cơm nhưng thơ hay thì không bài nào giống bài nào. Mỗi bài một vẽ, một phong cách, một cá tính. Nếu chỉ ăn toàn thơ hay thì khó mà ngán. Có lẽ anh nói đúng ở điểm là trong thiên hạ có quá nhiều bài thơ chưa đủ hay mà gọi là hay nên chúng tương tựa nhau như một loạt phở hay một loạt cơm. Ăn một loạt thì ngán là đúng.

Anh Duongadaloa, nếu có dịp đọc bài Ngư Yên, xin anh cứ nói thẳng những gì anh nghĩ. Có thể nhờ vậy mà Ngư Yên biết mình sai ở đâu, thiếu cái gì và cần làm gì. Nếu không nghe được lời thẳng thì Ngư Yên không cảm viết. Rất mong và cảm ơn anh.

Ngư Yên.

- 22.11.2012 vào lúc 3:01 pm

=====

Một Bạn Đọc viết

Thưa quý vị,

Theo Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên, của Bửu Kế: “Cô là lẻ loi; Quả là ít. Lời tự khiêm. Lời các bậc vua chúa tự xưng một cách khiêm nhường là Cô hay Quả cho mình lẻ loi và ít đức (quả đức), Tiếng gọi các vua chư hầu.”

Ví dụ: Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương. (Kiều)

Theo Từ Điển Văn Học Quốc Âm của Nguyễn Thạch Giang: “Cô Quả: Tiếng khiêm xưng của các vua chúa chư hầu-vua các nước nhỏ thời xưa. Cô tức như đứa con mồ côi, không ai dạy bảo, giúp sức; quả tức quả nhân, ý nói khiêm nhường là người ít đức, nhờ quần thần giúp đỡ. Sách Lễ ký:”Kỳ ư địch dĩ hạ, viết quả nhân, tiểu quốc chi quân viết cô.” Nghĩa là “Vua chư hầu khi nói

với người hàng dưới mình, thì tự xưng là quả nhân, vua một nước nhỏ tự xưng là cô.”

Ví dụ: “Nghênh ngang một cõi biên thù,
Kém gì cô quả, kém gì bá vương.(Kiều)

Theo Từ Điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh: “Cô quả: Vương hầu các nước nhỏ ở Trung Quốc xưa thường tự khiêm xưng là cô (người mồ côi), là quả (người góa bụa)

Ví dụ :”Kém gì cô quả...” (câu 2448)

Thêm vài quyển tự điển về “cô quả”, để tiện dụng.

- 23.11.2012 vào lúc 10:43 am

=====

Black Raccoon viết:

Phong trần mài một lưỡi gươm
Những phường giá áo túi cơm sá gì
Nghênh ngang một cõi biên thù
Thiếu gì cô quả thiếu gì bá vương

孤 Cô. Một mình, cô độc.

寡 Quả. Ít , góa bụa. Quả dục: ít ham muốn. Quả phụ: người góa chồng

Tiếng nói nhún mình của các vua chư hầu, nghĩa là mình tự khiêm mình là kẻ đức độ kém. Đòi sau gọi các vua là xưng cô đạo quả 稱孤道寡 là theo ý ấy.(Thiền Chủ)

Trở lại câu trên:

Nghênh ngang một cõi biên thù
Thiếu gì cô quả thiếu gì bá vương

Đúng như quý vị đã giải thích. Nghĩa là Từ Hải một mình làm vua một cõi.

Cô quả 孤寡 vừa là tiếng khiêm xưng của ông vua đối với bề tôi, vừa có nghĩa là người ở địa vị tối cao.

Ông vua mà khiêm xưng, nhún nhường với bề tôi là theo đúng kỷ cương Nho Giáo đề ra: Quân sự thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung. Người trên đối với người dưới bằng lễ pháp. Người dưới chỉ phục vụ người trên bằng sự trung chính ngay thẳng (không cần phải khúm núm thái quá).

- 23.11.2012 vào lúc 12:55 pm

=====

Một Bạn Đọc viết:

Thưa thi sĩ,

Khỏi cảm ơn thi sĩ ơi, vì chữ nghĩa các cụ xưa cũng cất nghĩa mỗi người mỗi cách, ít khi trùng nhau. Chẳng hạn ba cuốn tự điển vừa kể thì Đào Duy Anh “quả” là “góa bụa” chứ không phải là “ít đức”. Còn Kiều thì các nhà cũng dẫn khác nhau. Tự Điển Văn Học Quốc Âm thì “kém gì cô quả, kém gì bá vương” (trang 302), còn các Từ Điển của Bửu Kế, của Nguyễn Văn Thanh (Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển) thì giống bản của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo:

“Nghênh ngang một cõi biên thù,
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương.”(trang 176)

Nhơn nhắc về Kiều, xin được chép lại hai đoạn thơ của Quách Tấn và Nguyễn Hiến Lê trao đổi với nhau như dưới đây, để thi sĩ đọc chơi:

Thư Quách Tấn đề Nha Trang ngày 23-11-1980:

“... Còn bài “Ta nhớ người xa...”, anh có nhớ đủ tám câu chẳng, và anh có hiểu trọn ý nghĩa cả tám câu chẳng? Tôi có đủ song e không đúng nguyên văn nên nghĩa còn “lúng túng”:

Ta nhớ người xa cách núi sông
Người xa xa quá... nhớ ta không

Sao đương vui vẻ ra buồn bã(*)
 Vừa mới quen nhau đã lạ lòng (**)
 Lúc nhớ nhớ gì trong mộng tưởng
 Khi riêng riêng cả mối tình chung
 Tương tư há phải là trai gái (***)
 Một ngọn đèn khuya trống điểm thung.

Bài anh có giống thế chẳng. Khi nào rảnh anh cho biết ý từng câu theo anh hiểu, nhiều người giải nghĩa tôi nghe vẫn ngỡ ngàng. Tôi chịu chứ không sao giảng nghĩa sao cho xuôi tai được.”

(*) Có chỗ chép: “Cũng vì vui quá ra buồn bã”
 (**) Có chỗ chép “Vì mới quen nhau hóa lạ lòng”
 (***) Có chỗ chép: “Tương tư lạ phải là mưa gió.
 (Chú thích của Quách Tấn)

Thư hồi đáp của Nguyễn Hiến Lê đề Long Xuyên ngày 20-12-1980:

“Bài từ của cụ Tú Xương trong Văn Đàn Bảo Giám, Hư Chu hiệu đính (Mai lâm in năm 1968), chép như sau:

“Ta nhớ người xa cách núi sông
 Người xa xa có nhớ ta không?
 Sao đương vui vẻ ra buồn bã
 Vừa mới quen nhau đã lạ lòng
 Lúc nhớ như cùng trong mộng tưởng
 Khi riêng riêng cả đến tình chung
 Tương tư chẳng lạ là mưa gió
 Một ngọn đèn xanh trống điểm thung.”

Mấy câu anh không hiểu nghĩa thì tôi cũng bí, mà tôi chắc mọi người đều bí. Tâm tình riêng của các cụ (Phan và Trần). Các cụ nói úp úp mở mở thì làm sao mình biết được.

Câu 3: tôi đoán là cụ Tú tả lúc sực nhớ bạn mà buồn.

Câu 4: tôi đoán là cụ muốn nói mới gặp cụ Phan ở Trung ra, mới quen nhau, hiểu nhau thì cụ Phan đã phải qua Trung Hoa ngay.

Câu 7: tôi cho là "traí gái" hay hơn "mưa gió".

Tôi cũng thích "ngọn đèn xanh" hơn là "đèn khuya".

Ấy đây, mới có mấy chục năm, ở vào thời đại có máy in mà một bài ngắn như vậy đã có mấy "version"(*), không biết "version" nào đúng. Nói chi đến Truyện Kiều dài mấy ngàn câu sao đi chép lại từ 150 năm nay!

Nói đến chuyện hiệu đính Kiều tôi ngán quá, bàn cãi cả thế kỷ cũng không xong."

(*)version: bài dịch.

(Trích từ cuốn "Quách Tấn & Nguyễn Hiến Lê: Những Bức Thư Đầm Ám" (trang 319 và trang 326)

- 24.11.2012 vào lúc 7:44 am

Nốt: Đẹp Và Làm Đẹp



Môn là một loại cây có lá đẹp. Mọc không quá cao nhưng đủ để những lá non đưa tay vẫy mỗi khi gió hiu hiu. Những lá già trôi cao như những tầng lộng rồi oằn dần xuống như gánh quá nặng thời gian. Lá lớn già nua nằm sát đất. Trổ vàng lốm đốm rồi từ từ vàng úa lan dần. Màu vàng của một sự chết đang sống, gọi được chăng là màu lâm chung? Khi mưa xuống, lá vàng hứng nước. Mưa qua rồi, còn đọng giọt giọt trong trong nhưng không đủ sức làm cho lá xanh lại. Khi lá đã già, nước làm lá úng thêm. Những giọt nước trước kia là niềm vui sống nay là vết hằn nâu, tô điểm bệnh tật. Có khi bận rộn đôi ngày không gặp gỡ, nhìn lại lá đã khô. Viên xung quanh cuộn lên. Màu vàng của khô như màu gỗ bên trong hòm của ông

ngoại. Màu khô đậm dần cho kịp màu bụi.

Những ngày không, ngồi ngắm lá Môn, lòng tôi thật thanh thản một cách buồn buồn. Ngẫm nghĩ chuyện trước sau. Nhớ người thân quen, bạn bè. Kẻ mất người còn. Người còn cũng sắp mất. Người đang còn lại không vui với nhau. Quý nhau thì phải quý được sự khác biệt của nhau. Cái lý lẽ đó dễ hiểu mà khó sống với. Tất cả đang trở màu cho kịp màu bụi. Trời mãi mãi màu xanh để làm gì?

Lá Môn tự nó đẹp. Sống-chết-đổi-thay cho tôi cái đẹp ... Cho tới một hôm tôi có dịp đi ngang qua bãi trúc vàng trong sở Thú Houston. Thấy có ai trồng cây môn giữa khóm trúc. Thật là cảnh trí đã mở mang cái đẹp cho tôi.



Lá trúc khô rụng che khung đất. Không ngon cỏ nào có thể mọc dưới lớp lá này. Thật ra, vì rễ trúc rất mạnh, đã giành hết phần ngon của đất, cỏ làm sao tranh nổi. Nhưng Môn thì khác, vươn lên, hít thở nhờ lá to.

Cây Môn đã đẹp, trồng vào một nơi đẹp, càng đẹp hơn. Trúc có thân thẳng, lá nhỏ. Môn có thân mềm, lá lớn. Cái đẹp hài hòa không phải vì giống nhau. Cái đẹp hài hòa vì mang được cái đẹp của nhau ra phơi bày. Mang được tình ý của nhau ra ngấm thấm và trên hết là mang được sự sống riêng tư của nhau ra trình tấu cái sáng tạo của thiên nhiên.

Nghệ thuật cũng vậy. Thơ cũng vậy.

Mỗi yếu tố trong thơ: Chữ, câu, hình, âm, tứ, ý, tình.....tự nó phải đẹp đã. Nhưng khi thành thơ thì những yếu tố này được hài hòa để sáng tạo cái đẹp khác và sức sống chung. Thi sĩ là người làm công việc hài hòa này. Đẹp và làm đẹp khác nhau như vậy. Thơ tự nó là đẹp. Cửa mở để nhìn thấy thơ đẹp chính là bài thơ. Làm cho thơ hiện hình chính là việc làm của người. Làm sao cho

thơ hiện hình hoặc hiện hình ra sao thì tùy vào bản lãnh và ý muốn của thi sĩ.

Tôi chụp mấy tấm hình, bụi trúc, cây Môn.

Vì nghĩ rằng chưa đẹp đúng mức, tôi ghép vào hình trúc, cây môn khác, cho đẹp hơn. Thay đổi màu vàng trên lá cho thu hơn, tinh hơn. Gò công tốn sức. Rốt cuộc tấm hình xấu hơn cảnh ở sở thú. Lý do: thiếu tự nhiên và thủ công (kỹ thuật) chưa đạt. Nếu cảnh trúc có ánh sáng tạo ra chiều sâu, dẫn vào những tối đen, xa xăm, mà cây môn lại không có ánh sáng, tấm ảnh này lung củng. Bố trí thiếu nghệ thuật đâm ra cảnh nhìn thấy giả, cho dù lòng thật. Thơ hiện hình ra sao trong việc làm thơ của thi sĩ cũng vậy.

Việc làm đẹp thơ trong một bài thơ không phải dễ. Nét đẹp của thơ vô hình và dường như vô tận. So với sắc đẹp của mỹ nhân, cũng không có giới hạn. Nhưng khi giới hạn vào một bài thơ, dù dài hay ngắn, dù Cụ Thể hay Siêu Thực hoặc hiện đại,.....Nét đẹp của thơ có thể hiển hiện, có thể cảm thấy. Cũng như sắc đẹp của diễn viên Park Min Young, người Đại hàn. Nét đẹp này nằm trong thân thể và dung nhan của cô và chỉ có một cô. Nét đẹp của Park Min Young.



Theo báo chí của Đại hàn và được đăng tải lại trong mạng lưới : Cẩm nang làm Đẹp, <http://www.camnanglamdep.com/lam-dep-da/1035-sao-han-quoc-chinh-sua-sac-dep.html>, chúng ta đi ngược lại thời gian và những cuộc giải phẫu thẩm mỹ để tìm thấy cái đẹp đã được con người biến đổi ra sao. Có thể nào cái đẹp của nghệ thuật cũng được "giải phẫu" như vậy?



Hình trên: diễn viên Park Min Young trước khi chịu giải phẫu thẩm mỹ.

Hình dưới: diễn viên Park Min Young trong vai người mẫu.

“Tôi sẽ không nói là tôi đang có những thứ không phải của mình hay tôi không có những thứ đáng ra tôi phải có... Tôi có thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ,” Park Min Young đã thừa nhận về việc dùng đến dao kéo để trở nên xinh đẹp hơn trong cuộc phỏng vấn với tờ Sports Chosun tháng 11 năm ngoái (2010).....

“Tôi từng làm phẫu thuật cắt mí mắt khi còn học cấp hai. Mẹ tôi đồng ý cho tôi làm phẫu thuật để tôi xinh đẹp hơn. Tôi cũng từng làm mũi, chỉ bởi vì tôi có một cái mũi không đẹp...,”

(Trích: <http://2sao.vn/p0c1000n20110824185935765/park-min-younganh-trinh-vit-hoa-thien-nga.vnn>)

- Cho dù biết cô đã sửa, đã bơm thì sao? Cho dù trước vệt sau thiên nga thì sao?

- Vẫn thấy đẹp như thường. Không mấy đàn ông nào từ chối nếu được quen biết với cô.

Dù có giả, có cải thiện, vẻ đẹp này vẫn đáng yêu. Người thì vậy, thơ thì sao?

Chúng ta không biết cái đẹp của thơ cho đến độ nào. Chắc cũng chưa hề ai được biết. Nhưng chúng ta biết được cái đẹp của bài thơ. Khi một bài thơ đã thành hình, nó có nét đẹp riêng của nó. Nó mang nét đẹp của thơ và có nét đẹp đặc thù của bài thơ.

Trước khi nó thành hình trong bài thơ, e rằng nó cũng giống như diễn viên Park Min Young thuở thiếu thời. Nó gập đúng thi sĩ, gập đúng tài năng, gập đúng duyên phận, nó sẽ làm cho tim thưởng ngoạn rung động như đọc cô người mẫu Park Min Young, tóc dài chân dài, quần ngắn.



Chuyện còn lại là anh thi sĩ phải làm gì với nó?

Một trong những việc đầu tiên mà một nghệ sĩ phải làm là trung thực với mình. Dám thực hiện cái nghệ thuật mà mình đeo đuổi, tin tưởng. Dám viết những gì mà mình cho là có giá trị cho dù điều đó bị đa số phản đối hoặc phê phán. Việc trung thực tiếp theo là tác phẩm nghệ thuật. Sáng tác này là sáng tạo hoặc chép lại. Nếu là chép lại, có bao nhiêu phần trăm chép lại? Có cần thay đổi sáng tác không?

Chép lại, nhai lại không phải hoàn toàn vô bổ. Bất cứ nghệ phẩm nào cũng mang bản chất nhai lại, nhiều hay ít mà thôi. Vì vậy, ở phương diện tạo hình hôm nay, người ta chú ý đến tiến trình thực hiện nghệ phẩm hơn là chính tác phẩm. Về thơ, không có bài thơ nào một trăm phần trăm mới cả. Cho dù một sáng chế xe hơi hiện đại cách mấy cũng phải có bánh xe. Nếu dùng máy phản lực để chạy hồng mặt đất, tức là phản lực cơ hạng nhỏ. Hoặc nhai lại xe hơi, hai nhai lại phản lực cơ. Vì vậy, sự suy luận về mới và cũ trong thơ, thường mang đến cực đoan. Mới hay cũ gì cũng vậy, một chiếc xe hơi đưa ra thị trường nếu chạy ì ạch, nếu có nhiều trở ngại giao thông, trước sau gì chiếc xe này cũng bị phế bỏ. Giá trị của thơ không vì mới hay cũ. Giá trị của thẩm mỹ không vì truyền thống hay hiện tân.

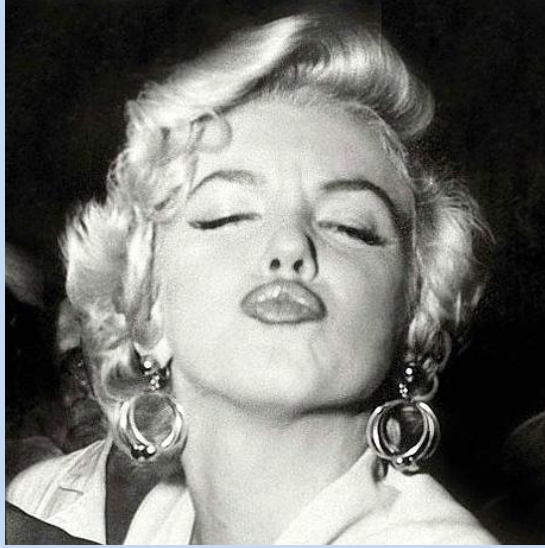
Từ khía cạnh của thời gian, tiến bộ và văn minh, cái đẹp sẽ thay đổi. Một chiếc xe hơi thế kỷ 18 và chiếc xe hơi hôm nay, chắc chắn là khác nhau. Hình thức của cái đẹp thay đổi theo thời gian, văn minh và tiến bộ là điều dĩ nhiên. Nhưng nguyên ủy và bản chất của cái đẹp vẫn không biến đổi.

Chúng ta sẽ không giám nghiệm nguyên ủy của cái đẹp. Việc đó để dành cho các triết gia. Cái đẹp được hoàn tất ở hai diện: bản chất và hình thức. Ví dụ như hoa hồng là hoa đẹp. Bản chất chứa đựng cái gì là đẹp của hoa hồng sẽ không thay đổi nhưng mỗi loại hoa hồng, mỗi đoá hoa hồng nở ra, cho chúng ta hình thức đẹp khác nhau. Thực tế, hoa hồng ngày xưa và hoa hồng hôm nay có nhiều hình thức khác nhau. Hồng đen, hồng tím than,hình thức sắc đẹp của hồng sẽ còn phát triển và biến dạng ngoạn mục với những kỹ thuật cấy và ghép hoa hiện nay.

Nói một cách khác, tuy bản chất của giá trị không thay đổi nhưng hình thức của giá trị sẽ tự cập nhật hóa theo thời đại. Về quan điểm này, anh Duongadaloa nhận xét đúng. Marilyn Monroe và Jessica Alba, cả hai đều đẹp. Nếu có được một trong hai thì cõi đời này đã gần giống địa đàng. Jessica Alba chính là giá trị của sắc đẹp có hình thức HÔM NAY.

Mỗi khi nhìn ngắm hai dung nhan này, tôi không khỏi động tâm nghĩ đến tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc. Giá như có thể thấy được tám ảnh chụp Dương Quý Phi hoặc Điêu Thuyền, chim sa,

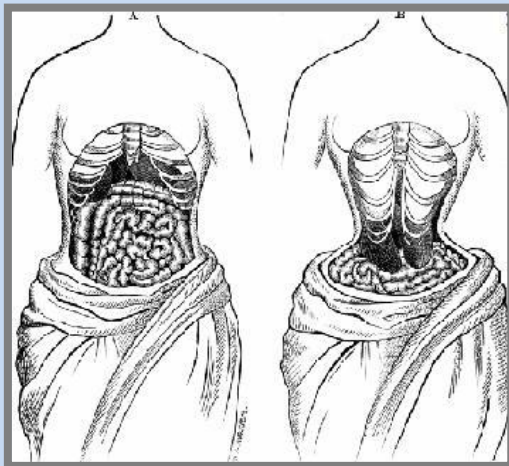
cá lặn, trắng mờ, hoa không dám nở... đẹp sao mà kinh quá. Giá như được thấy một lần cho thỏa tấm lòng.



Maryline Monroe



Jessica Alba



Ai đẹp hơn ai? Ai hấp dẫn hơn ai? Ai tình hơn ai? tùy mỗi chúng ta. Nhưng chắc chắn cả hai đều quá đẹp. Xem xét những điều này, có thể đi đường tắt, kết luận: Người không thay đổi được bản chất của thẩm mỹ nhưng thay đổi được hình thức của thẩm mỹ. Người nghệ sĩ, sáng tạo trên **hình thức của ĐẸP**.

Diễn viên Park Min Young dùng giải phẫu thẩm mỹ thay đổi hình thức sắc đẹp và cô đã thành công. Có nhiều phụ nữ còn cưa bớt xương sườn của mình để thân hình eo co gợi cảm. Rút xương làm đẹp không phải là quyết định mà ai cũng dám làm.

- Người nghệ sĩ, có dám rút xương không?
- Sao không dám.



Tôi không có ý giám định giá trị của sáng tạo, giá trị thẩm mỹ hoặc giá trị của diễn đạt. Chỉ quan tâm khi một nghệ sĩ có tác phẩm trình diễn, nếu có lòng tin với giá trị nghệ thuật muốn trình bày, nếu có thông điệp muốn phát tán, liệu có dám thực hiện?

*Chương trình nghệ thuật đương đại với tên gọi IN-ACT diễn ra tối 13 – 14/8, tại nhà Sàn Studio, tổ 50, cụm 5, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội, có màn trình diễn nude với tên gọi **Bay** lên của họa sĩ **Lại Thị Diệu** Hà gây nhiều tranh cãi..... (trích: vnHAY.com)*

Trình Diễn BAY





Y phục bình dân nghèo, diễn viên ngồi trên một lớp lông chim xanh. Bên cạnh có một lồng chim, thấy một con chim bị nhốt trong lồng. Một tô nước keo (hồ dán) để sẵn.

Màn trình diễn bắt đầu:

Diệu Hà lần lượt cởi bỏ y phục.

Khi cởi quần, rút những miếng độn mông, vỗ vào mông lắm bầm:

“Tao đã dùng mày rất lâu rồi, vì mày mà tao bị ghẻ mông, ai cũng nghĩ tao mông cong, sao người gầy thế cơ chứ....”

Rồi cởi hết. Khóa thân.

Lấy đĩa nước keo xoa khắp người.

Nằm lăn trên thảm lông.

Người xem tham dự màn diễn: tú lông lên người cô.

Khi lông kín người, cô ngồi dậy, nhả trong miệng ra, một con chim bay vút.

Đứng lên đi qua lại, cử động bằng tác động chim tung cánh bay.

Màn diễn chấm dứt.

Phần trình diễn của các nghệ sĩ Việt Nam hôm nay ấn tượng nhất vẫn là tiết mục của Lại Thị Diệu Hà. Không phải vì “bạo”, vì “điên”, mà cao hơn thế, là vì “đẹp”.

Ý thức phải mang lại một cái gì “đẹp” rất rõ ràng trong phần trình diễn của Diệu Hà. Tuy cô nói tác phẩm này không có gì đâu, nhẹ nhàng thôi, nhưng ý nghĩa “tự do” của nó rất rõ, trong động tác của cô, nhất là với động tác cuối cùng: há miệng cho con chim nhỏ thoát thân.

Không nặng về ý nghĩa, nhưng khi một tác phẩm đẹp, tự phản xạ người xem sẽ phải tìm ý nghĩa cho điều mình ái mộ. Làm tốt phần “thẩm mỹ”, quả bóng “ý nghĩa” sẽ tự khắc chuyển sang chân người xem ấy mà... (Trích: www soi.com.vn).

(Lại thị Diệu Hà vừa là họa sĩ vừa là nghệ sĩ trình diễn về nghệ thuật hiện đại. Cô đã từng diễn nhiều lần, nhiều tác phẩm khác nhau. " Lại Thị Diệu Hà, cô giới thiệu về các performance của mình, đặc biệt gây shock là các performance diễn ra tại Nhật. Trong performance đó, cô đã dùng dao cạo râu cạo lông bộ phận kín, dùng dao rạch, rồi châm thuốc hút đi vào vết đau, cô tự hành xác để quên đi nỗi cô đơn của mình". Trích: On the net, tháng 2, 24, 2011. Tôi chỉ được xem hình và báo rồi kể lại. Không được xem màn diễn nên không dám đi sâu vào chi tiết).



Phong cách trình diễn của nghệ sĩ Lại thị Diệu Hà, chúng ta đã thấy, đã biết qua nữ nghệ sĩ Marina Abramovic. (Xin xem Hay Đẹp Tinh Cờ Phần 3 do Ngu Yên giới thiệu).

Hình: Mariana Abramovic trình diễn tự dùng roi đánh mình rướm máu.

Abramovic là một trong những nghệ sĩ dẫn đầu về việc trình diễn thật bằng chính thân thể của mình và biến khán giả thành kẻ tham dự trong màn diễn. Bà cho rằng cảm xúc khi tự đánh vào mình là cảm xúc thật sự so với với cảm xúc diễn xuất của kịch sĩ khi bị đánh giả. Người diễn lẫn người xem đều cảm nhận được nghệ thuật thật. Bà đã từng bị mang đi bệnh viện cấp

cứu nửa chừng vì khi trình diễn nằm trên ngọn lửa, quá độ, bị cháy phỏng.

Sự trình diễn Bay của nghệ sĩ Lại thị Diệu Hà mang ý nghĩa sự tự do thoát ra những ràng buộc của đời sống. Y phục là một thứ ràng buộc đầu tiên, không phải vì nó che đậy mà vì người muốn và dùng che đậy. Con chim từ miệng bay ra như linh hồn bay thoát. Động tác của người làm chim tung cánh bay và đi trên mặt đất tượng trưng cho mơ ước tự do và thân phận của con người chỉ là mơ ước. Việc hay dở, giá trị xin dành vào dịp khác. Điểm nhấn ở đây là thực hiện nghệ thuật vượt ranh giới xã hội, đạo đức, vượt những qui định bình thường, không dễ gì mấy ai dám làm, nhất là trong xã hội Việt Nam.

Việc sáng tác một bài thơ "bình thường" ai cũng có thể viết. Nếu là một thơ vượt những "bình thường", có viết hay không, phải tùy vào bản lĩnh và niềm tin của tác giả.

Bản chất của đẹp chỉ có một. Trình bày cái đẹp qua hình thức thì có muôn vàn cách trước sau. Mới hay cũ không phải là chuyện đáng quan thiết hoặc tranh cãi cực đoan. Chuyện đáng quan tâm là liệu cái hình thức của đẹp, của giá trị mà người nghệ sĩ đã chọn để diễn đạt bản chất của cái đẹp, cái giá trị, có đúng mức, có làm được theo ý nguyện hay không?

Điều này mở cửa cho một cuộc truy cập sự thay đổi hình thức của cái đẹp trong thơ. Hình thức của cái đẹp này thể hiện qua phương cách và thói quen diễn đạt của mỗi thi sĩ hoặc của mỗi trường phái thơ. Nói cụ thể hơn là cách dùng chữ, đặt câu, dùng hình ảnh, dùng âm sắc, dùng nhịp điệu, cách tạo hình tượng, cách tạo tứ thơ, cách diễn tả ý nghĩ, cách hành văn. Nói chung là văn phong và thi thái của làm thơ.

Tôi đã đi vào **đọc bài thơ** để gặp thường, thẩm, thấu. Bây giờ là lúc trở ra mặt ngoài của bài thơ. Nếu bề mặt của bài thơ là nơi thi sĩ có khả năng thay đổi hình thức của cái đẹp của thơ, thì nơi đây có thể tìm thấy tài năng của thi sĩ.

Nói một cách khác, **chúng ta là người đọc**, sau khi tìm hiểu cái đẹp cái hay của thơ qua nội dung của bài thơ, qua chiều sâu, qua ẩn ý, qua khoảng trống, bây giờ là hành trình **thưởng thức cái hay, cái tài của thi sĩ trên văn bản**.

- Trong cuộc "chữ nghĩa" này thi sĩ đã "giải phẫu" thẩm mỹ ra sao để từ một cô nữ sinh tâm thường trở thành diễn viên Park Min Young? từ những tứ những ý những ngôn ngữ bình thường trở thành ý tứ và ngôn ngữ thơ?
- Tài năng của thi sĩ không phải chỉ thể hiện ở văn phong mà còn bày tỏ ở thi thái: thái độ đối với thơ. Liệu thi sĩ có há miệng cho hồn thoát ra như cánh chim bay vút? Liệu thi sĩ

có dám diễn đạt những điều vượt qua giới hạn của xã hội, đạo đức, pháp luật, tôn giáo.....Những ràng buộc không liên quan tới nghệ thuật mà vì ám toán thanh danh. Và thanh danh đó là gì? (Xin đọc bài Nốt: Đọc Cảm Tác của Đỗ Phủ). Có dám چرا بخت خوار سوره thanh danh để thực hiện nghệ thuật?

- Tài năng của thi sĩ lúc nào cũng xuất hiện trong bài thơ hoặc chỉ xuất hiện trong một số bài thơ?

Các bạn đọc, tôi làm công việc tìm hiểu này với sự cảnh tỉnh bằng câu nói của Đức Đạt Lai Lạt Ma treo trước mặt:

“Người mà trong tâm chứa đầy cách nghĩ và cách nhìn của mình thì sẽ không bao giờ nghe được tiếng lòng người khác”.

Ngũ Yên. 20 tháng 11 năm 2012.

Nốt: Đọc Cảm Tác, thơ Đỗ Phủ.

*Văn chương thiên cổ sự
Đắc thất thốn tâm tri
Tác giả giai thù biệt
Thanh danh khởi lãg thù.*

Từ trăm năm xưa, qua bài thơ Cảm Tác, thi sĩ Đỗ Phủ đã xác nhận rằng ông thừa hưởng dòng văn chương của người đi trước, *Văn chương thiên cổ sự*. Làm thơ từ cảm xúc, *Cảm tác*. Sáng tác có giá trị hay không, tự mình đã biết, *Đắc thất thốn tâm tri*. Thơ mình không phải là hay nhất. Thơ mỗi người mỗi khác. Mỗi nhà thơ thành danh có đặc thù và phong cách riêng, *Tác giả giai thù biệt*. Có lẽ, điều quan trọng nhất, ông đã đề dành vào câu cuối, câu kết: *Thanh danh khởi lãg thù*.

Sự nghiệp thơ có giá trị sẽ mang đến giá trị cho thanh danh. Kết quả đó tự nhiên thôi. Nếu khinh xuất, nếu lơ là, làm sao thơ đạt được giá trị? Nếu không có giá trị mà có thanh danh thì danh này nhất định là danh không giá trị. Nếu đã làm thơ thì phải đứng lên từ thơ. Nếu vịn thứ khác, người khác để đứng, để nhảy thì không lẽ không đắc thất thốn tâm tri? Người xưa đã biết. Người nay có biết?.

Câu đầu là câu khai. Hai câu tiếp đều là câu thấu. Biết mình đã khó. Biết giá trị của mình càng khó hơn. Và tự biết mỗi chuyện mình làm có giá trị ra sao lại là cái khó thường xuyên. Để biết được cái hay của người khác, không phải dễ. Tâm phục tài năng người khác, xưa nay có mấy kẻ thật lòng. Câu kết chẳng những là thấu mà còn thâm. Càng suy nghĩ lại càng mơ hồ cái ý lãg thù.

Cái giá trị thanh danh mà ông nói ở đây là giá trị gì?

Đỗ Phủ là nhà nho. Một nhà nho quan tâm về thời cuộc. Đa số những bài thơ của ông là những ghi nhận của cảm xúc về thời thế và chiến loạn. Đó là vì sao người đời gọi ông là thi sử. Những bi thảm và mất mát của đời người trong loạn lạc liên miên là chủ đề và nội dung của thơ Đỗ Phủ. Giá trị trong thơ của Đỗ Phủ chính là giá trị nhân sinh. Quan niệm và thông điệp trong thơ của ông chính là nhân sinh quan của người quân tử ưu tư thời cuộc. Thanh danh mà ông lý luận ở

đây không hẳn là thanh danh của một thi sĩ làm thơ hay mà là thanh danh của một quân tử chính nho. Thơ chỉ là phương tiện để bày tỏ, diễn đạt cái chí và tấm lòng của người quân tử trong thời loạn.

Về sau, khi thơ thay đổi quan niệm, tự thân của thơ là giá trị. Thẩm mỹ trong thơ là giá trị. Nghệ thuật thơ là giá trị. Thơ không còn là phương tiện đưa đến giá trị đạo đức hoặc chân lý mà tự bản tính thẩm mỹ của thơ là giá trị đặc thù, có và đủ.

Điều này không có nghĩa là giá trị cũ không còn hợp thời. Thanh danh khởi lãng thủy không còn hiệu quả khiến cho làm thơ tha hồ lơ là hoặc khinh xuất. Trong lịch sử thi ca từ Đông sang Tây, hình như chưa có ai lơ là hoặc khinh xuất khi làm thơ mà có thơ sống trường thọ với nhân gian.

Như vậy trước khi nói đến chuyện giá trị của một bài thơ, phải nói đến giá trị của hành vi làm thơ. Hành vi này bao gồm hai việc chính, thái độ đối với thơ và phương pháp làm thơ. Khi báo chí, phê bình, người quen hỏi thi sĩ Bùi Giáng về thơ, ông thường trả lời: **Vui thôi mà**. Câu nói này trở thành câu tiêu biểu cho phong thái và cá tính của thơ và nhà thơ họ Bùi. Câu nói này cũng làm cho nhiều người làm thơ hiểu một cách lơ là nên làm thơ một cách lơ đãng. Tệ hơn nữa đã hiểu câu này một cách khinh bạc nên làm thơ không màng bị khinh thường. **Vui thôi** của Bùi Giáng có tinh thần của **tốt thôi, lành thôi, thiệt tai**.

Đó là nói về tinh thần, còn về ý nghĩa, hầu như ai cũng hiểu thi sĩ Bùi Giáng đã đạt được cái thông dong với đời thì thơ nào có thể là gánh nặng. Làm thơ thì vui. Không làm thơ, thơ cũng vui. Dễ mấy ai được như vậy.

Phương pháp làm thơ của Bùi Giáng như: *Hoàng kim nhật nhật tiêu hoàn chú // Tiên quế niên niên chiết hựu sinh // Thố tửu diêu phi như vị tức*. Và thái độ của ông đối với thơ là: *Lộ trần chung kiến thái sơn bình*.

(Hàng ngày kim loại nấu ra rồi đúc lại
Hàng năm dương liễu bị bẻ rồi mọc ra
Mặt trăng mặt trời hết xuống rồi lên không đứt đoạn
Bụi mù lắng thấy Thái Sơn vững vàng)

(Ngụ Ngôn. Vi Trang)

Nếu giá trị của thơ (gồm có làm thơ và bài thơ) tạo nên thanh danh, thì thanh danh này là thanh danh của một người làm thơ có giá trị. Không vay mượn, không nhờ vả, không cầu lụy. Tự mình tạo nên bằng thơ. Giá trị của thi sĩ không liên quan đến thiện ác của đạo đức. Không liên quan đến đúng sai của chân lý. Chỉ thuần túy liên quan đến khả năng sáng tạo và bản lĩnh sáng tác. Giá trị này bao gồm thẩm mỹ của thơ, thẩm mỹ của cảm xúc và của trọng lượng cùng chiều sâu của ý tứ. Họ làm việc này không khinh xuất, không lơ là cho dù chỉ để vui.

Đào sâu vào giá trị của bài thơ, nghệ thuật vị nhân sinh, nghệ thuật vị nghệ thuật, cả hai đều đúng. Vì cả hai đều định trên "cái áo" của giá trị nghệ thuật.

Xin dùng cô hoa hậu ở Việt nam năm 2010, Lưu thị Diễm Hương, làm ví dụ, vừa đẹp lại vừa dễ hiểu:





*(**Hoa hậu Thế giới người Việt (Miss Vietnam World).**Cuộc thi mới được tổ chức hai lần vào các năm 2007 và 2010 đều tại Vinpearl Land, Nha Trang, Khánh Hòa. Đương kim Hoa hậu Thế giới người Việt là Lưu Thị Diễm Hương)*

Cô Hương đẹp. Trang điểm làm cô Hương đẹp thêm. Y phục, mỗi vẻ, làm cô thuyết phục tầm nhìn khác nhau: Mỹ miều, hấp dẫn, kiêu sa....Nếu chỉ thấy một tấm hình, không thể nào nhìn thấy tổng thể của cái đẹp. Tiêu chuẩn của hoa hậu không phải chỉ có đẹp, còn có tầm mức trí tuệ và một tâm hồn hướng về đại chúng. Nói một cách khác là giá trị của hoa hậu bao gồm đẹp, trí và tâm.

Nếu theo người xưa, họ sẽ lấy tiêu chuẩn, nghệ thuật vị nhân sinh làm chính, *cái nét đánh chết cái đẹp*. Cái đẹp của trí tuệ và tâm hồn sẽ được coi trọng hơn cái đẹp của nhan sắc. Ngày nay, hoa hậu trước hết là phải đẹp. Hai điều kiện còn lại phải đạt điều kiện đầu tiên. Cái đẹp về nhan

sắc và hình hài luôn luôn thay đổi theo thời đại và đặc nét theo từng dân tộc. Nhưng xưa hoặc nay gì cũng vậy, được gọi là mỹ nhân, đều thấy đẹp.

Một người đẹp mà nói năng kiêu rống óc thì dễ bị chán. Một người đẹp mà ác nghiệt, hung dữ thì dễ bị ghét bỏ. Một người đẹp đúng nghĩa là người vừa có nét đẹp của nhan sắc và hình hài, vừa có nét đẹp của trí tuệ và nét đẹp của tâm hồn.

Nét đẹp của trí tuệ không phải là khả năng suy tư sâu sắc hoặc trình độ thông minh mà là cái ánh sáng của ý tưởng soi sáng trong tương quan giữa người và người. Nét đẹp của tâm hồn không phải là mức độ của đạo đức hoặc phản ứng của lương tâm mà là khả năng tử tế làm cho người khác cảm kích và yêu thích.

Trường hợp giá trị của bài thơ cũng tương tự. Bên ngoài của nghệ thuật, có thể thấy sự khác biệt giữa nhân sinh và nghệ thuật. Nên mới có hai phái nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh. Bên trong của **nghệ thuật vị** chính là một khối chung của **nhân sinh và nghệ thuật**. Nói một cách khác, không phải nghệ thuật phục vụ cho nhân sinh hay phục vụ cho nghệ thuật mà nghệ thuật phục vụ cho nét đẹp của nhân sinh. Bản chất nhân sinh và thẩm mỹ nhân sinh là hai chuyện khác nhau.

Hoa Trà và sắc đẹp của hoa Trà là hai chuyện khác. Tuy nhiên, dễ bị ảnh hưởng vì khi nhìn một bông hoa Trà, người ta thường cảm nhận nét đẹp của hoa cùng một lúc với kiến thức hiểu biết về hoa Trà và tâm sự hoặc kỷ niệm liên quan đến hoa. Vậy thì thơ không phải chỉ là nét đẹp của hoa, cũng không chỉ là ý tưởng và tâm tình về hoa, mà thơ là cái cảm khái, xúc động khi va chạm với sắc đẹp xuất phát từ hoa gợi ra nét đẹp của ý tưởng và tình cảm dính liền với đóa hoa. Giá trị của bài thơ là diễn đạt cái đẹp này như thế nào với phẩm và lượng của cái đẹp.

Khi gặp gỡ một đóa hoa Trà, mỗi người đều có hai hoa Trà khác nhau: một là hoa Trà chung của sự hiểu biết và kinh nghiệm và hai là hoa Trà riêng đang thấy trước mặt. Hai hoa Trà này nhập lại thành một hoa Trà đặc thù trong ý tưởng và tâm tình của người xem hoa. Vì vậy, cùng nhìn một đóa hoa, hai người sẽ có hai đóa hoa khác nhau trong trí tưởng. Và mỗi người sẽ cảm nhận nét đẹp khác nhau. Cường độ và phẩm chất và trọng lượng của nét đẹp này sẽ tạo ra giá trị của thơ. Vì vậy, hoa Trà héo hay tươi, đỏ hay trắng, lớn hay nhỏ, mười cánh hay mười lăm cánh; mọc ở đâu, cắm bình nào, cách trồng tỉa, cách săn sóc..v..v...sẽ là những tứ thơ để diễn nét đẹp của đóa hoa đặt thù trong trí và tình của thi sĩ.

Nhìn ở khía cạnh khác, đời sống tự bản thân nó là một sự buồn chán, đau khổ và thất vọng. Những niềm vui và hạnh phúc đến như những người khách viếng thăm. Ở lại đôi ngày, đôi tháng, đôi năm rồi ra đi. Cảm nghiệm được điều đó và để cân bằng tâm tưởng và tâm lý đó, con người tạo ra tôn giáo, triết lý, nghệ thuật và khoa học. Kết quả của những đền bù này luôn luôn

thiếu. Đó cũng là yếu tính bi kịch của đời sống. Tôn giáo giải quyết câu chuyện tiếp theo sau khi bi kịch chấm dứt. Triết lý đi tìm giải đáp cho bi kịch. Khoa học tìm đáp án làm cho bi kịch này tốt hơn. Nghệ thuật làm cho bi kịch này đẹp hơn. Nói riêng về thi ca, thơ là một cách làm đẹp những diễn biến trong bi kịch làm người.

Ví dụ như thời đại Đường Thi, biết bao nhiêu là thơ thi ngôn chí, biết bao nhiêu là bài thơ mang những thông điệp triết lý cao siêu, nhân sinh sâu sắc, nhưng chỉ có một số bài được lưu truyền và sống sót qua thời gian vì chúng diễn đạt được nét đẹp của ý tưởng và nét đẹp của tâm tình.

Huyền ngưng chi ế thanh đình xứ // Biệt hữu thâm tình nhất vạn trùng (Ngón tay thôi gảy, dây ngưng, không gian im lặng // nhưng trong tâm tiếng đàn vang động gấp ngàn lần) (Dạ Tranh. Bạch Cư Dị).

Đọc một bài thơ khác của ông, Hoa Phi Hoa. Trong bài này ý tứ thật thâm trầm. Nhưng chính nét đẹp của tứ hoa và sương, mộng và thực và nét đẹp của ý và tình lãng mạn phiêu diêu đã làm cho bài thơ có giá trị. Đọc xong ta tự dưng không biết là thực hay là mộng? người hay chiêm bao? Thương nhớ nhẹ nhàng mà ray rứt.

*Hoa phi hoa,
Vụ phi vụ.
Dạ bán lai,
Thiên minh khứ.
Lai như xuân mộng kỷ đa thời,
Khứ tự triêu vân vô mịch xứ!*

Bản dịch của Phụng Hà:

*Hoa chẳng hoa,
Sương chẳng sương.
Nửa đêm ai đến,
Lên đường rạng đông.
Đến mang bao mộng xuân nồng,
Đi như mây sớm, phiêu bồng phương nào?*

Đọc một bài thơ nặng nề nhân sinh quan của Đỗ Phủ, Chính Phu:

Thập thất kỷ nhân tại ?
 Thiên sơn không tự đa.
 Lộ cù duy kiến khóc,
 Thành thị bất văn ca.
 Phiêu ngạnh vô an địa,
 Hàm mai hữu hạ qua.
 Quan quân vị thông Thực,
 Ngô đạo cánh như hà !

Dịch nghĩa: Đếm trong mười nhà còn có mấy trai tráng? Trên núi vắng vẻ. Tiếng khóc vọng ra đường, chợ búa không còn nghe tiếng ca. Như bè trôi vô định, chịu đựng vác gáo trên vai. Quan quân vị Thực còn binh lửa, ta biết làm sao!

Ý tưởng bi quan và tâm tình xúc động khi nhìn thấy cảnh loạn ly tan tác là những tình ý thơ rất bình thường. Bất cứ một người nào cũng có thể có. Trong nhiều hoàn cảnh thảm khốc hơn, ý tưởng và tâm sự về chiến tranh còn bộc lộ kinh hoàng hơn nữa. Nhưng chính những ý tứ: *lộ cù duy kiến khóc, thành thị bất văn ca, tiếng khóc vang ra đường, phố thị vắng tiếng hát* đã làm đẹp cảnh tượng tiêu điều của loạn lạc, làm đẹp không khí thê lương của mất còn. Rồi câu: *Ngô đạo cánh như hà, ta biết làm gì đây*. Câu thơ thấu làm người đọc "thở dài nhẹ", ai mà qua được mệnh trời. Có thể nói rằng, không phải ý tưởng và tâm tình của tác giả đã làm nên giá trị bài thơ mà chính những nét đẹp của nhân sinh quan này làm cho bài thơ có giá trị.

Nếu hỏi rằng thơ hay là gì? Thơ có giá trị là sao? Có lẽ khó có câu trả lời chung, khó có câu trả lời thỏa đáng. Nhưng nếu đặt câu hỏi: bài thơ này có hay không? Hỏi một cách chuyên hơn là bài thơ này có giá trị hay không? Có lẽ tôi sẽ có lòng tin trả lời một cách tương đối. Cũng như hỏi đẹp là gì và hỏi cô A, cô B có đẹp không? Hoa hồng, hoa trà có đẹp không?

Thơ giá trị không phải là thơ đẹp. Vì cho là thơ đẹp là thơ hay nên nhiều người trau chuốt và đánh bóng bài thơ qua hình thức bóng bẩy, sang trọng hoặc kỳ quái. Hoặc họ trình bày những tứ thơ mơ màng, lộng lẫy, lạ lùng. Giá trị bài thơ nằm ở chỗ nghệ thuật diễn đạt lời cùng câu và diễn đạt thẩm mỹ của ý và tình.

Đọc thêm giai thoại:

Liên quan đến Sơn Trà, là một giai thoại giữa Nguyễn Khuyến và Chu Mạnh Trinh. Đọc bài thơ

của Nguyễn Khuyến, ít mấy ai không thích thú nhưng vì sao bài thơ này lại không được xem là bài thơ có giá trị?

Tương truyền khi Lê Hoan là tuần phủ Hưng Yên đứng ra tổ chức cuộc thi thơ vịnh "Kiều" ở Tao đàn Hưng Yên năm 1905, hắn có mời Nguyễn Khuyến vào ban chấm thi. Khi ấy, khách văn chương ở các tỉnh gửi bài về rất nhiều; riêng Chu Mạnh Trinh gửi hai chục bài đến dự thi và đoạt giải nhất. Nguyễn Khuyến chấm thơ Chu Mạnh Trinh cho là khá; nhưng đọc đến hai câu trong bài vịnh Sở Khanh:

Làng nho người cũng coi ra vẻ,

Bơm xỏ ai ngờ mắc phải tay!

Nguyễn Khuyến tỏ vẻ không bằng lòng, phê ngay vào bên cạnh rằng:

Rằng hay thì thực là hay,

Đem "nho" đối "xỏ" lão này không ưa.

Chẳng mấy chốc, chuyện ấy lọt ra ngoài rồi lan khắp trong làng nho, ai nghe cũng lấy đó làm một giai thoại để giễu họ Chu.

Chu Mạnh Trinh từ đấy giận Nguyễn Khuyến. Khi làm án sát Hưng Yên, nhân ngày Tết, Chu cho người mang đến biếu Nguyễn Khuyến một chậu hoa trà với dụng ý cũng khá thâm: Nguyễn Khuyến lúc ấy đã bị lòa cả hai mắt, mà họ Chu lại tặng hoa chỉ có sắc, không có hương, như thể là có ý xỏ lá. Hiểu thâm ý của Chu, Nguyễn Khuyến bèn làm bài thơ mỉa như sau gửi lại cho Chu Mạnh Trinh:

Tết đến người cho một chậu trà

Đương say còn biết cóc đâu hoa!

Da môi tóc bạc, ta già nhĩ,

Áo tía đai vàng, bác đó a?

Mưa nhỏ những kinh phùng xỏ lá

Gió to luống sợ lúc rơi già!

Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,

Đếch thấy hơi thơm, một tiếng khà!

Chu Mạnh Trinh đọc xong thơ vừa thẹn vừa ân hận.

(Hoàng Ngọc Phách và Kiều Thu Hoạch)

Có thể nói bài thơ này của thi sĩ Nguyễn Khuyến hay ở chỗ châm biếm. *Đếch thấy hơi thơm, một tiếng khà* như một tiếng cười khẩy mỉa mai. Bài thơ này trở thành giai thoại, một thứ ngoại sử

của làng thơ nhưng không thể là bài thơ có giá trị. Có ý xiên xỏ. Có tình khi dễ. Không thấy nét đẹp nào của ý, của tình này. Chỉ thấy được bản lãnh sắc bén của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ.

Nếu giá trị của thơ tạo ra giá trị thanh danh của người làm thơ và giá trị của thơ là giá trị của nghệ thuật tạo ra cái đẹp của tư tưởng và tình cảm, thì thanh danh của nhà thơ được xây dựng trên hành vi đối với thơ và tác phẩm nghệ thuật tạo ra nét đẹp của trí và nét đẹp của tình.

Lại một giai thoại khác, một bài thơ xỏ xạo khác nhưng lại có giá trị ở khía cạnh ngôn ngữ.

Tự Đức vốn là ông vua sành thơ và hay khoe thơ mình. Nghĩ được câu thơ nào thường vẫn đem đọc cho quần thần nghe và lấy làm tự đắc lắm.

Một hôm sau buổi chiều, Tự Đức nói với các quan:

- Đêm qua trẫm nằm mơ làm được hai câu thơ thật kỳ lạ, để trẫm đọc cho các khanh nghe!

Rồi đọc luôn:

Viên trung oanh chuyển "khê khà" ngữ

Dã ngoại đào hoa "lắm tấm" khai

Các quan nghe xong đều lấy làm lạ vì chưa hề được nghe lời thơ **vừa hán vừa nôm** ấy bao giờ, nhất là những chữ "khê khà", "lắm tấm" nghe thật thú vị. Còn Cao Bá Quát lúc bấy giờ cũng có mặt ở đấy, thì vẫn thản nhiên mà cười rằng:

- Tâu bệ hạ, tưởng gì chứ hai câu ấy thì từ hồi còn để chòm đi học, thần đã được nghe rồi ạ!

Thần được nghe cả tám câu kia, nếu bệ hạ cho phép, thần xin đọc lại tất cả.

Tự Đức đang hí hửng về mấy câu thơ hán trộn nôm độc đáo của mình, không dè lại bị Quát dội một gáo nước lạnh thì tức lắm, vì rõ ràng hai câu thơ đó chính ông ta đã nghĩ ra. Tuy nhiên, ông ta vẫn cố trấn tĩnh bảo Quát đọc cho nghe cả bài thơ, với thâm ý nếu không đọc được thì sẽ trị cái tội khi quân ấy cho hả giận.

Còn đình thần cũng bức tức là Quát dám cả gan xúc phạm đến vua, và họ đang chờ một trận lôi đình; ông nọ lăm lét nhìn ông kia, không khí triều đình trở nên căng thẳng, nặng nề khác thường...

Quát bình thản suy nghĩ một lát như để nhớ lại một bài thơ lâu ngày không nhìn đến, rồi cất giọng sang sảng ngâm rằng:

*Bảo mã tây phương **huếch hoác** lại,*

***Huênh hoang** nhân tự thác đề hồi.*

*Viên trung oanh chuyển **khê khà** ngữ,*

Dã ngoại đào hoa **lắm tấm** khai.
 Xuân nhật bắt vắn sương **lộp bộp**,
 Thu thiên chỉ kiến vũ **bài nhài**.
Khù khờ thi tứ đa nhân thức,
Khệnh khạng tương lai vấn tú tài.

Nghĩa là:

Ngựa báu từ phía tây **huếch hoác** lại,
 Người **huênh hoang** nhờ cậy dều về.
 Trong vườn oanh hót giọng **khê khà**.
 Ngoài đồng hoa đào nở **lắm tấm**.
 Ngày xuân chẳng nghe tiếng sương rơi **lộp bộp**.
 Tiết thu chỉ thấy mưa **bài nhài**.
 Tứ thơ **khù khờ** đã nhiều người biết,
Khệnh khạng còn mang đến hỏi tú tài.

Bài thơ vừa đọc dứt, cả đình thần hoang mang nhìn nhau, còn Tụ Đức thì biết đích là Cao Bá Quát chơi xỏ mình, nhưng cũng rất sững sốt và hết sức thán phục. Vua sai lấy chè và quế ban cho Quát. (Trích: <http://maxreading.com/sach-hay/khoa-hoc>).

Phải nhận tài linh hoạt và ứng biến của Cao Bá Quát không thua gì Tào Thục đi bảy bước làm bài thơ cứu mạng. Sự châm chọc và chế diễu của ông vừa độc đáo lại xuất sắc. Cái giá trị mà người sau công nhận ở đây là sự dùng những chữ nôm vào thơ hán vừa chỉnh lại vừa hay. Riêng hai câu cuối, câu cài và câu kết: *Khù khờ thi tứ đa nhân thức, Khệnh khạng tương lai vấn tú tài*. Không thể nào đảo để hơn. Mới hiểu, trong lòng của ông Cao Bá Quát vốn đã xem thường vua quan đương thời cho nên chuyện ông làm phản về sau chẳng qua chỉ là chuyện phải đến.

Cái thanh danh mà ông Đỗ Phủ nói: **Thanh danh khởi lãng thù**, không thể khinh xuất, không nên làm bậy, là những gì ông Cao bá Quát đã liệt kê:

- Ngựa tốt cần gì huếch hoác
- Người tài cần gì huênh hoang, cần gì nhờ cậy
- Thơ đâu phải để khê khà

Và ông rất chính xác khi kết luận: **Khù khờ thi tứ đa nhân thức, Khệnh khạng tương lai vấn tú tài**. Những ý nghĩ này đã tiềm tàng rất lâu qua kinh nghiệm và va chạm trong đời sống, tạo ra

lòng ngán ngẫm và khinh mạn. Câu thơ của vua Tự Đức chẳng qua là cái đốt, khai hỏa cho khò khò và khệnh khạng mà thôi.

Trích: Giai thoại

<http://thegioitinhoc.vn/home/thu-gian/122605-giai-toai-ve-danh-nhan-viet-nam-cai-ba-quat.html?langid=1>

Mục Lục

Nháp và Nốt Phần 2

Hoài Nghi và Thám Hiểu Nghệ Thuật.	04.
If you cannot be a poet, be the poem.	14.
Hiểu và Cảm. Thăm và Thấu.	21.
Bài Thơ Thường, Thấu, Thăm	43.
Nốt: Đẹp và Làm Đẹp.	74.
Nốt: Đọc "Cảm Tác", Thơ Đỗ Phủ.	85.

Tác phẩm sẽ phát hành:

- *Thơ Vĩnh Biệt. Tuyển Tập Thơ Nhật Bản. "Japanese Death Poems". Yoel Hoffmann. Ngu Yên.*
- *Tuyển tập Thơ Phi Châu. Modern African Poetry. Gerald Moore & Ulli Beier. Ngu Yên.*
- *Nháp và Nốt. Phần 3. Ngu Yên*
- *Thơ 2013. Ngu Yên.*

Nháp Với Nốt. Phần 2. Tùy Luận Với Thơ . Tập 13.